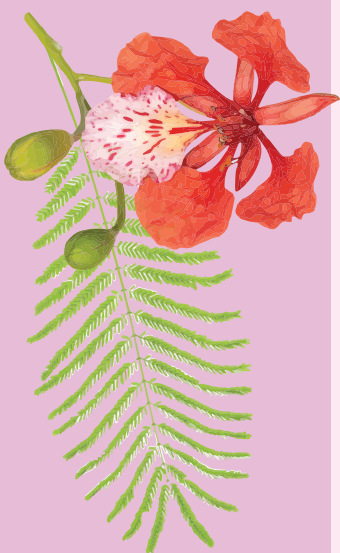


HẢI PHÒNG

LỊCH SỬ



Chương II

**VỪA SẢN XUẤT,
VỪA CHIẾN ĐẤU,
GÓP PHẦN ĐÁNH THẮNG
HAI CUỘC CHIẾN TRANH
PHÁ HOẠI VÀ PHONG TỎA
CỦA ĐẾ QUỐC MỸ,
BẢO VỆ MIỀN BẮC,
GIẢI PHÓNG MIỀN NAM
(1965 - 1975)**

I- ĐÁNH THẮNG CHIẾN TRANH PHÁ HOẠI LẦN THỨ NHẤT CỦA ĐẾ QUỐC MỸ, GIỮ VỮNG SẢN XUẤT VÀ ĐỜI SỐNG, CHI VIỆN CHO TIỀN TUYẾN (1965 - 1968)

1. Triển khai thế trận chiến tranh nhân dân bảo vệ thành phố, đánh thắng chiến tranh phá hoại và phong tỏa lần thứ nhất

Chiến lược “Chiến tranh đặc biệt” bị thất bại, ngày 08/3/1965, đế quốc Mỹ cho quân trực tiếp tham chiến tại miền Nam và liên tiếp tiến hành các chiến dịch “*Mũi lao lửa*”, “*Sấm rền*” leo thang, mở rộng đánh phá miền Bắc. Trung bình mỗi ngày, Mỹ huy động từ 160 đến 250 lần chiếc máy bay và tàu chiến. Đây là lần đầu tiên trong lịch sử thế giới xuất hiện kiểu chiến tranh phá hoại bằng không quân và hải quân với quy mô lớn, mức độ ác liệt như vậy.

Một trong những mục tiêu chủ yếu, trọng điểm của đế quốc Mỹ trong chiến tranh phá hoại đối với miền Bắc là Hải Phòng, nhằm bao vây, cô lập, cắt đứt nguồn chi viện của các nước xã hội chủ nghĩa anh em, ngăn chặn giao thông vận chuyển từ Hải Phòng đi các nơi; ngăn chặn sự chi viện của miền Bắc cho tiền tuyến lớn miền Nam; phá hoại tiềm lực kinh tế, quốc phòng; gây khó khăn về đời sống, lung lạc tinh thần, đánh bại ý chí, quyết tâm chiến đấu của quân dân thành phố và quân dân miền Bắc. Chính vì vậy, Hải Phòng là một trong những địa phương trên miền Bắc sớm bước vào chiến đấu chống chiến tranh phá hoại. Trước tình hình đó, ngay từ những ngày đầu năm 1965, Thành ủy Hải Phòng khẩn trương chỉ đạo triển khai sắp xếp, bố trí, tổ chức bộ máy, kế hoạch phòng không nhân dân và lực lượng chiến đấu. Ngày 24/02/1965, Thành ủy ra nghị quyết về thành lập Ban Cán sự đảng ở một số ngành: công nghiệp địa phương,

nội thương, ngoại thương, y tế. Các đảng bộ cơ quan chính - dân - đảng, tuyên - văn - giáo và nông nghiệp được thành lập.

Đầu tháng 02/1965, Thành ủy Hải Phòng tổ chức đoàn cán bộ vào tuyến lửa Quảng Bình, Vĩnh Linh để học tập kinh nghiệm chống chiến tranh phá hoại. Ngày 05/3/1965, Thành ủy Hải Phòng ra Nghị quyết số 06-NQ/TU về công tác phòng không nhân dân. Công tác vận động sơ tán được tiến hành khẩn trương theo hướng: đưa dân đi phát triển kinh tế - văn hóa miền núi, khai hoang ở địa phương, vận động 1/3 số dân sơ tán khỏi nội thành. Các cơ quan, xí nghiệp có điều kiện thì sơ tán ra ngoại thành. Khu Hồng Bàng sơ tán dân ra huyện An Dương, khu phố Lê Chân sơ tán dân sang huyện An Lão; khu phố Ngô Quyền sơ tán dân sang huyện Kiến Thụy. Một số đoàn cán bộ được cử lên miền núi vùng Lục Nam, Lục Ngạn (Bắc Giang) và tỉnh Lào Cai... để làm công việc chuẩn bị đưa dân đi. Các cơ quan chuyên trách công tác phòng không nhân dân, đảm bảo giao thông được thành lập. Thành phố lập 2 Sở chỉ huy phòng không I và II. Chế độ giao ban, trực chỉ huy, chỉ đạo chiến đấu được thực hiện chặt chẽ hàng ngày. Hệ thống quan sát, nắm địch được bố trí từ đất liền đến hải đảo. Báo động chiến đấu, sơ tán được thông báo trên hệ thống đài phát thanh, còi báo động, keng và các hiệu lệnh quy định. Phán đoán âm mưu địch sẽ đánh phá vào hệ thống radar, Quân khu Tả ngạn, Quân chủng Hải quân, Quân chủng Phòng không - Không quân tăng cường lực lượng cho đảo Bạch Long Vĩ. Quân và dân Hải Phòng đã chủ động sẵn sàng bước vào cuộc chiến tranh nhân dân chống cuộc chiến tranh phá hoại bằng không quân và hải quân của đế quốc Mỹ.

Sáng ngày 26/3/1965, đế quốc Mỹ huy động nhiều máy bay đánh phá đảo Bạch Long Vĩ, mở đầu cuộc chiến tranh phá hoại ở Hải Phòng. Các trận địa pháo cao xạ của bộ đội, các tổ bắn máy bay của tự vệ kịp thời nhả đạn. Một máy bay F.4 bị bắn rơi.

Đây là chiếc máy bay Mỹ đầu tiên bị quân dân Hải Phòng tiêu diệt. Chiều ngày 29/3/1965, địch đánh phá đảo Bạch Long Vĩ lần thứ hai. 42 lần chiếc máy bay, chia thành nhiều tốp liên tục đánh phá đảo trong 1 giờ 15 phút. Hơn 100 căn nhà cùng nhiều tài sản của nhân dân trên đảo bị phá hủy. Tuy nhiên, chúng đã bị quân dân trên đảo trừng trị đích đáng, 5 máy bay bị bắn rơi. Chiến công xuất sắc của quân dân đảo Bạch Long Vĩ được Bộ Tổng tư lệnh và Bộ Tư lệnh Quân khu đánh giá cao. Đặc biệt, quân dân trên đảo vinh dự được Chủ tịch Hồ Chí Minh tặng thưởng cờ luân lưu “*Quyết tâm đánh thắng giặc Mỹ xâm lược*”. Thành phố đã tổ chức trọng thể lễ mừng công đón nhận cờ thưởng luân lưu của Người nhằm động viên quyết tâm đánh Mỹ và thắng Mỹ của quân dân thành phố. Hai trận chiến đấu ngày 26 và ngày 29/3/1965 của quân dân đảo Bạch Long Vĩ đánh dấu một thời kỳ mới của quân dân Hải Phòng: thời kỳ vừa sản xuất, vừa trực tiếp chiến đấu, kiên quyết đánh thắng cuộc chiến tranh phá hoại của giặc Mỹ, đồng thời ra sức chi viện tiền tuyến lớn miền Nam. Để bảo đảm chiến đấu lâu dài, Thành ủy chủ trương sơ tán một bộ phận nhân dân Bạch Long Vĩ về đảo Cát Bà. Tự vệ chiến đấu và những người có sức khỏe ở lại đảo, tiếp tục sản xuất, chiến đấu và phục vụ chiến đấu. Lực lượng bắn máy bay, đánh tàu chiến được tăng cường.

Ngày 25/3/1965, Ban Chấp hành Trung ương Đảng họp Hội nghị lần thứ 11, nhận định: “Với những âm mưu và hành động mới của đế quốc Mỹ, tình hình một nửa nước có chiến tranh, một nửa nước có hòa bình đã biến thành *tình hình cả nước có chiến tranh* với hình thức và mức độ khác nhau ở mỗi miền; trong cuộc chiến tranh cách mạng yêu nước của nhân dân cả nước chống đế quốc Mỹ, miền Nam vẫn là *tiền tuyến lớn*, miền Bắc vẫn là *hậu phương lớn*, nhưng nhiệm vụ của miền Bắc là vừa xây dựng, vừa

trực tiếp chiến đấu, vừa chi viện cho tiền tuyến lớn miền Nam”¹. Hội nghị hạ quyết tâm động viên quân dân cả nước “cố gắng gấp bội, thực hiện một cách tích cực gấp bội những đường lối và phương châm đã đề ra... *tích cực kiểm chế và thắng địch trong cuộc chiến tranh đặc biệt ở mức cao nhất ở miền Nam... đồng thời chuẩn bị sẵn sàng đối phó và quyết thắng cuộc chiến tranh cục bộ ở miền Nam nếu địch gây ra; tiếp tục xây dựng miền Bắc... kiên quyết bảo vệ miền Bắc đánh thắng cuộc chiến tranh phá hoại và phong tỏa bằng không quân, hải quân của địch*”². Hội nghị quyết định chuyển hướng nền kinh tế miền Bắc sang thời chiến và tăng cường lực lượng quốc phòng. Về kinh tế, đẩy mạnh phát triển nông nghiệp, chú trọng phát triển công nghiệp địa phương và thủ công nghiệp, kết hợp với xây dựng những xí nghiệp vừa và nhỏ, phát triển kinh tế theo từng vùng chiến lược quan trọng để mỗi vùng có thể tự bảo đảm một phần nhu cầu thiết yếu cho đời sống, cho chiến đấu; điều chỉnh lại các chỉ tiêu xây dựng cơ bản cho phù hợp với tình hình địch đánh phá ngày càng lan rộng, nhưng vẫn bảo đảm phương hướng lâu dài của công cuộc công nghiệp hóa xã hội chủ nghĩa.

Đầu tháng 5/1965, Thành ủy Hải Phòng tổ chức quán triệt Nghị quyết Hội nghị lần thứ 11 Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa III và xác định: “Việc đối phó với chiến tranh phá hoại của địch phải được tiến hành một cách tích cực, khẩn trương, triệt để, có hiệu quả nhất” phải đạt được yêu cầu: “Đánh địch tốt, tránh địch tốt, giải quyết hậu quả nhanh chóng, kịp thời với kết quả tốt nhất, bảo vệ Cảng và bảo đảm giao thông vận tải thông suốt trong mọi tình huống”. Trong chiến đấu với máy bay địch phải: “Dũng cảm, bắn trúng, bắn rơi nhiều máy bay địch tại chỗ, bắt

1, 2. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đảng toàn tập*, Sđd, t.26, tr.108, 109.

sống giặc lái, bảo vệ được mục tiêu quan trọng...”. Công tác phòng tránh phải lấy “bảo vệ con người là yêu cầu cao nhất”¹. Trong chỉ đạo chuyển hướng kinh tế, Thành ủy, Ủy ban hành chính thành phố chủ trương: “Đi đôi với việc bảo vệ và phát huy tiềm lực trong khu vực kinh tế do Trung ương quản lý, phải đặc biệt quan tâm xây dựng và phát triển mạnh mẽ kinh tế địa phương nhằm trước hết giải quyết tốt những yêu cầu về sản xuất, chiến đấu và đời sống của địa phương, đồng thời phục vụ cho nhu cầu của Trung ương và các tỉnh bạn trong phạm vi nhất định. Bất kể tình huống nào cũng phải bảo đảm tốt hoạt động của cảng và giao thông vận tải... đảm bảo nông nghiệp phát triển toàn diện, mạnh mẽ, vững chắc”². Hải Phòng khẩn trương chuyển hướng mọi hoạt động từ thời bình sang thời chiến. Thành phố đẩy mạnh công tác phòng không nhân dân, tập trung tổ chức cho nhân dân nội thành, nội thị, các nhà máy, xí nghiệp, trường học, bệnh viện; tổ chức đào hầm, hố phòng tránh, thành lập các đội giải quyết hậu quả, lập phương án hoạt động của cảng, lập sổ chỉ huy, bố trí lực lượng phối hợp chiến đấu với bộ đội...

Ngày 22/4/1965, Quân ủy Trung ương và Bộ Quốc phòng quyết định nâng cấp Lữ đoàn 350 thành Sư đoàn 350³. Ngày 19/5/1965, Quân ủy Trung ương và Bộ Quốc phòng quyết định thành lập Bộ Tư lệnh Phòng không bảo vệ Hải Phòng. Theo chỉ thị của Bộ và Quân khu, thành phố cấp tốc huy động lực lượng bộ đội, dân quân tự vệ, công nhân, xã viên các hợp tác xã nông nghiệp và học sinh xây dựng các trận địa pháo cao xạ, tên lửa và mở rộng sân bay Kiến An. Quân chủng Hải quân chỉ đạo các đơn

1, 2. Xem Nghị quyết Hội nghị Thành ủy Hải Phòng ngày 6, 7 và 21/5/1965, tr.18, 21.

3. Xem *Lịch sử Sư đoàn 350*, Nxb. Quân đội nhân dân, Hà Nội, 1997, tr.158.

vị triển khai kế hoạch chống địch phong tỏa, bảo vệ vùng biển, cảng và các đảo. Bộ đội radar xây dựng thêm một số trạm quan sát ở Đồ Sơn, Kiến Thụy, Thủy Nguyên, Cát Bà...

Thường vụ Thành ủy, Ủy ban hành chính thành phố thực hiện chế độ giao ban, trực chỉ huy, chỉ đạo chiến đấu, hiệp đồng giữa các đơn vị. Thành ủy và Bộ Tư lệnh Sư đoàn 350 còn tổ chức cho các đồng chí Thành ủy viên và cán bộ các ngành, các cấp học tập về quân sự, bồi dưỡng một số hiểu biết về địch, về tính năng tác dụng của một số loại vũ khí phòng không... nhằm nâng cao năng lực chỉ đạo, chỉ huy quân sự, đáp ứng yêu cầu của địa phương và các đơn vị binh chủng trong chiến đấu hiệp đồng bảo vệ thành phố. Ngay từ tháng 6/1965, Hải Phòng đã tổ chức Ban Chỉ huy phòng không nhân dân thành phố do đồng chí Phó Chủ tịch Ủy ban hành chính thành phố, Chính ủy Bộ Tư lệnh Sư đoàn 350, làm Trưởng ban và đồng chí Phó Tư lệnh Bộ Tư lệnh Sư đoàn 350, làm Tham mưu trưởng. Các giám đốc Sở Bưu điện, Sở Y tế, Sở Xây dựng và Đài Truyền thanh thành phố làm ủy viên.

Hệ thống đài quan sát phát hiện máy bay địch của quốc gia, của quân khu và của thành phố được tổ chức rộng khắp, nhiều vòng, nhiều hướng từ hải đảo tới đất liền, từ các cửa sông, ven biển vào đến trung tâm thành phố. Riêng bộ đội địa phương và dân quân tự vệ đã tổ chức 628 đài¹. Việc báo động chiến đấu và báo yên do Sở Chỉ huy phòng không điều hành, sử dụng còi báo động lớn đặt trên nóc Nhà máy Nước nối với hệ thống loa phóng thanh, truyền thanh tới mọi nơi trong thành phố. Ban đêm, ngoài còi báo động, thành phố còn dùng cả đèn tín hiệu trên đỉnh núi Thiên Văn để thông báo cho nhân dân. Ban Bảo đảm giao thông thành phố được thành lập do một Ủy viên Ban Thường vụ

1. Xem *Một số kinh nghiệm về xây dựng và triển khai kế hoạch tác chiến bảo vệ thành phố Hải Phòng*, Tài liệu lưu tại Bộ Chỉ huy Quân sự thành phố Hải Phòng, tr.19.

Thành ủy, Phó Chủ tịch Ủy ban hành chính thành phố làm Trưởng ban; đồng chí Giám đốc Sở Giao thông vận tải làm Tham mưu trưởng; đồng chí Chủ nhiệm Công binh Bộ Tư lệnh Sư đoàn 350 làm Ủy viên thường trực. Tháng 12/1965, Thành ủy quyết định thành lập Ban Quân sự Thành ủy, gồm một số ủy viên Ban Thường vụ Thành ủy, Thường trực Ủy ban hành chính thành phố, Giám đốc Sở Công an, Tư lệnh và Chính ủy Sư đoàn 350, Bộ Tư lệnh Sư đoàn Phòng không 363, Bộ Tư lệnh Hải quân, do đồng chí Bí thư Thành ủy làm Trưởng ban, Chủ tịch Ủy ban hành chính thành phố làm Phó Trưởng ban, Tư lệnh Sư đoàn 350 làm Tham mưu trưởng. Đây là cơ quan thường trực về công tác quân sự của Thành ủy, có nhiệm vụ thống nhất chỉ đạo các lực lượng chiến đấu trên địa bàn, chỉ đạo xây dựng thế trận phòng không nhân dân, tổ chức hiệp đồng chiến đấu giữa các đơn vị, các lực lượng, tổ chức phục vụ chiến đấu, khắc phục hậu quả, tổ chức sơ tán, bảo đảm giao thông vận tải...

Hưởng ứng lời kêu gọi thiêng liêng chống Mỹ, cứu nước của Chủ tịch Hồ Chí Minh, hàng vạn thanh niên nam nữ ở các nhà máy, xí nghiệp, cơ quan, trường học, hợp tác xã nông nghiệp, đánh cá, làm muối đăng ký “*Ba sẵn sàng*”. Hội Phụ nữ thành phố hưởng ứng phong trào “*Ba đảm đảm*”, động viên chị em tham gia đảm đảm sản xuất và công tác, đảm đảm việc nhà, đảm đảm chiến đấu và phục vụ chiến đấu thay chồng con ra trận. Ở cảng và các nhà máy, xí nghiệp, nữ công nhân tình nguyện đứng máy, lái xe. Phụ nữ nông thôn tập cày bừa, đảm nhận phần lớn công việc sản xuất. Các cụ phụ lão phát động phong trào “*Diên Hồng chống Mỹ*”. Noi gương các bô lão thời Trần, các cụ động viên con cháu ra sức sản xuất, chiến đấu ở địa phương và hăng hái lên đường giết giặc. Nhiều cụ xung phong vào đội “*Bạch đầu quân*”, “*Hội bảo trợ dân quân*”, “*Hội bảo trợ tự vệ*”, tham gia tuần tra, canh gác bảo vệ trật tự trị an, bảo vệ hàng hóa của cảng được

phân tán dọc theo các hè phố và các trục đường giao thông. Bà con ngoại kiều sinh sống ở Hải Phòng hưởng ứng lời kêu gọi của Chủ tịch Hồ Chí Minh bằng phong trào “*Ba đồng, hai giỏi*” (đồng tâm, đồng chí, đồng lòng với anh em Việt Nam đánh Mỹ; cùng anh em Việt Nam sản xuất giỏi, chiến đấu giỏi để xây dựng và bảo vệ thành phố Hải Phòng)¹. Ngay trong năm 1965, toàn thành phố đã có 11.000 thanh niên nhập ngũ, 4.000 quân nhân tình nguyện tái ngũ. Hàng vạn thanh niên tham gia dân quân tự vệ. Tổng số dân quân tự vệ, tính đến tháng 12/1965, có hơn 90.000 người, tăng 2, 3 lần so với tháng 6/1965, chiếm 10% tổng số dân².

Bộ Tổng tham mưu và Quân khu bổ sung cho Hải Phòng 2.000 khẩu súng bộ binh các loại nhằm tăng cường hơn nữa khả năng bắn máy bay tầm thấp của dân quân tự vệ. Thành phố chỉ đạo các đơn vị, các địa phương thành lập các tổ trực chiến, tổ chức các trận địa bắn máy bay tầm thấp bằng súng bộ binh. Đến giữa năm 1965, toàn thành phố đã thành lập 558 tổ trực chiến bắn máy bay của dân quân tự vệ. Các tổ trực chiến được tổ chức theo hai hình thức là thường trực tại chỗ và luân phiên. Các đơn vị thường trực chiến đấu ở các khu phố, thị xã gọi là đội tự vệ chiến đấu, ở các huyện gọi là đội du kích tập trung. Trên 19.000 dân quân tự vệ được huấn luyện cấp tốc ở các lớp bồi dưỡng xạ thủ bắn máy bay; 8.856 người được huấn luyện kỹ thuật sử dụng pháo cao xạ, có khả năng thay thế các vị trí của bộ đội cao xạ khi chiến đấu. Nhiều trận địa bắn máy bay được bố trí ngay ở trung tâm thành phố, trên bến cảng, trên sân thượng các nhà cao tầng, trong các xí nghiệp... Thôn, xã nào cũng có trận địa. Súng bắn máy bay tầm thấp được đặt trên cả các tàu thuyền vận tải, đánh cá.

1, 2. Xem Ban Chỉ huy Quân sự quận Ngô Quyền: *Lịch sử kháng chiến chống thực dân Pháp và đế quốc Mỹ xâm lược*, Nxb. Hải Phòng, 1989, tr.42, 70.

Toàn thành phố có 200 trận địa tên lửa, cao xạ của bộ đội chủ lực. Mỗi công dân trong độ tuổi lao động có nghĩa vụ đóng góp 15 ngày công mỗi năm để xây dựng trận địa phòng không. Mỗi cơ quan, xí nghiệp phải tự lực xây dựng trận địa chiến đấu cho các đơn vị dân quân tự vệ của mình. Tranh thủ thời gian địch chưa leo thang đánh phá vào nội địa Hải Phòng, theo chủ trương của Bộ Tư lệnh Quân khu, tháng 4/1965, Bộ Tư lệnh Sư đoàn 350 đưa Tiểu đoàn 14 pháo cao xạ vào tham gia chiến đấu ở cửa Lạch Trường, Thanh Hóa. Tại đây, Tiểu đoàn đã bắn rơi 1 máy bay F101. Tiếp đó, Tiểu đoàn cùng các đơn vị bạn chiến đấu bảo vệ cầu Hàm Rồng. Qua thực tế chiến đấu, Tiểu đoàn đã rút được nhiều kinh nghiệm quý để vận dụng cho cuộc chiến đấu bảo vệ thành phố cảng sau này. Những tháng cuối năm 1965, đế quốc Mỹ tập trung đánh phá các trọng điểm giao thông trên đường 5 từ Hà Nội đi Hải Phòng.

Thực hiện phương châm “*Phòng tránh cũng là đánh giặc*”, nhân dân Hải Phòng đã sáng tạo ra nhiều kiểu hầm có độ bền vững cao, thuận tiện, thích hợp với điều kiện của một thành phố công nghiệp đông dân, đáp ứng yêu cầu “*Bốn liền*” (liên nhà, liền giường, liền đường, liền nơi làm việc) và “*Ba trừ*” (loại trừ đạn 20 ly, loại trừ bom bi, loại trừ mảnh tên lửa và mảnh bom phá nổ gần). Cùng với việc xây dựng hầm trú ẩn cho người, cán bộ, công nhân các nhà máy còn đắp tường che chắn cho các loại máy móc, thiết bị. Công nhân các nhà máy Xi măng, Đóng tàu Bạch Đằng, Đóng tàu 1, Điện Cửa Cấm... đắp các lũy đất bọc lưới thép cao từ 8 đến 10m, dày từ 2 đến 6m bao quanh các phân xưởng và đường vận hành nhiên liệu. Các trường học, nhà trẻ ở nơi sơ tán cũng đều có lũy dày bao quanh, dưới mái nhà có thêm trần chống bom bi, mảnh bom đạn làm bằng vôi trộn với rơm giã kỹ. Hơn 2.000 điểm

sơ tán, phân tán xăng dầu đều có lũy đất bảo vệ¹. Trên các phương tiện vận tải thủy bộ, các tàu thuyền đánh cá đều có công sự hoặc “áo giáp” che chắn cho người và máy móc. Mỗi gia đình đều có túi thuốc phòng không, mọi người đều được hướng dẫn cách sơ cứu, cấp cứu. Toàn bộ học sinh từ lớp 1 đến lớp 10 (hệ 10 năm) khi đến trường đều phải có mũ rơm, nẹp tre và túi thuốc cá nhân. Đồng bào đi làm ruộng, làm muối mang theo “hầm cơ động” bằng rơm, “áo giáp” rơm, mũ rơm và túi thuốc cá nhân. Các chiến sĩ trực chiến ở trận địa cũng có “áo giáp” rơm, mũ rơm để chống bom bi và mảnh bom đạn. Theo thống kê, trong 4 năm chống chiến tranh phá hoại lần thứ nhất, nhân dân Hải Phòng đã xây dựng được 136.451 hầm kèo tre, 13.132 hầm tập thể kiên cố ở các nơi công cộng, 53.657 hầm tre gỗ đắp đất, 50.600 hố xi măng có nắp, 7.880 hố xi măng không nắp, 334.817 hố đất, 56.976m giao thông hào xây, 578.148m giao thông hào đất, 648 hầm trên tàu thuyền đánh cá². Ngoài công sức, tiền bạc của người dân bỏ ra, thành phố đã chi 4.217.640 đồng (thời giá năm 1965 tương đương với giá 10.500 tấn gạo) để làm hầm hố phòng không công cộng. Kết quả xây dựng hầm hố phòng không nói trên là cố gắng rất lớn của Đảng bộ, quân dân Hải Phòng, đã góp phần giảm đến mức thấp nhất thiệt hại về người và tài sản, bảo đảm cho quân và dân thành phố duy trì cuộc chiến đấu lâu dài.

Theo kế hoạch của Ủy ban hành chính thành phố, các cơ quan, xí nghiệp tiến hành sơ tán đến khu vực đã được xác định. Thành phố yêu cầu các cơ quan, xí nghiệp phải tổ chức chặt chẽ việc sơ tán, bảo đảm duy trì sản xuất trong chiến tranh, bảo đảm

1. Xem Tổng kết tác chiến bảo vệ thành phố cảng - Khu công nghiệp Hải Phòng, Tài liệu lưu tại Bộ Chỉ huy Quân sự thành phố Hải Phòng, tr.11-13.

2. Xem *Hai lần đánh thắng chiến tranh phá hoại của đế quốc Mỹ tại Hải Phòng*, *Sđd*, tr.101.

ôn định lâu dài, đồng thời có kế hoạch nhanh chóng phục hồi và đẩy mạnh sản xuất sau chiến tranh. Các nhà máy, xí nghiệp lớn của Trung ương và địa phương chủ yếu sơ tán về vùng An Hải¹ - đường 5 nhằm tranh thủ mạng lưới điện và hệ thống giao thông đường bộ, đường sắt phục vụ sản xuất, vận chuyển vật tư và sản phẩm. Riêng các xí nghiệp đóng mới và sửa chữa phương tiện vận tải thủy phải để lại một bộ phận ở nhà máy chính, tận dụng triền đà và các máy công cụ để lắp ráp hoàn chỉnh sản phẩm và sửa chữa các tàu lớn. Các xí nghiệp này tổ chức bám trụ, vừa sản xuất, vừa chiến đấu ở nội thành. Xí nghiệp hóa chất và các cơ sở công nghiệp địa phương sơ tán về vùng Đông Bắc huyện Thủy Nguyên, nơi có nhiều thuận lợi cho việc khai thác nguyên vật liệu. Những xí nghiệp không có nhu cầu lớn về điện, sơ tán về các xã thuộc huyện Kiến Thụy. Các cơ sở sản xuất tiểu, thủ công nghiệp có quan hệ gia công hoàn thiện sản phẩm với xí nghiệp của Nhà nước thì sơ tán theo ngành mình và gần khu vực sơ tán của xí nghiệp đó. Bằng các chủ trương, biện pháp kiên quyết và tích cực kể trên, đến cuối năm 1966, gần 100 nhà máy, xí nghiệp ở Hải Phòng đã được sơ tán khỏi nội thành, trong đó có nhiều nhà máy lớn như Xi măng, Đóng tàu Bạch Đằng, Sắt tráng men, Thủy tinh, Cá hộp, Điện cơ, Cơ khí Kiến Thiết, nhựa Tiên Phong...

Cùng với các nhà máy, xí nghiệp, phần lớn cơ quan Thành ủy, Ủy ban hành chính thành phố, các sở, ngành cũng được sơ tán ra ngoại thành, chủ yếu về huyện An Lão. Riêng Sở Bưu điện do yêu cầu phục vụ lãnh đạo, chỉ huy chiến đấu nên 100% cán bộ, công nhân viên không đi sơ tán mà bám trụ ở nội thành làm nhiệm vụ. Các trường đại học và trung học chuyên nghiệp sơ tán về các huyện An Thụy, Vĩnh Bảo, Tiên Lãng. Trường dạy nghề thuộc xí nghiệp nào sơ tán theo xí nghiệp ấy. Các trường dạy

1. Năm 1966, sáp nhập hai huyện An Dương và Hải An thành huyện An Hải.

nghề do thành phố quản lý nhưng có cùng chức năng, nhiệm vụ với trường do Trung ương quản lý thì nhập và sơ tán theo trường của Trung ương. Học sinh các trường phổ thông sơ tán theo gia đình, được nhận vào học ở trường của địa phương. Sở Giáo dục tăng cường giáo viên cho các trường có nhiều học sinh sơ tán. Các lớp học được phân tán, có hầm hào đầy đủ.

Các ngành thương nghiệp, tài chính, lương thực được Ủy ban hành chính thành phố giao nhiệm vụ cấp phát tem phiếu đầy đủ, kịp thời cho nhân dân đi sơ tán. Người đi sơ tán có thể dùng tem phiếu mua lương thực, thực phẩm, chất đốt ở bất kỳ cửa hàng nào thuộc các huyện ngoại thành và ở các tỉnh bạn, nhưng không thể mua hàng ở nội thành. Đối với những người sơ tán sang các tỉnh bạn, có thể dùng tem phiếu do thành phố cấp để mua hàng tại chỗ. Cơ quan thương nghiệp, lương thực của thành phố thống nhất với địa phương bạn phương thức chuyển trả lương thực, thực phẩm, chất đốt cho các địa phương đó¹.

Bằng các chủ trương, biện pháp tích cực và sáng tạo, lại được nhân dân tự giác, hăng hái chấp hành, được sự ủng hộ, giúp đỡ, cứu mang, đùm bọc của đồng bào ngoại thành và của các tỉnh bạn, Hải Phòng đã tổ chức tốt việc sơ tán. Số người đi sơ tán năm 1965 có 9 vạn người, năm 1966 lên 12 vạn người, năm 1967 lên tới 171.000 người. Trường học sơ tán 100%; các cơ quan hành chính sự nghiệp sơ tán 73,79%. Khối công nghiệp, có 165 cơ sở thì 62 cơ sở sơ tán toàn bộ, 69 cơ sở sơ tán một bộ phận, 8 cơ sở sơ tán hẳn sang tỉnh khác, còn lại 26 cơ sở được lệnh trụ bám trong nội thành nhưng cũng được phân tán mỏng ở 226 địa điểm².

1. Xem *Nghị quyết Hội nghị Thường vụ Thành ủy về công tác lương thực trong hai năm 1966, 1967*, Tài liệu lưu tại Văn phòng Thành ủy Hải Phòng, tr.18.

2. Xem *Hai lần đánh thắng chiến tranh phá hoại của đế quốc Mỹ tại Hải Phòng*, *Sđd*, tr.104.

Về lực lượng giải quyết hậu quả, thành phố chỉ đạo thành lập các tổ, đội cứu hỏa, cứu sập ở khắp các đơn vị và cơ sở kết hợp với các đội cơ động mạnh ở các cấp. Chưa tính lực lượng của các nhà máy, xí nghiệp, riêng ba khu phố nội thành đã thành lập 532 tổ đội chống cứu sập, cứu hỏa ở tất cả các tiểu khu, đường phố gồm 8.112 người, chủ yếu là các thanh niên có sức khỏe, có tinh thần trách nhiệm cao và dũng cảm. Với lợi thế của một thành phố công nghiệp, các tổ đội chuyên môn trên đều có đầy đủ phương tiện dụng cụ, cả thủ công và máy móc thiết bị để làm công tác khắc phục hậu quả. Việc tổ chức cứu hỏa, cứu sập, khắc phục hậu quả ở các tiểu khu, đường phố, nhà máy, xí nghiệp, cơ quan, trường học được các cấp quán triệt theo phương châm giải quyết tại chỗ là chính, tập trung chủ yếu vào khu vực nội thành. Ngoài các tổ đội cứu hỏa, cứu sập của ba khu phố và của các xí nghiệp, công sở, thành phố cũng thành lập một đội chống cứu sập cơ động gồm 420 người do Sở Xây dựng trực tiếp quản lý. Đội được trang bị 5 xe ủi đất, 5 cần cẩu, 2 máy xúc, 6 máy hàn, 1 máy phát điện.

Các cấp đều tổ chức lực lượng cấp cứu, tải thương đông đảo, rộng khắp, hình thành các tuyến cấp cứu phòng không từ tiểu khu, hợp tác xã, xã, huyện, khu phố đến thành phố, kết hợp chặt chẽ giữa dân y và quân y. Toàn thành phố đã tổ chức 1.362 tổ cấp cứu, tải thương với 9.062 người cùng 5.000 hội viên chữ thập đỏ, hàng nghìn võng cáng, hàng trăm xe xích lô có thiết bị tải thương, 12.237 tủ thuốc ở cơ sở. Ngoài ra còn có 8 đội cấp cứu cơ động ở huyện, 24 đội cấp cứu cơ động ở ba khu phố nội thành. Bằng cách chỉ đạo và tổ chức đó, hầu hết các cơ sở y tế thuộc thành phố đều tự giải quyết được từ 50 - 70% nạn nhân. Trình độ mọi mặt của ngành y tế trong 4 năm chiến tranh được nâng cao rõ rệt. Công tác xử lý ngoại khoa trưởng thành nhanh chóng, góp phần làm giảm tỷ lệ tử vong trong cứu chữa nạn nhân¹.

1. Xem Sở Y tế Hải Phòng: *Báo cáo về phục vụ cấp cứu chiến thương của ngành y tế (1965 - 1972)*, tr.107, 113.

Ngoài lực lượng phòng không của cấp trên, Bộ Tư lệnh Sư đoàn 350 lúc này cũng có 1 tiểu đoàn và 5 đại đội cao xạ. Trung đoàn 50 xây dựng 1 đại đội pháo cao xạ trực thuộc. Mỗi tiểu đoàn bộ binh thuộc trung đoàn cũng có một phân đội bắn máy bay tầm thấp bằng súng máy cao xạ. Các huyện, thị xã, các khu phố nội thành đều tổ chức 1 trung đội, có nơi là 1 đại đội thường trực bắn máy bay, trang bị súng máy cao xạ. Riêng trung đội dân quân huyện Cát Hải được trang bị pháo cao xạ 20 ly, trung đội của huyện Cát Bà được trang bị pháo cao xạ 37 ly. Một số nhà máy lớn, lực lượng tự vệ đông như Nhà máy Xi măng, Nhà máy Cảng, Nhà máy Đóng tàu Bạch Đằng... tổ chức tiểu đoàn pháo cao xạ 37 ly và 40 ly. Cán bộ, chiến sĩ ở các đơn vị thường trực của huyện, thị xã, khu phố, nhà máy, xí nghiệp đều do các cơ sở lựa chọn, thời gian tập trung từ ba đến sáu tháng, luân phiên trực chiến ngoài ca kíp sản xuất, được tính công lao động loại một. Lực lượng bắn máy bay của dân quân ở các thôn, xã ngoại thành và tự vệ các xí nghiệp nhỏ, đường phố tổ chức thành các tổ trực chiến thoát ly sản xuất. Đến cuối năm 1965, lực lượng này đã có hơn 6.000 người, tổ chức thành 900 tổ. Để thực hiện tốt cả hai nhiệm vụ sản xuất và chiến đấu, đầu năm 1966, Bộ Tư lệnh 350 quyết định chỉ giữ lại 2.000 người, tổ chức thành 200 tổ thường trực bắn máy bay. Còn 4.000 người trở về các hợp tác xã, cơ sở sản xuất và các cơ quan làm lực lượng nòng cốt của địa phương trong phong trào toàn dân bắn máy bay địch.

Ngày 09/11/1965, Thường vụ Thành ủy Hải Phòng họp với Bộ Tư lệnh Sư đoàn 350 và Bộ Tư lệnh Sư đoàn 363 nghiên cứu trận đánh phá cầu Lai Vu ngày 05/11/1965 của địch và phán đoán hoạt động tiếp theo của chúng. Hội nghị nhận định, trong những ngày tới, địch sẽ tiếp tục đánh phá cầu Lai Vu, cầu Phú Lương, có thể chúng chưa đánh lớn vào thành phố. Phân tích thủ đoạn đánh phá của địch, Hội nghị nhận thấy mỗi khi vào đánh

phá đường 5, địch thường sử dụng máy bay của hải quân, bay thấp từ biển vào đất liền theo các dòng sông Văn Úc, Thái Bình hòng tránh bị các đài radar phát hiện. Từ nhận định đó, Thường vụ Thành ủy và Bộ Tư lệnh Sư đoàn 350, Bộ Tư lệnh Sư đoàn 363 quyết định rút một bộ phận lực lượng bảo vệ yếu địa, tập trung thành một cụm phòng không tầm thấp tương đối mạnh gọi là cụm Thành Công, gồm hai đại đội pháo cao xạ 37 ly, một đại đội súng máy phòng không 14 ly 5, hai đại đội súng máy phòng không 12 ly 7, tổ chức trận địa phục kích ở hai bên bờ sông Mới thuộc các xã Tiên Cường, Đại Thắng, huyện Tiên Lãng và xã Giang Biên, huyện Vĩnh Bảo. Đây là khu vực hai dòng sông Văn Úc và Thái Bình chảy sát nhau. Bố trí trận địa ở đây có thể đón đúng đường bay từ biển vào và từ đất liền ra biển của máy bay địch. Phối hợp chiến đấu với cụm Thành Công còn có các tổ bắn máy bay của Trung đoàn 50 bộ binh và dân quân 20 xã ven sông Văn Úc, sông Thái Bình và ven biển thuộc các huyện Tiên Lãng, Vĩnh Bảo, An Lão, Kiến Thụy. Các tổ này chỉ được bắn máy bay địch khi chúng bay ra nhằm đảm bảo bí mật bất ngờ cho cụm Thành Công.

10 giờ 45 phút ngày 17/11/1965, hai tốp máy bay địch gồm 8 chiếc, bay thấp khoảng 300m, dọc theo sông Văn Úc vào đánh phá đường 5. Đường bay của địch qua đúng khu vực phục kích của các đơn vị. Các trận địa đồng loạt nhả đạn và ngay loạt đạn đầu đã bắn rơi 1 chiếc A4. Khoảng 5 phút sau, hai tốp máy bay địch lại lao vào theo đúng đường bay của toán trước. Một chiếc nữa bị bắn rơi tại chỗ, cách trận địa gần 2km, tên giặc lái bị bắt sống. Đúng 11 giờ, tốp thứ ba lại lao qua trận địa. Thêm 1 chiếc nữa bị bắn rơi tại chỗ. Cùng lúc đó, các tốp máy bay địch, sau khi đánh phá đường 5, theo triền sông Thái Bình lao ra biển. Toàn cụm lập tức quay nòng pháo cùng các tổ bắn máy bay của dân quân 20 xã và Trung đoàn 50 nổ súng quyết liệt, bắn rơi thêm

3 chiếc máy bay địch. Kể từ lúc cụm Thành Công nổ súng, trận đánh chỉ diễn ra trong 30 phút, 6 máy bay địch bị bắn rơi (4 chiếc rơi tại chỗ), trong đó cụm Thành Công bắn rơi 4 chiếc, tổ bắn máy bay của dân quân hai xã Thụy Hương, Thuận Thiên bố trí trên núi Trà Phương bắn rơi 1 chiếc, Trung đoàn 50 bắn rơi 1 chiếc. Đây là một trận đánh điển hình thành công của thể trận chiến tranh nhân dân đất đối không trong bố trí lực lượng, chọn cách đánh phục kích, bí mật, bất ngờ, mưu trí, sáng tạo, dám đánh và quyết đánh của quân dân Hải Phòng.

Đầu năm 1966, Bộ Tổng tham mưu và Bộ Tư lệnh Quân chủng Phòng không - Không quân quyết định tăng thêm lực lượng cho Sư đoàn 363 tổ chức thành Bộ Tư lệnh Phòng không Hải Phòng - Đường 5. Đây là một bộ tư lệnh phòng không khu vực có lực lượng mạnh (gồm 4 trung đoàn cao xạ và 1 trung đoàn tên lửa) vừa có nhiệm vụ bảo vệ yếu địa, vừa là lực lượng cơ động bảo vệ Hải Phòng và tuyến giao thông huyết mạch Hải Phòng - Hà Nội. Thời gian này, máy bay Mỹ tiến hành bắn phá ngăn chặn con đường chiến lược từ Hải Phòng lên Hà Nội và bao vây phong tỏa cảng Hải Phòng, đầu mối tiếp nhận viện trợ lớn nhất của miền Bắc. Chúng liên tục đánh phá các cầu trên đường 5, đường 10, đường 18. Từ ngày 20/3/1966, chúng bắt đầu đánh phá các đảo đèn Long Châu, Hòn Dấu, Căngrola, Hải Âu, hệ thống đèn dẫn đường từ cảng Hòn Gai, phao số 0 vào đến cảng Hải Phòng. Máy bay Mỹ đánh cả vào các tàu, thuyền vận tải trên sông và ven biển, đe dọa, uy hiếp các tàu nước ngoài ra vào cảng. Long Châu là một quần đảo, gồm nhiều núi đá vôi, nằm cách bờ 50km. Đèn Long Châu xây bằng đá trên một đỉnh núi cao. Đây là điểm chuẩn của đường hàng hải Hải Phòng - Đà Nẵng, Hải Phòng - Hải Nam (Trung Quốc). Từ vùng biển quốc tế, các tàu thuyền nhận được vị trí cảng Hải Phòng qua ánh sáng đèn Long Châu và Hòn Dấu.

Chúng liên tục ném bom, bắn tên lửa, đạn rốc két vào các cây đèn, kể cả lúc đèn đang phát sáng, nhằm làm ngưng trệ hoạt động của cảng Hải Phòng, ngăn chặn các tàu nước ngoài ra vào cảng. Do vậy, có ngày chúng đánh đèn Long Châu sáu trận. Kể cả sau khi đánh phá đất liền, trên đường trở về tàu sân bay, nếu còn thừa bom, chúng cũng trút xuống đảo. Những công nhân thấp đèn trên đảo Long Châu, tất cả là đảng viên và đoàn viên ưu tú, tổ chức thành một trung đội chiến đấu, gọi là “trung đội đỏ”. Khẩu hiệu hành động của đơn vị là “Tim còn đập thì đèn còn sáng”. Nhiều lần, bom đạn Mỹ đã làm hư hại cây đèn, thấu kính bị vỡ, máy nổ bị hỏng. Những người thợ thấp đèn vừa đánh trả máy bay địch, vừa sửa chữa, bảo đảm cho đèn bật sáng đúng giờ quy định. Có lần, bộ phận chớp sáng của cây đèn bị địch bắn hỏng, Đảo trưởng Dương Văn Sâm và một chiến sĩ tự vệ đã leo lên đỉnh cây đèn vừa theo dõi đồng hồ, vừa dùng tay tắt mở mạch điện, duy trì đúng quy định khi sáng, khi tối của cây đèn biển. Từ đó đến khi phải chấm dứt hoàn toàn cuộc chiến tranh phá hoại miền Bắc, giặc Mỹ đã đánh phá đảo đèn Long Châu 283 trận, ném xuống đảo trên 5.000 quả bom và bắn hàng trăm quả tên lửa. Những ngọn núi đá vôi trên đảo nham nhở hố bom, vết đạn. Cây đèn biển mình đầy thương tích. Nhưng “con mắt ngọc” của cảng Hải Phòng không lúc nào ngừng phát sáng. Các tàu nước ngoài vẫn theo tín hiệu ánh sáng của đèn Long Châu để vào cảng, ngay trong những thời điểm chiến tranh ác liệt nhất. Cán bộ, công nhân thấp đèn trên đảo Long Châu đã được Quốc hội, Chính phủ tặng danh hiệu Anh hùng Lao động. Tiểu đoàn tự vệ Ty Bảo đảm hàng hải, trong đó có trung đội tự vệ đảo đèn, được tặng danh hiệu Đơn vị Anh hùng Lực lượng vũ trang nhân dân.

Cùng trong thời gian đánh phá đảo đèn Long Châu, máy bay Mỹ đánh đảo đèn Hòn Dấu 116 trận, đồng thời liên tục đánh phá các đảo Cát Bà, Cát Hải, bán đảo Đồ Sơn, hệ thống nhà đèn và

phao đèn trên luồng vào cảng của các tàu biển. Các chiến sĩ tự vệ công nhân Ty Bảo đảm hàng hải và tổ đèn Nam Triệu, do Anh hùng Phùng Văn Bằng chỉ huy, đã đánh trả địch quyết liệt, phối hợp tốt với các lực lượng phòng không trên địa bàn thành phố, duy trì hoạt động liên tục, theo đúng quy định của hệ thống đèn hiệu, dẫn đường cho các tàu nước ngoài ra vào cảng an toàn.

Sau hơn một năm tiến hành chiến tranh phá hoại với quy mô ngày càng lớn mà không đạt được các mục tiêu, đặc biệt là không ngăn chặn được sự chi viện người và vật chất từ miền Bắc vào miền Nam, giới cầm quyền ở Nhà Trắng và các tướng lĩnh Mỹ tính toán một thủ đoạn mới. Chúng cho rằng, ném bom các kho dầu “sẽ gây tổn thất nhiều hơn đến khả năng của Bắc Việt Nam trong việc vận chuyển các vật tư chi viện chiến tranh ở trong nước và dọc các đường thâm nhập vào Nam Việt Nam hơn là bắn phá bất kỳ một hệ thống mục tiêu nào riêng rẽ”. Ngày 01/4/1966, Tổng thống Mỹ Giôn-xơn thông qua một kế hoạch đánh phá mới mang tên chiến dịch “Sấm rền 50” (Rolling Thunder 50) nhằm vào hai hệ thống mục tiêu là khu công nghiệp và toàn bộ hệ thống xăng dầu của miền Bắc. 11 mục tiêu quan trọng trong kế hoạch này là cầu Việt Trì, Nhà máy Điện Hải Phòng, Nhà máy Xi măng Hải Phòng, trạm radar sân bay Kép và 7 kho dầu ở Hà Nội, Hải Phòng, Đồ Sơn, Nguyên Khê, Bắc Giang, Phúc Yên, Đường Nham. Cho đến đầu năm 1966, nguồn tiếp vận xăng dầu vào miền Bắc được thực hiện chủ yếu bằng đường biển qua cảng Hải Phòng, khối lượng tiếp nhận hàng năm khoảng 300.000 tấn. Khu kho chính ở Hải Phòng là Thượng Lý. Ở Đồ Sơn cũng có một kho dầu do Pháp xây dựng, nhưng đã bỏ, từ lâu không còn chứa dầu.

Phán đoán được âm mưu và thủ đoạn đánh phá mới của địch, Trung ương Đảng, Chính phủ đã trực tiếp làm việc với Thường vụ Thành ủy và Ủy ban hành chính Hải Phòng, chỉ đạo công tác chuẩn bị đối phó. Tháng 5/1966, Thành ủy Hải Phòng họp với các

ngành Trung ương có liên quan, các đơn vị quân đội đóng trên địa bàn và lực lượng giao thông vận tải triển khai kế hoạch tiếp nhận, vận tải và bảo vệ xăng dầu trong tình huống địch đánh phá. Đối với kho dầu Thượng Lý, Thành ủy trực tiếp đôn đốc và kiểm tra việc phân tán hết xăng dầu ra khỏi khu kho chính, đưa về các điểm sơ tán ở các thôn, xã. Theo yêu cầu của Thành ủy, việc sơ tán phải thực hiện xong trước ngày 10/6/1966. Ngày 21/6/1966, Chủ tịch Ủy ban hành chính thành phố cùng Bộ Tư lệnh Sư đoàn 350, Giám đốc Công an trực tiếp kiểm tra các công tác chuẩn bị đối phó với âm mưu địch đánh phá khu kho Thượng Lý và hệ thống tiếp vận xăng dầu. Hàng vạn tấn xăng dầu (hơn 90%) đã được chuyển ra khỏi khu kho chính, sơ tán tới gần 2.000 điểm khắp các thôn xã, ven các trục đường giao thông thủy, bộ. Hàng nghìn dân xung quanh khu vực kho cũng được sơ tán.

Ngày 29/6/1966, sau nhiều lần trì hoãn, đế quốc Mỹ mở đợt đánh phá quy mô lớn vào toàn bộ hệ thống xăng dầu của miền Bắc. Đây cũng là lần đầu tiên trong cuộc chiến tranh phá hoại miền Bắc, Mỹ cho máy bay đánh thẳng vào trung tâm thủ đô Hà Nội và thành phố cảng Hải Phòng. Trận đánh phá của máy bay Mỹ gây ra một số thiệt hại. Hơn một nghìn tấn dầu và nhựa đường ở trong kho chưa di chuyển kịp, bị trúng bom, bốc cháy dữ dội. Theo phương án đã được diễn tập, các lực lượng chữa cháy và trung đội tự vệ phòng hỏa của kho Thượng Lý nhanh chóng triển khai lực lượng, phương tiện dập tắt các đám cháy. Hơn 1.000 tự vệ các xí nghiệp và đường phố, dưới sự chỉ huy của Khu đội Hồng Bàng, lao vào các kho dập lửa, cứu tài sản, kịp thời ngăn không cho xăng dầu trôi xuống dòng sông Cấm, có thể gây cháy trên mặt sông và lan tới khu vực cảng. Đến 19 giờ ngày 29/6/1966, tất cả các đám cháy đã được dập tắt.

Sau khi bị đòn đau trong trận đánh ngày 17/11/1965, máy bay Mỹ không dám bay tầm thấp dọc theo triền sông Văn Úc, Thái Bình

mỗi khi vào đánh phá thành phố nhưng vẫn thường xuyên áp dụng thủ đoạn này trên luồng Nam Triệu. Đây là vùng cửa biển rộng lớn nên hỏa lực từ các trận địa bắn máy bay tầm thấp của ta ở Cát Bà, Cát Hải, Đồ Sơn, Tràng Cát hầu hết đều không với tới được khu vực này. Quyết tiêu diệt bằng được máy bay địch, Tiểu đội 10 bắn máy bay tầm thấp của Đại đội 5, Trung đoàn 50 đã nhiều lần nhờ ngư dân Đồ Sơn dùng thuyền đưa đi phục kích ở nhiều nơi nhưng chưa có thời cơ nổ súng. Đêm 29/6/1966 (cùng ngày địch đánh vào Tổng kho xăng dầu Thượng Lý), Tiểu đội 10 lại nhờ dân chèo thuyền chở ra phục kích ở nhà đèn Avan bên luồng tàu biển ra vào cảng. Đây là cây đèn cách đất liền 12km, từ sau ngày Hải Phòng giải phóng đã không sử dụng. Để giữ bí mật, tất cả cán bộ, chiến sĩ và vũ khí trang bị đều được ngụy trang giống như màu vôi đã cũ của nhà đèn. Sau 10 ngày đêm kiên trì phục kích, trưa ngày 07/7/1966, Tiểu đội đã nổ súng kịp thời bắn rơi tại chỗ chiếc F4H khi chiếc máy bay này đang bay thấp dọc luồng Nam Triệu vào đánh phá thành phố. Thấy đồng bọn bị bắn cháy cắm đầu xuống biển và nổ tung ngay trên đường bay vào, những chiếc còn lại và các tốp sau vội bay dạt sang hai bên, đứng vào tầm bắn của các loại hỏa lực phòng không tầm thấp của ta. Chớp thời cơ thuận lợi, các trận địa của bộ đội và dân quân tự vệ ở Cát Bà, Cát Hải, Đình Vũ, Tràng Cát và trên các tàu hải quân, tàu đánh cá của Xí nghiệp Hạ Long lập tức nhả đạn bắn rơi 4 máy bay địch. Các trận địa pháo cao xạ tầm trung và tầm cao của Sư đoàn 363 bồi tiếp vào những máy bay đang hốt hoảng vọt lên cao, bắn rơi thêm 2 chiếc nữa. Như vậy, chỉ sau khoảng 10 phút chiến đấu, mở đầu bằng loạt đạn chính xác của Tiểu đội 10, lực lượng phòng không ba thứ quân ở Hải Phòng đã có một trận chiến đấu hiệp đồng cực kỳ xuất sắc, bắn rơi 7 máy bay địch. Sau trận này, địch không dám chủ quan khi bay vào vùng trời thành phố cảng như trước.

Sau trận đánh ngày 29/6/1966, Tổng thống Mỹ Giôn-xơn vẫn tiếp tục “dành ưu tiên số 1 cho việc bóp nghẹt hệ thống xăng dầu của miền Bắc”. Kho xăng Thượng Lý bị đánh phá tiếp trong những ngày 07/7, 12/7 và 02/8/1966. Kho Đồ Sơn bị đánh phá ngày 01/7/1966. Máy bay Mỹ còn sục sạo, tìm đánh các điểm sơ tán xăng dầu ở các bến bãi ven sông và bắn vào các tàu thuyền chở dầu trên các tuyến đường sông, ven biển, đặc biệt là ở cửa Nam Triệu. Nhiều lần, các tàu, thuyền chở xăng dầu của Công ty Vận tải sông 202 bị máy bay địch đuổi bắn, có tàu bị hỏng, một số công nhân bị thương, hy sinh. Với tinh thần “*sẵn sàng đổi máu lấy xăng dầu*”, cán bộ, công nhân Công ty Vận tải sông 202 ngày đêm bám luồng, bám phương tiện, kiên quyết hoàn thành nhiệm vụ. Tàu VTS 6 bị địch bắn trúng, Thuyền trưởng Nguyễn Lâm hy sinh, nhưng các thủy thủ vẫn dũng cảm bắn trả máy bay địch, cố đưa tàu vào bờ để cứu lấy hàng. Các tàu Đoàn Kết, Việt - Xô 33, Hạ Long, các tàu của Đoàn vận tải quân sự Hồng Hà... trên đường chở xăng dầu nhiều lần phải chiến đấu với máy bay Mỹ.

Không thực hiện được âm mưu phá hủy xăng dầu ở kho chứa, đánh phá ngăn chặn các tàu chở nhiên liệu, đế quốc Mỹ tiến hành khiêu khích, đe dọa các tàu nước ngoài chở hàng vào cảng Hải Phòng, cho máy bay bay tầm thấp gần sát cột tàu, thả pháo sáng và ném bom xung quanh khu vực tàu trú đậu để ngăn chặn các tàu áp sát, chuyển tải hàng. Tranh thủ sự giúp đỡ đầy tình nghĩa quốc tế của các nước bạn và việc máy bay địch chưa đánh các tàu nước ngoài, các đơn vị vận tải đã cho tàu, thuyền, sà lan áp mạn tàu bạn khi máy bay địch không hoạt động. Sau khi nhận đủ hàng, nhanh chóng cho tàu thuyền chạy về địa điểm cất giấu an toàn. Cuộc chiến đấu bảo vệ các kho chứa, các phương tiện vận tải, tiếp nhận xăng dầu ở Hải Phòng diễn ra liên tục và ác liệt trong suốt mùa hè năm 1966. Giới quân sự Mỹ buộc phải thừa nhận “các cố gắng hạn chế thêm nữa khả năng xăng dầu của Bắc

Việt Nam là điều không thể thực hiện được”. Viện Phân tích quốc phòng Mỹ nhận định rằng “tính đến tháng 7/1966, các hoạt động ném bom của Mỹ ở Việt Nam đã không có ảnh hưởng trực tiếp đáng kể nào đến khả năng của Hà Nội trong việc tiến hành và hỗ trợ các hoạt động quân sự ở miền Nam ở mức hiện nay”. “Rõ ràng là việc oanh tạc các kho dầu đã thất bại. Không có bằng chứng gì tỏ ra rằng Bắc Việt Nam đã có thời kỳ khốn đốn về dầu”.

Trước những bước “leo thang” nguy hiểm, đánh trực tiếp vào Thủ đô Hà Nội và nội thành Hải Phòng của đế quốc Mỹ, ngày 17/7/1966, Chủ tịch Hồ Chí Minh ra Lời kêu gọi đồng bào và chiến sĩ cả nước: “Chiến tranh có thể kéo dài 5 năm, 10 năm, 20 năm hoặc lâu hơn nữa. Hà Nội, Hải Phòng và một số thành phố, xí nghiệp có thể bị tàn phá, song nhân dân Việt Nam quyết không sợ! *Không có gì quý hơn độc lập, tự do*. Đến ngày thắng lợi, nhân dân ta sẽ xây dựng lại đất nước ta đàng hoàng hơn, to đẹp hơn”¹. Lời kêu gọi của Người như một lời hịch, khẳng định ý chí sắt đá của dân tộc, động viên quân và dân cả nước vượt qua mọi gian khổ hy sinh, quyết tâm chiến đấu đến thắng lợi hoàn toàn. Thành ủy Hải Phòng quyết định tổ chức đợt sinh hoạt chính trị trong toàn Đảng bộ và nhân dân thành phố nhằm quán triệt sâu sắc chân lý “*Không có gì quý hơn độc lập, tự do*” và phát động phong trào “*Làm theo lời Bác dạy*”. Thi đua lập công dâng Bác, trong những ngày cuối tháng 7/1966, lực lượng phòng không ba thứ quân đã lập thêm nhiều chiến công mới. Tự vệ tàu VTS 11 bắn rơi 1 máy bay A4 bằng súng bộ binh ngay trên luồng vận chuyển. Dân quân xã Đoàn Lập (huyện Tiên Lãng) dùng súng trường bắn rơi 1 máy bay địch đang bay thấp trên triền sông Thái Bình. Ngày 02/8/1966, các đại đội 172, 174, 175, 177 pháo cao xạ 100 ly, phối hợp với lưới lửa tầm thấp của dân quân tự

1. Hồ Chí Minh: *Toàn tập, Sđd*, t.15, tr.131.

vệ, bắn rơi 5 máy bay địch trong một trận chiến đấu kéo dài chỉ 5 phút. Ngày 05/8/1966, vào lúc 7 giờ 25 phút, Tiểu đoàn 82 tên lửa phòng không bắn rơi tại chỗ 1 máy bay Mỹ. Đây là chiếc máy bay thứ 50 bị bắn rơi trên vùng trời Hải Phòng. Ngày 05/8/1966, Chủ tịch Hồ Chí Minh đã gửi thư khen, động viên quân và dân thành phố cảng: “Từ mừng 2 đến mừng 5/8, quân và dân Hải Phòng đã chiến đấu dũng cảm, liên tiếp đập tan các cuộc tấn công của địch, giành được thắng lợi vẻ vang, bắn rơi 9 máy bay của giặc Mỹ. Tính đến hôm nay Hải Phòng đã bắn rơi 50 máy bay Mỹ.

Quân và dân Hải Phòng đã chiến đấu giỏi, tiến bộ nhiều về phòng không nhân dân và bảo vệ trật tự trị an.

Bác rất vui lòng thay mặt Trung ương Đảng và Chính phủ khen ngợi đồng bào, bộ đội và cán bộ Hải Phòng.

Giặc Mỹ hung ác, chúng còn âm mưu đánh phá Hải Phòng nhiều nữa. Quân và dân Hải Phòng cần luôn luôn nâng cao cảnh giác, chiến đấu giỏi hơn nữa, sản xuất giỏi hơn nữa, bảo vệ trật tự trị an tốt hơn nữa và lập nhiều thành tích to hơn nữa”¹.

Ngày 31/8/1966, trung đội súng máy cao xạ phục kích trên đảo Đình Vũ, phối hợp với dân quân tự vệ bắn rơi tại chỗ 1 máy bay RF8. Tên giặc lái nhảy dù xuống của Nam Triệu cách trận địa 500m. Nhưng do ta chèo thuyền ra chậm và hiệp đồng không tốt, địch cứu được tên giặc lái. Thành ủy, Ủy ban hành chính thành phố và Bộ Tư lệnh Sư đoàn 350 đã kịp thời chỉ đạo các đơn vị rút kinh nghiệm, quyết tâm bắn rơi tại chỗ máy bay địch, bắt sống được giặc lái. Các đơn vị tên lửa, pháo cao xạ, pháo bờ biển, Công an nhân dân vũ trang và dân quân tự vệ trên bờ có kế hoạch chiến đấu bảo vệ lực lượng bắt giặc lái. Ngày 01/11/1966, Đại đội 172 pháo cao xạ bắn rơi 1 máy bay A4. Tên giặc lái nhảy dù xuống của Nam Triệu, gần xã Hoàng Châu, huyện Cát Hải.

1. Hồ Chí Minh: *Toàn tập, Sđd*, t.15, tr.138.

Ngay lập tức, dân quân xã Hoàng Châu và các xã Hoàng Động, Trung Hà (huyện Thủy Nguyên) đang đánh bắt cá ở khu vực cửa Nam Triệu, cùng các chiến sĩ Công an nhân dân vũ trang chèo thuyền lao ra khu vực tên giặc lái nhảy dù. Cùng lúc, phi đội cứu giặc lái của Mỹ cũng xuất hiện. Trận chiến đấu trên vùng biển Nam Triệu diễn ra căng thẳng, quyết liệt. Một chiếc thuyền của công an vũ trang bị địch bắn chìm. Hai thuyền của dân quân Thủy Nguyên, Cát Hải bị bắn thủng, 2 người hy sinh, 1 người bị thương. Lúc này, số máy bay địch yểm hộ cho phi đội cứu giặc lái lên tới 20 chiếc. Chúng quần đảo dữ dội, ném bom, bắn xối xả quanh các thuyền của ta. Bầu trời, mặt nước vùng cửa Nam Triệu mù mịt khói lửa. Khi chiếc máy bay của địch hạ độ cao, chuẩn bị thả thang dây cho tên giặc lái leo lên, thì chiếc thuyền của công an vũ trang cũng kịp lao tới túm lấy tên giặc lái, lôi lên thuyền. Các trận địa pháo cao xạ trên bờ và các tay súng của bộ đội, công an vũ trang và dân quân trên các thuyền đánh trả quyết liệt, bảo vệ thuyền chở tên giặc lái vào bờ. Trận đánh kéo dài 60 phút, tên giặc lái bị bắt sống.

Đầu năm 1967, Tổng thống Mỹ thông qua kế hoạch “*Tiến công mùa Xuân bằng không quân*”, với các âm mưu, thủ đoạn leo thang chiến tranh mới, gồm các giai đoạn chính: Mở những cuộc tấn công lớn vào 5 nhà máy nhiệt điện, gang thép Thái Nguyên, thả mìn các cửa sông, dùng hải quân ngăn chặn đường biển cho tới vĩ tuyến 20; đánh 2 nhà máy nhiệt điện ở Hải Phòng; tiếp đó, nối rộng những hạn chế trước kia với các cuộc không kích xung quanh Hà Nội, Hải Phòng; đánh các khu dầu, 1 kho đạn và Nhà máy Xi măng Hải Phòng... Đối phó với âm mưu, thủ đoạn mới của đế quốc Mỹ, Bộ Tổng tư lệnh thông báo khẩn cấp, chỉ thị cho các lực lượng vũ trang sẵn sàng chiến đấu bảo vệ khu công nghiệp và cảng Hải Phòng. Thành ủy Hải Phòng triệu tập khẩn cấp phổ biến kế hoạch chiến đấu và hiệp đồng chiến đấu. Ngày 17/4/1967,

Ban Quân sự Thành ủy chủ trì cuộc diễn tập chiến đấu của các lực lượng vũ trang trên địa bàn. Toàn thành phố chuyển sang trạng thái sẵn sàng chiến đấu ở mức cao nhất.

Sáng ngày 20/4/1967, máy bay Mỹ đánh phá vùng ven biển Tiên Lãng, Đồ Sơn, Cát Hải, Cát Bà. Sở Chỉ huy Phòng không thành phố ra lệnh sơ tán khẩn cấp triệt để hơn 2.000 công nhân đang bám trụ sản xuất ở các nhà máy Xi măng, Đóng tàu Bạch Đằng, Thủy tinh, Sắt tráng men, Cá hộp, Điện Cửa Cấm và một số nhà máy khác... Số công nhân trên vừa rời vị trí sản xuất gần 1 giờ thì 10 giờ 50 phút ngày 20/4/1967, 36 lần chiếc máy bay Mỹ tập trung đánh phá gần hết các nhà máy dọc sông Cấm, trên chiều dài gần 10km. Các điểm bị đánh phá nặng nhất là các nhà máy Sắt tráng men, Điện Cửa Cấm, Đóng tàu Bạch Đằng, Xi măng... Máy bay Mỹ ném bom sát thương vào các khu đông dân Ngô Quyền, Hồng Bàng, bắn phá, áp chế các trận địa tên lửa, pháo cao xạ của ta, đe dọa và bắn vào một số tàu nước ngoài, trong đó có tàu của Liên Xô, Trung Quốc, Anh... đang đậu ở cảng Hải Phòng. Cùng đợt đánh phá nội thành, máy bay Mỹ còn đánh phá một số mục tiêu ở thị xã Kiến An và các huyện. Đợt bắn phá này của máy bay Mỹ kéo dài tới 14 giờ cùng ngày. Đến 15 giờ 18 phút cùng ngày, máy bay Mỹ đánh phá tiếp vào những mục tiêu đã đánh buổi trưa. Khoảng 9 giờ tối 20/4/1967, 2 chiếc AD6 lại bất ngờ đánh bom cảng Vật Cách.

Kể từ khi đánh phá Hải Phòng (tháng 3/1965), đây là đợt máy bay Mỹ tập trung đánh phá với quy mô lớn, ác liệt và kéo dài nhất vào trung tâm thành phố nhằm hủy diệt hệ thống công nghiệp, giết hại dân thường. Mỹ đã huy động tới 125 lần chiếc máy bay, ném các loại bom cỡ lớn. Cầu Hạ Lý bị ném 24 quả bom. Các nhà máy nhỏ chưa đầy 2ha cũng bị ném 16 quả bom. Quân và dân Hải Phòng đã anh dũng chiến đấu, bắn rơi 5 máy bay Mỹ. Các lực lượng giải quyết hậu quả nhanh gọn. Công nhân tiếp tục

bám trụ sản xuất. Sinh hoạt của thành phố trở lại bình thường. Đêm 20/4/1967, Ban Quân sự Thành ủy họp, rút kinh nghiệm và bàn kế hoạch chuẩn bị đối phó với địch trong những ngày tới. Mục tiêu của đợt không kích của Mỹ thất bại. Đại sứ Mỹ ở Sài Gòn đã phải thốt lên “Hải Phòng vẫn không mất điện”.

Ngày 23/4/1967, Chủ tịch Hồ Chí Minh gửi *Thư khen đồng bào, cán bộ và bộ đội Hải Phòng*: “Ngày 20-4-1967, quân và dân Hải Phòng đã đánh thắng vẻ vang, trừng trị đích đáng bước leo thang mới đầy tội ác của giặc Mỹ.

Quân và dân thành phố cảng đã đoàn kết chặt chẽ, chiến đấu dũng cảm, giữ gìn trật tự trị an tốt.

Bác thay mặt Trung ương Đảng và Chính phủ khen ngợi đồng bào, cán bộ và bộ đội Hải Phòng.

Giặc Mỹ bị thua to ở cả hai miền Nam - Bắc nước ta, nhưng chúng còn ngoan cố tăng cường chiến tranh xâm lược. Đồng bào, cán bộ và bộ đội không được vì thắng lợi mà chủ quan. Phải nâng cao cảnh giác, làm tốt công tác phòng không nhân dân, đánh giỏi, thắng lớn hơn nữa”¹.

Toàn quân, dân thành phố tổ chức học tập thư của Chủ tịch Hồ Chí Minh, thể hiện quyết tâm sản xuất, công tác tốt, đánh giỏi, thắng lớn, lập công dâng Bác, mừng sinh nhật lần thứ 77 của Người.

Ngày 25/4/1967, đúng ngày nhân dân Hải Phòng đi bầu cử đại biểu Hội đồng nhân dân thành phố, đế quốc Mỹ huy động 175 lần chiếc máy bay, mở 3 đợt đánh phá ô ạt trên diện rộng, gây cho thành phố nhiều thiệt hại. Quân và dân Hải Phòng đã kiên cường bám trụ chiến đấu, bắn rơi 12 máy bay các loại, bắt sống giặc lái, trong đó có chiếc máy bay Mỹ thứ 800 bị bắn rơi trên miền Bắc. Đây là ngày chiến thắng oanh liệt nhất của quân và dân Hải Phòng từ khi Mỹ đánh phá thành phố. Tối 25/4/1967,

1. Hồ Chí Minh: *Toàn tập, Sđd*, t.15, tr.337.

Bộ Tư lệnh Sư đoàn 350 tổ chức họp báo, tố cáo những tội ác dã man của đế quốc Mỹ, thông báo chiến thắng lớn của quân và dân Hải Phòng. Ngày 29/4/1967, Chủ tịch Hồ Chí Minh đã ký Lệnh thưởng Huân chương Độc lập hạng Nhất cho quân và dân thành phố Hải Phòng.

Trong trận đánh phá thành phố vào lúc 9 giờ sáng ngày 26/4/1967, một máy bay địch bị bắn rơi tại chỗ, tên giặc lái nhảy dù xuống biển, cách đông nam Hòn Dấu khoảng 2.500m. Phi đội cứu giặc lái từ ngoài biển nhanh chóng xuất hiện, tìm cách cứu đồng bọn. Đây là khu vực các trận địa phòng không bố trí ở Đồ Sơn đều không bắn được do xạ giới bị che khuất. Kiên quyết tiêu diệt địch, Khẩu đội 8 pháo mặt đất thuộc Đại đội 16, được công nhân khu Giao Tế giúp sức, đã nhanh chóng kéo pháo từ hầm chính ra sát bờ biển. Chờ đúng lúc chiếc máy bay trực thăng dừng trên không thả thang dây cho tên giặc lái leo lên, khẩu đội lập tức nả đạn. Phát thứ nhất, đạn nổ gần mục tiêu, khiến tên giặc lái khiếp đảm buông tay khỏi thang dây, rơi xuống biển. Phát thứ hai trúng ngay chiếc trực thăng khiến nó nổ tung, toàn bộ địch trên máy bay cùng tên giặc lái đều bị tan xác hoặc chết chìm. Chiến công xuất sắc dùng pháo mặt đất bắn rơi trực thăng của Khẩu đội 8, Đại đội 16 được cấp trên đánh giá rất cao. Khẩu đội được Đại tướng Võ Nguyên Giáp - Bộ trưởng Bộ Quốc phòng, Thượng tướng Văn Tiến Dũng - Tổng Tham mưu trưởng, đến tận trận địa thăm và khen ngợi “đã đánh tốt, tiêu diệt cả bọn đến cứu và tên được cứu, làm cho giặc Mỹ mất cả chì lẫn chài, mở ra cách đánh mới cho pháo binh Việt Nam”.

2. Bảo đảm giao thông vận tải và hoạt động của Cảng

Hải Phòng là đầu mối giao thông, có hải cảng lớn nhất miền Bắc, nên cùng với việc đánh phá các cơ sở công nghiệp, các khu

dân cư ở trung tâm thành phố, đế quốc Mỹ dùng mọi thủ đoạn nhằm ngăn chặn. Bảo đảm giao thông vận tải được quân dân thành phố cảng xác định là nhiệm vụ trung tâm số 1. Do vậy, cuộc chiến đấu đã diễn ra hết sức quyết liệt, kéo dài suốt cuộc chiến tranh phá hoại của giặc Mỹ.

Sau đợt đánh phá với quy mô lớn vào các khu công nghiệp miền Bắc tháng 4/1967, đế quốc Mỹ chuyển sang đánh phá ác liệt các tuyến đường giao thông chiến lược. Tất cả các tuyến đường bộ, đường sắt, đường sông, đường biển phục vụ giải tỏa và vận chuyển hàng hóa, vật tư thiết bị, vũ khí tiếp nhận từ các tàu nước ngoài tại cảng Hải Phòng đi các nơi đều bị đánh phá, phong tỏa ác liệt. Cuộc chiến đấu đảm bảo giao thông, chống phong tỏa cảng của quân và dân Hải Phòng diễn ra quyết liệt và vô cùng anh dũng, quả cảm.

Từ ngày 04 đến ngày 09/8/1967, hàng trăm lần chiếc máy bay Mỹ ném bom nổ ngay và chưa nổ xuống nhiều mục tiêu giao thông, cách trung tâm thành phố từ 20 đến 30km. Phía Đông Bắc, chúng đánh bến phà Rừng, bến Đụn, cầu Giá, cầu Đá Bạc, đập Minh Đức, ném hàng trăm quả bom chờ nổ xuống lòng sông Giá, sông Đá Bạc, sông Kinh Thầy, ngăn chặn đường vận chuyển từ Hải Phòng đi Hà Bắc, Hà Nội bằng đường thủy. Phía Tây Bắc, chúng liên tục đánh cầu Phú Lương, cầu Lai Vu, đoạn đường sắt qua ga Dụ Nghĩa, khu vực Thượng Lý, Hạ Lý, cầu Xe Lửa, cầu Xi Măng, rải bom chờ nổ xuống lòng sông Vân Dương, sông Hàn, ngã ba Kênh Đồng, Kênh Nứa, chặn con đường chiến lược từ Hải Phòng lên Hà Nội. Phía Tây, chúng đánh cầu Nghìn, bến phà Quý Cao, bến phà Cự trên đường 10, bến phà Khuê đi Tiên Lãng, rải bom mìn xuống các bến bãi ven sông Luộc, các luồng sông Thái Bình, Văn Úc, sông Mới, chặn tất cả các tuyến đường bộ và đường sông từ Hải Phòng đi Thái Bình, Nam Hà, Ninh Bình và các tỉnh phía Nam.

Đến ngày 09/8/1967, đế quốc Mỹ đã dựng lên tuyến phong tỏa thứ nhất từ tây bắc xuống Tây Nam thành phố. Nửa cuối tháng 8/1967, chúng đánh bến phà Kiến An, đánh sập cầu Rế, cắt đường 10 với đường 5, đánh phá ác liệt khu vực cảng mới, Quán Toan, bến phà Kiên Bái, chia cắt đường 5 với đường 18 và đường đi Quảng Ninh. Chúng còn thả bom chờ nổ xuống các lòng sông và các bến bãi ven sông Lạch Tray, Văn Úc, Thái Bình, Kinh Thầy, tạo nên tuyến phong tỏa thứ hai cách trung tâm thành phố trên dưới 10km, đồng thời địch tiếp tục đánh phá, thả bom mìn bổ sung, duy trì tuyến phong tỏa thứ nhất. Đêm 02/9/1967, địch đánh sập cầu Rào, cầu Niệm, thả mìn, bom chờ nổ xuống dòng sông Lạch Tray. Những ngày sau đó, chúng đánh cầu Xe lửa, cầu Xi Măng, cầu phao chợ Sắt, cầu phao Hiệp Hưng; rải mìn với mật độ dày đặc xuống đoạn sông từ Nhà máy Xi măng qua Xưởng 25, Xưởng đóng tàu 3, sông đào Hạ Lý, sông Tam Bạc, tạo nên tuyến phong tỏa thứ ba.

Đến cuối tháng 9/1967, khu vực nội thành Hải Phòng, mà trung tâm là cảng, đã bị phong tỏa bởi ba tuyến, khoảng cách giữa các tuyến chừng 10km. Toàn bộ hệ thống cầu, bến phà, đường giao thông thủy, bộ ra vào thành phố đều bị đánh phá. Số lượng bom mìn địch ném xuống ba tuyến phong tỏa này tính từ ngày 04/8/1967 đến ngày 02/9/1967 là 11.492 quả bom phá nổ ngay, 2.277 quả bom mìn chờ nổ, 736 quả bom bi mẹ (mỗi quả chứa 540 bom bi con), 7.221 quả tên lửa...¹. Những ngày sau đó, địch còn nhiều lần thả bom mìn bổ sung, duy trì ba tuyến phong tỏa kể trên.

Thủ đoạn đánh phá, ngăn chặn, phong tỏa của địch vô cùng nham hiểm, thâm độc. Mặc dù chưa dám đánh thẳng vào cảng

1. Xem *Hai lần đánh thắng chiến tranh phá hoại của đế quốc Mỹ tại Hải Phòng*, Sđd, tr.52.

Hải Phòng, cũng chưa dám thả mìn xuống các luồng tàu nước ngoài ra vào cảng vì sợ phản ứng của dư luận quốc tế, nhưng bằng việc phong tỏa tất cả các luồng sông, địch cho rằng hàng hóa ở cảng Hải Phòng sẽ bị ứ đọng không thể vận chuyển đi các nơi. Đồng thời với việc thả bom mìn, chúng tăng cường khống chế các hoạt động của cảng, đe dọa tàu nước ngoài, đuổi bắn từng chiếc ô tô, ca nô, tàu thuyền vận tải. Ngoài bom nổ ngay, thời kỳ này địch sử dụng 6 loại bom từ trường có thể tự nổ, va nổ, nổ liên tiếp nhiều quả trong một lúc và nổ xen kẽ liên tục 24 giờ trong ngày. Càng vào gần trung tâm thành phố, mật độ bom ném xuống càng dày đặc. Cầu Nghìn cách nội thành 30km thường xuyên có từ 18 đến 20 quả bom chờ nổ. Các bến phà Quý Cao, Tiên Cự, Khuê cách nội thành từ 15 đến 20km, số bom nhiều gấp 10 lần. Các cầu ra vào thành phố như cầu Rào, cầu Niệm, cầu Xe Lửa, cầu Hạ Lý, cầu Xi Măng (cầu Thượng Lý) bị địch đánh liên tục. Số bom chờ nổ địch ném xuống mỗi cây cầu này nhiều gấp 20 lần số bom địch ném xuống cầu Nghìn. Chỉ một đoạn sông từ cầu Niệm đến cầu An Dương dài chưa đầy 2.000m đã có 721 quả bom chờ nổ nằm chặn¹.

Quân và dân thành phố quyết tâm đánh địch để đảm bảo giao thông. Các lực lượng phòng không bảo vệ Hải Phòng khẩn trương điều chỉnh lực lượng, áp sát các bến phà, cầu và các điểm nút giao thông quan trọng để đánh địch. Các cấp ủy đảng, chính quyền chỉ đạo lực lượng dân quân, tự vệ, công an vũ trang nhân dân đưa súng lên núi cao, lên nóc nhà cao tầng, chốt ở các trọng điểm ven biển, cửa sông... đón lõng sẵn máy bay Mỹ. Dân quân xã Vinh Quang phối hợp với tự vệ Nông trường Vinh Quang (Tiên Lãng) bắn rơi 1 máy bay A4. Ngày 11/8/1967, trung đội nữ

1. Xem *Hai lần đánh thắng chiến tranh phá hoại của đế quốc Mỹ tại Hải Phòng*, Sđd, tr.52.

du kích tập trung huyện Vĩnh Bảo bắn rơi 1 máy bay A4. Đầu tháng 10/1967, trung đội nữ “Du kích núi Voi” của huyện An Lão trực chiến trên núi Voi đã bắn rơi 1 máy bay A4. Hai mươi tám chiến sĩ gái được Chủ tịch Hồ Chí Minh gửi thư khen và tặng huy hiệu của Người.

Với tinh thần “*Tim còn đập, cẳng còn hoạt động*”, “*Máu có thể đổ, nhưng cầu phà phải bảo đảm lưu thông*”, các chiến sĩ giao thông vận tải cùng quân dân thành phố đã nêu cao ý chí quyết chiến quyết thắng, phát huy trí thông minh, sáng tạo giải quyết thành công nhiều việc tưởng chừng như không thể làm được. Cầu Quay, cầu Xi Măng, cầu Niệm bị đánh hàng chục lần, nhưng địch đánh ta lại sửa, đánh 1 cầu ta làm thêm 2, 3 cầu khác, chưa một lần để ùn tắc giao thông quá 36 giờ. Cứ sau mỗi lần giải tỏa một trọng điểm bị địch đánh phá ngăn chặn, lực lượng giao thông vận tải của thành phố lại có thêm nhiều kinh nghiệm hay, sáng tạo thêm nhiều cách bảo đảm giao thông mới như làm mố cầu phao “gật gù” để phù hợp với biên độ thủy triều lên xuống; làm cầu cáp mặt liền đảm bảo lưu lượng từ 700 đến 1.200 xe/ngày mà vẫn không ảnh hưởng đến đường thủy. Ngành giao thông vận tải thành phố còn có sáng kiến xây dựng các bến phà bằng các khối bê tông đúc sẵn có thể dùng sà lan, cần cầu cơ động từ vị trí này sang vị trí khác, hoặc sáng kiến ghép phà đôi phục vụ các xe đặc chủng đưa tên lửa qua sông...

Các lực lượng công binh phá bom nổ chậm của thành phố đã sáng tạo ra nhiều kiểu rà phá, kết hợp cả phương pháp thủ công với phương pháp rà phá bằng kỹ thuật tương đối hiện đại và hiện đại, rà phá ngày càng có hiệu quả. Ngày 22/10/1967, địch ném gần 400 quả bom các loại xuống nhiều khu vực, sáng ném xuống Thượng Lý, cắt đứt đường sắt và đường bộ, trưa ném vào cầu phao chợ Sắt, chiều ném xuống cầu phao cầu Niệm, làm cho

thành phố chỉ còn một lối đi theo phà Bính, rồi qua phà Kiên Bái để ra đường 5. Nhưng chỉ trong một đêm, quân dân thành phố đã khai thông. Ngày 15/3/1968, địch rải gần 100 quả bom nổ chậm và hàng trăm bom phá xuống sông Lạch Tray ở khu vực cầu Niệm, nhưng chỉ trong vòng 21 giờ ta đã thông luồng và đảm bảo vượt sông an toàn¹.

Qua thực tiễn đối phó với địch trên mặt trận giao thông vận tải, bảo vệ cảng, Thành ủy, Ủy ban hành chính thành phố sớm nhận rõ vấn đề nổi bật nhất, khâu mấu chốt nhất, đồng thời cũng là nơi độ sức quyết liệt nhất giữa ta và địch chính là vấn đề “*Tổ chức vượt sông*” và “*Khai thông luồng lạch*”. Nếu vượt được sông, thông được luồng lạch thì bảo đảm vận chuyển được hàng. Vì vậy, thành phố đã tập trung cao nhất mọi khả năng cho khâu then chốt này. Thành phố đã tổ chức 250 tổ, đội gồm 2.768 người và 300 thanh niên xung phong chuyên trách làm công tác bảo đảm giao thông vận tải, 28 tổ phá bom gồm 860 người. Vốn đầu tư mua sắm máy móc, thiết bị, vật tư bảo đảm giao thông năm 1968 tăng gấp 5 lần năm 1965. Trong 4 năm 1965 - 1968, thành phố đã xây dựng được 400 công trình giao thông lớn nhỏ, dự trữ 5.000m³ đá, 135 tấn sắt, 100m³ gỗ, 300m cầu lắp, làm 18 bến phà, 5 mố cầu phao, 558m cầu phao sắt, 570m cầu cáp... sẵn sàng ứng cứu và khôi phục giao thông khi bị địch đánh phá. Để phá thế vận chuyển độc tuyến, thành phố đã mở mới 175km đường lớn, hơn 1.000km đường nông thôn, 27 đường vòng tránh... Nhân dân các xã ven đường giao thông gần các trọng điểm tích cực hưởng ứng phong trào “*Mỗi người dân có một loại phương tiện, vật liệu*” để sẵn sàng tham gia khắc phục hậu quả đánh phá của địch².

1, 2. Xem *Hai lần đánh thắng chiến tranh phá hoại của đế quốc Mỹ tại Hải Phòng*, *Sđd*, tr.14, 112.

Qua 4 năm chiến đấu gian khổ, các lực lượng bảo đảm giao thông chuyên nghiệp và không chuyên nghiệp, công binh nhân dân, công binh của bộ đội địa phương Hải Phòng ngày đêm bám sát các bến phà, hạt đường, trên các phương tiện, từng giờ, từng phút đối mặt giữa cái sống và cái chết để rà phá bom mìn, thông luồng, thông đường, kiên quyết hoàn thành nhiệm vụ bảo đảm giao thông vận tải. Riêng các đơn vị công binh của bộ đội địa phương và dân quân tự vệ đã rà phá, tháo gỡ được 640 quả bom nổ chậm các loại.

Công tác bảo đảm giao thông ở Hải Phòng là đã biết tận dụng mọi khả năng phương tiện của đường thủy, đường bộ, đường sắt, đường biển để chuyển tải, tiếp nhận và vận chuyển hàng hóa đi các nơi, lấy đường thủy làm chủ yếu. Tính riêng năm 1968, các ngành vận tải của thành phố đã vận chuyển được 2.981.000 tấn hàng hóa đi các địa phương, vào chiến trường, trong đó đường sắt vận chuyển được 901.000 tấn, đường bộ vận chuyển được 876.000 tấn, đường thủy vận chuyển được 1.204.000 tấn¹. Mọi loại phương tiện đều được huy động, cả thô sơ lẫn hiện đại, cả thủ công lẫn cơ giới, kiên quyết phá thế vận chuyển độc tuyến, độc phương tiện, tranh thủ mọi thời cơ thuận lợi để tiếp nhận và vận chuyển hàng hóa. Quân và dân Hải Phòng đã nêu cao tinh thần “*thêm một cân hàng ra tiền tuyến là diệt thêm một quân thù*”; “*mặt đường, sông nước là chiến trường, phương tiện là vũ khí, công nhân là chiến sĩ*” quyết tâm bám sông, bám bến, bám phà, bám phương tiện, đảm bảo vượt sông, thông đường, thông luồng lạch để vận tải liên tục.

Khối lượng hàng hóa vận chuyển (cả đường sắt, đường bộ, đường sông) trong những năm chiến tranh tuy có giảm so với

1. Xem *Chi cục Thống kê Hải Phòng: Hải Phòng 15 năm xây dựng và phát triển (1955 - 1969)*, Nxb. Thống kê, Hà Nội, 1970, tr.355.

năm 1964 (năm đạt khối lượng vận chuyển cao nhất trước chiến tranh) nhưng vẫn hoàn thành cơ bản nhiệm vụ phục vụ sản xuất, chiến đấu, bảo đảm đời sống, chi viện chiến trường mà Trung ương giao cho. Năm 1955, đạt 210.000 tấn; năm 1960, đạt 3.017.000 tấn; năm 1964, đạt 4.868.000 tấn; năm 1965, đạt 4.247.000 tấn; năm 1966, đạt 3.638.000 tấn; năm 1967, đạt 2.710.000 tấn; năm 1968, đạt 2.981.000 tấn¹. Khối lượng hàng hóa xuất, nhập khẩu qua cảng năm 1955 đạt 158.000 tấn; năm 1960, đạt 1.693.000 tấn; năm 1964, đạt 2.410.000 tấn; năm 1965, đạt 2.200.000 tấn; năm 1966, đạt 1.773.000 tấn; năm 1967, đạt 1.566.000 tấn; năm 1968, đạt 1.880.000 tấn². Số lượt tàu nước ngoài cập cảng Hải Phòng năm 1955 có 56 lượt (36 tàu các nước xã hội chủ nghĩa); năm 1960 có 344 lượt tàu (173 tàu các nước xã hội chủ nghĩa); năm 1964 có 401 lượt tàu (173 tàu các nước xã hội chủ nghĩa); năm 1965 có 318 lượt tàu (198 tàu các nước xã hội chủ nghĩa); năm 1966 có 320 lượt tàu (216 tàu các nước xã hội chủ nghĩa); năm 1967 có 352 lượt tàu (218 tàu các nước xã hội chủ nghĩa); năm 1968 có 458 lượt tàu (308 tàu các nước xã hội chủ nghĩa). Đó là chưa tính tàu trong nước chở hàng hóa đến một số nước anh em và đến các địa phương trên miền Bắc³.

Kết quả đạt được trên mặt trận bảo đảm giao thông vận tải, bảo vệ cảng không những có ý nghĩa to lớn về kinh tế, quốc phòng, sản xuất, chiến đấu ở cả tiền tuyến và hậu phương mà còn có ý nghĩa chính trị đối với quốc tế. Mặc dù đã dùng mọi thủ đoạn ngăn chặn, đánh phá hết sức ác liệt nhưng đế quốc Mỹ vẫn không thực hiện được ý đồ biến Hải Phòng thành một địa bàn cô lập. Chúng không thể thực hiện được âm mưu phá hoại sự nghiệp xây dựng chủ nghĩa xã hội của quân dân miền Bắc, không thể

1, 2, 3. Xem Chi cục Thống kê Hải Phòng: *Hải Phòng 15 năm xây dựng và phát triển (1955 - 1969)*, *Sđd*, tr.351, 355, 361.

ngăn chặn nguồn chi viện từ hậu phương lớn miền Bắc cho tiền tuyến lớn miền Nam. Ngay trong những ngày Hải Phòng bị đánh phá ác liệt nhất cuối năm 1967, Oentơ, một nhà báo Thụy Điển có mặt ở Hải Phòng, đã nhận xét: “Đúng là người Mỹ đã đánh vào các kho hàng, các bến bãi và vùng có các kho hàng. Nhưng Hải Phòng chắc chắn là không chết, thậm chí không bị què quặt, suy yếu. Trong bóng tối, hàng trăm xe vận tải chở hàng vẫn từ Hải Phòng đi khắp nơi. Những chiếc cầu lớn đã đổ nhưng ở Hải Phòng cũng như ở Bắc Việt Nam bao giờ cũng vậy, đã có những chiếc cầu phao, những con đường khác, những phương tiện khác. Rõ ràng hàng vẫn đến, vẫn đi. Nhiều phố vẫn đông người, và thật kỳ lạ có cả trẻ em chơi đùa”¹.

3. Tổ chức sản xuất, bảo đảm đời sống của nhân dân trong chiến tranh, chi viện tiền tuyến

Với tinh thần “*sản xuất giỏi, chiến đấu giỏi*”, đội ngũ công nhân, nông dân tập thể và nhân dân lao động thành phố đã kiên cường bám nhà máy, ruộng đồng, mặt biển để sản xuất và chiến đấu. Dịch đến thì đánh, dịch đi lại sản xuất, học tập, vui chơi, giải trí. Nhờ vậy mà, 4 năm dịch đánh phá ác liệt, các nhà máy, xí nghiệp của Hải Phòng vẫn duy trì được sản xuất, có mặt còn phát triển, giao thông vận tải vẫn thông suốt, cảng vẫn hoạt động bình thường. Đời sống nhân dân tuy có khó khăn nhưng nói chung ổn định, có mặt được cải thiện. Sự nghiệp y tế, văn hóa, giáo dục vẫn phát triển mạnh mẽ.

Công nghiệp: Giá trị sản lượng (tính theo giá cố định năm 1959), năm 1955 (khi mới giải phóng) là 17.424.000 đồng; năm 1960 là 209.392.000 đồng; năm 1964 là 342.014.000 đồng; năm

1. John M. Van Dyke: *North Vietnam Strategy for survival*, Pacific Book, California, USA, 1972, p.284.

1965 đạt 367.215.000 đồng; năm 1966 đạt 369.255.000 đồng; năm 1967 đạt 291.291.000 đồng; năm 1968 đạt 273.234.000 đồng. So với năm 1960, giá trị sản lượng công nghiệp năm 1965 vượt 75%; năm 1966 vượt 76%; năm 1967 vượt 39%; năm 1968 vượt 34%. Chỉ số phát triển một số sản phẩm chủ yếu của ngành công nghiệp và tiểu thủ công nghiệp vẫn đạt mức độ tăng trưởng khá. So với năm 1960, chỉ số phát triển về sản lượng điện năm 1965 vượt 104,4%; năm 1968 vượt 36,9%, chiếm tỷ trọng 10,2% sản lượng điện toàn miền Bắc¹. Máy bơm nước, năm 1965 vượt 37,6%; năm 1968 vượt 772,5%, chiếm tỷ trọng 15,9% so với toàn miền Bắc. Sà lan năm 1965 vượt 104,3%; năm 1968 vượt 100,1%, chiếm tỷ trọng 61,6% so với miền Bắc. Ca nô, tàu kéo năm 1967 vượt 225%; năm 1968 vượt 190%, chiếm tỷ trọng 78,1% so với toàn miền Bắc. Toa xe, năm 1965 vượt 110%; năm 1968 vượt 343,3%, chiếm tỷ trọng 29,4% so với toàn miền Bắc. Xi măng bao, năm 1965 vượt 138,3%; năm 1968 vượt 30%, chiếm tỷ trọng 97,9% so với toàn miền Bắc².

Nông nghiệp: Thành ủy đã xác định hai ngành chủ yếu là lương thực và thực phẩm nhằm đáp ứng yêu cầu về lương thực và thực phẩm cho lực lượng vũ trang và nhân dân thành phố. Nhưng do thiên tai địch họa, tình hình sản xuất ngày càng thêm khó khăn. Vụ chiêm xuân 1965 - 1966, bị sâu bệnh phá hoại và bị hạn nặng, hơn 16,4 ngàn hécta thiếu nước. Đây là đợt hạn nặng nhất so với 10 năm trước đó. Mặt khác, chiến tranh ngày càng ác liệt, nam nữ thanh niên lần lượt lên đường đánh giặc, lực lượng lao động chủ yếu của nông nghiệp là phụ nữ, trung niên và người già. Đất canh tác nhiều vùng nằm trong khu vực bắn phá của địch, phải bỏ hoang hóa hoặc dành cho xây dựng các trận địa

1, 2. Xem Chi cục Thống kê Hải Phòng: *Hải Phòng 15 năm xây dựng và phát triển (1955 - 1969)*, Sđd, tr.193, 235.

phòng không. Trong khi đó, điều kiện phục vụ cho sản xuất như điện, nước, phân bón, sức kéo rất thiếu thốn. Việc huy động lương thực phục vụ nhu cầu chiến đấu ngày càng tăng. Hai kỳ giáp hạt năm 1966, 18 vạn nông dân bị thiếu đói. Thành phố phải cấp 1.600 tấn thóc và mua 200 tấn sắn để cứu đói.

Tuy gặp rất nhiều khó khăn nhưng dưới sự lãnh đạo của các cấp ủy đảng, các phong trào thi đua chống Mỹ, cứu nước: “*Mỗi người làm việc bằng hai vì miền Nam ruột thịt*”; “*Vì Đà Nẵng, Gò Công kết nghĩa*”; “*Tay cày, tay súng*” vẫn được nông dân Hải Phòng tích cực hưởng ứng. Ủy ban hành chính thành phố và các ngành chức năng tập trung đầu tư cơ sở vật chất cho nông nghiệp. Thực hiện Nghị quyết số 46-NQ/TU, ngày 11/01/1967 của Ban Thường vụ Thành ủy, toàn bộ vùng nông thôn Hải Phòng được quy hoạch thành 3 vùng và 11 tiểu vùng sản xuất nông nghiệp. Tính đến năm 1967, thành phố đã đầu tư cho nông nghiệp 176 máy bơm dầu, 39 trạm bơm điện với 163 máy bơm điện bảo đảm tưới cho 16.867ha, chiếm 33,56% diện tích canh tác. Thành phố còn xây dựng được 200 điểm cơ khí nhỏ và nhiều xưởng cơ khí ở các huyện. Nhờ đó, năng suất lúa ngày một tăng. Năm 1965, có 11 xã, 27 hợp tác xã đạt danh hiệu 5 tấn, trong đó xã Phục Lễ trở thành lá cờ đầu trong sản xuất nông nghiệp của thành phố và là điển hình tiên tiến của miền Bắc. Năm 1967, có 43 xã, 157 hợp tác xã đạt 5 tấn thóc/ha. Lần đầu tiên, toàn huyện Vĩnh Bảo và thị xã Kiến An đạt trên 5 tấn thóc/ha.

Trong 4 năm chiến đấu chống chiến tranh phá hoại, trung bình mỗi năm Hải Phòng đóng góp cho Nhà nước được 3,5 vạn tấn thóc. Tuy có khó khăn hơn so với trước chiến tranh nhưng nông nghiệp vẫn đáp ứng được nhu cầu về lương thực cho nông dân, một phần lớn thực phẩm cho các lực lượng vũ trang và nhân dân nội thành, nguyên liệu cho công nghiệp chế biến và nông sản xuất khẩu. Các hợp tác xã đạt 5 tấn thóc/ha/năm ngày càng

nhieu. Tính theo giá cố định năm 1959, giá trị sản lượng nông nghiệp toàn thành phố năm 1955 mới đạt 45.502.000 đồng; năm 1960 đã đạt 86.366.000 đồng; năm 1965 đạt 96.196.000 đồng; năm 1966 đạt tới 100.105.000 đồng¹. So với năm 1960, chỉ số phát triển lương thực quy ra thóc năm 1965, vượt 106,8%; năm 1967, vượt 116,4%; năm 1968, tuy bị địch đánh phá ác liệt nhưng vẫn vượt 79,4%². Đó là thắng lợi cơ bản nhất, lớn nhất của sản xuất nông nghiệp Hải Phòng trong 4 năm chống chiến tranh phá hoại.

Ngành khai thác, chế biến hải sản tuy gặp nhiều khó khăn song vẫn duy trì được sản xuất. So với năm 1960, sản xuất muối năm 1965 đạt 264,5%; năm 1967 đạt 117%; năm 1968 đạt 140%. Đánh bắt cá năm 1965 vượt 94,1%; năm 1968 vượt 62,1%, chiếm tỷ trọng bình quân 15,3% so với toàn miền Bắc. Chế biến nước mắm, năm 1965 vượt 102,9%; năm 1968 vượt 48,2%, chiếm tỷ trọng bình quân 24,8% so với toàn miền Bắc³.

Ngoài hai ngành kinh tế chính là công nghiệp và nông nghiệp, các ngành khác cũng phát triển khá. Ngành xây dựng đã xây mới được gần 30 xí nghiệp công nghiệp địa phương. Ngành thương nghiệp hướng vào phục vụ sản xuất, chiến đấu và đời sống ngày càng tốt hơn, nhất là trong hoàn cảnh sơ tán. Với chức năng lưu thông, phân phối, ngành thương nghiệp đã góp phần giúp cho sản xuất phát triển, thực hiện được vai trò trung gian gắn kết giữa công nghiệp và nông nghiệp, giữa sản xuất và tiêu dùng, giữa nội thương và ngoại thương, giữa kinh tế quốc doanh và hợp tác xã. Tài chính, ngân hàng tập trung vốn nhanh đảm bảo yêu cầu về vốn cho các ngành, nhất là cho các cơ sở sản xuất.

Trong hoàn cảnh chiến tranh, sản xuất phát triển có mức độ, đời sống vật chất và tinh thần của nhân dân thành phố gặp

1, 2, 3. Xem Chi cục Thống kê Hải Phòng: *Hải Phòng 15 năm xây dựng và phát triển (1955 - 1969)*, *Sđd*, tr.83, 287.

nhiều khó khăn. Kiên quyết giữ vững, ổn định đời sống nhân dân, Thành ủy, Ủy ban hành chính thành phố đã quan tâm đặc biệt đến khâu phân phối lương thực, thực phẩm và hàng hóa, xây dựng và mở rộng mạng lưới thương nghiệp phục vụ bộ đội và nhân dân, cho cả người đi sơ tán và người ở lại. Thành phố đã chú ý điều chỉnh và giải quyết một phần khó khăn về nhà cửa cho những gia đình bị địch đánh phá (kể cả ở nội và ngoại thành), trợ giúp cho những gia đình bị tai nạn chiến tranh. Tất cả những việc trên, ngoài phần Nhà nước giải quyết, chủ yếu là nhờ tình đoàn kết tương trợ trong nhân dân, trong cơ quan, xí nghiệp.

Sự nghiệp văn hóa, giáo dục, y tế phát triển tốt. Số người đi học ngày càng tăng. Năm 1965, cứ 1 vạn dân có 1.585 người đi học; năm 1968, tỷ lệ này là 1.984 người. Năm 1955, toàn thành phố (kể cả tỉnh Kiến An cũ) mới có 170 trường phổ thông các cấp (159 trường cấp I, 11 trường cấp II), với tổng số 34.071 học sinh. Đến năm 1964, có 335 trường (207 trường cấp I, 120 trường cấp II, 8 trường cấp III), với tổng số 177.366 học sinh. Năm 1965, có 341 trường (204 trường cấp I, 124 trường cấp II, 13 trường cấp III) với tổng số 187.184 học sinh. Năm 1966, có 398 trường với 221.947 học sinh. Năm 1967, có 429 trường với 242.024 học sinh. Năm 1968 có 398 trường với tổng số 279.434 học sinh. Thành tích lớn nhất là các cấp, các ngành đã chuyển được hàng vạn con em từ nội thành ra ngoại thành an toàn, có nơi học tập¹.

Trong chiến tranh, ngành y tế vẫn phát triển mạnh. Phong trào vệ sinh phòng bệnh, giữ gìn, chăm sóc sức khỏe, làm nhà tắm, giếng nước, hố xí hợp vệ sinh được phát động liên tục và được nhân dân tích cực hưởng ứng. Các cơ sở chữa bệnh và thầy thuốc tăng nhanh (từ 6 bệnh viện với 368 y, bác sĩ năm 1965 tăng

1. Xem *Hai lần đánh thắng chiến tranh phá hoại của đế quốc Mỹ tại Hải Phòng, Sđd*, tr.124, 126.

lên 15 bệnh viện với 782 y, bác sĩ năm 1968). Những kết quả đó đã góp phần rất quan trọng vào việc bảo vệ sức khỏe nhân dân, tăng cường lực lượng cho sản xuất và chiến đấu lâu dài.

Việc tăng cường lực lượng cho tiền tuyến lớn, củng cố hậu phương vững mạnh trong chiến tranh là những nhiệm vụ bức thiết của quân và dân thành phố Hải Phòng. Dù có nhiều khó khăn do yêu cầu phân bổ lực lượng lao động cho mọi lĩnh vực công tác, sản xuất đều rất lớn và rất khẩn trương, nhưng công tác tuyển quân chi viện chiến trường vẫn được nhân dân thành phố thực hiện tốt theo tinh thần “*Thóc không thiếu một cân, quân không thiếu một người*”, tiến lên “*Thóc thừa cân, quân thừa người*”. Trong 4 năm 1965 - 1968, cùng với đánh thắng chiến tranh phá hoại ác liệt của địch, Hải Phòng luôn hoàn thành vượt mức kế hoạch 23 đợt tuyển quân. Thành phố đã có 43.328 thanh niên gia nhập quân đội, so với chỉ tiêu trên giao (43.207), đạt 100,2%. Số lượng thanh niên nhập ngũ chiếm 67,5% nam thanh niên (ở độ tuổi từ 18 đến 35), 43,9% lực lượng dân quân tự vệ toàn thành. Trong số 161 xã, có 86 xã huy động trên 8% số dân, đặc biệt có 2 xã huy động tới trên 13% số dân. Có những xí nghiệp, cơ quan như Xí nghiệp Cơ khí 19 tháng 5, số người nhập ngũ chiếm tới 32% cán bộ, công nhân.

Cùng với huy động thanh niên nhập ngũ, thành phố còn điều động hàng nghìn cán bộ, đảng viên, công nhân viên đi phục vụ các chiến trường. Từ năm 1965 đến năm 1968, thành phố đã điều động 10.428 cán bộ các cấp bổ sung cho các chiến trường và tham gia quân đội. Trong 4 năm, toàn Đảng bộ kết nạp thêm 24.318 đảng viên mới (riêng năm 1966 kết nạp 8.706 đảng viên mới), trong đó có 23,5% là công nhân, 12% là cán bộ chuyên môn kỹ thuật. Tỷ lệ đảng viên năm 1968 trong các nhà máy, xí nghiệp chiếm 21,5% so với tổng số công nhân, viên chức; trong nông nghiệp

là 5,6% so với tổng số xã viên. Toàn Đảng bộ năm 1968 có 42.234 đảng viên, so với đầu năm 1965 tăng 9.642 đồng chí.

Kết quả động viên tuyển quân, xây dựng lực lượng, chi viện chiến trường của Hải Phòng trong 4 năm chống chiến tranh phá hoại thể hiện lòng yêu nước, yêu chủ nghĩa xã hội, ý chí căm thù địch sâu sắc, mối tình ruột thịt Bắc - Nam của nhân dân thành phố. Đó là kết quả của phong trào “*Ba sẵn sàng*” trong thanh niên và “*Ba đảm đang*” trong phụ nữ. Có thể nói, ở Hải Phòng, toàn Đảng bộ, chính quyền các cấp, toàn dân, toàn quân đều làm công tác chi viện. Lãnh đạo thành phố đã biết dựa vào đảng bộ, chi bộ cơ sở, lấy cơ quan quân sự xã, tiểu khu, nhà máy, cơ quan làm tham mưu, kết hợp tốt công tác giáo dục chính trị, động viên tư tưởng thực hiện chính sách, với chỉ đạo chặt chẽ về tổ chức. Đặc biệt, từ năm 1966, Hải Phòng đã tổ chức, quản lý lực lượng thanh niên đến tuổi nhập ngũ tại các phân đội dự bị do địa phương tổ chức theo phương châm “*ba cử - hai nguyện*” (địa phương - cơ quan cử, đoàn thể cử, gia đình cử và bản thân tình nguyện, gia đình tự nguyện), coi đó là yếu tố quan trọng nhất, chủ động nhất để thực hiện kế hoạch tuyển quân. Nhờ đó, thành phố luôn hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ tuyển quân chi viện chiến trường.

Sau cuộc Tổng tấn công và nổi dậy của quân và dân miền Nam Tết Mậu Thân năm 1968, đối với Hải Phòng, nhịp độ đánh phá của máy bay Mỹ có giảm, có 2 trận máy bay địch ném bom lớn vào ngày 06/3/1968 và ngày 27/3/1968. Quân và dân thành phố đã kiên cường đánh trả. Ngày 06/3/1968, Chủ tịch Hồ Chí Minh gửi *Thư khen quân và dân Hải Phòng*: “Đến ngày 6-3-1968, quân và dân Hải Phòng đã bắn rơi 200 máy bay Mỹ, góp phần vào chiến công bắn rơi gần 2.800 máy bay Mỹ trên miền Bắc.

Thành tích đó rất vẻ vang.

Quân và dân Hải Phòng đoàn kết chặt chẽ, sản xuất tốt, chiến đấu dũng cảm, làm tốt công tác giao thông vận tải, trật tự trị an và phòng không nhân dân.

Bác rất vui lòng thay mặt Trung ương Đảng và Chính phủ khen ngợi các đồng chí và đồng bào Hải Phòng.

Giặc Mỹ đã thua to, nhưng chúng vẫn ngoan cố chưa chịu từ bỏ những âm mưu tàn bạo và quỷ quyệt. Quân và dân ta đang thắng lớn, càng phải kiên quyết chiến đấu cho đến ngày thắng lợi hoàn toàn.

Quân và dân Hải Phòng hãy ra sức thi đua với quân và dân miền Nam anh hùng, nâng cao cảnh giác, sản xuất tốt hơn nữa, chiến đấu giỏi hơn nữa, sát cánh cùng đồng bào cả nước đánh thắng giặc Mỹ xâm lược”¹.

Do bị thất bại nặng nề trên cả hai miền Nam - Bắc, ngày 31/3/1968, đế quốc Mỹ buộc phải tuyên bố ngừng ném bom bắn phá từ vĩ tuyến 20 trở ra và toàn miền Bắc từ ngày 01/11/1968, chấp nhận tham gia hội nghị đàm phán tại Pari. Thành phố Hải Phòng tạm thời không bị máy bay, tàu chiến Mỹ đánh phá. Trong 4 năm tiến hành chiến tranh phá hoại đối với Hải Phòng, đế quốc Mỹ đã huy động 6.664 lần chiếc máy bay, đánh phá thành phố 982 trận, vào 2.359 lượt mục tiêu với 30.107 quả bom và tên lửa, giết hại và làm bị thương 4.576 người, phá hủy 10.504 căn nhà, 11 bệnh viện, 4 trường học, 4 nhà thờ, 34 nhà máy, xí nghiệp... Nhưng những tội ác dã man, tàn bạo của đế quốc Mỹ không thể khuất phục được quân dân Hải Phòng, trái lại càng khiến quân dân thành phố thêm quyết tâm chiến đấu. Trong 4 năm chiến đấu chống chiến tranh phá hoại, quân dân Hải Phòng đã bắn rơi 217 máy bay Mỹ, bảo đảm giao thông vận tải và hoạt động bình thường của cảng biển. Sản xuất công nghiệp, nông nghiệp và các mặt văn hóa, xã hội, an ninh trật tự được giữ vững. Hàng vạn con em Hải Phòng tham gia các lực lượng vũ trang, thanh niên xung phong chiến đấu trên các chiến trường.

1. Hồ Chí Minh: *Toàn tập, Sđd*, t.15, tr.439.

Thắng lợi của cuộc chiến đấu chống chiến tranh phá hoại lần thứ nhất của đế quốc Mỹ, bảo vệ thành phố cảng - Khu công nghiệp Hải Phòng có ý nghĩa hết sức quan trọng. Quân dân Hải Phòng đã trực tiếp góp phần làm phá sản mục tiêu chiến lược chủ yếu của địch trong cuộc chiến tranh phá hoại là cắt đứt nguồn viện trợ quốc tế cho Việt Nam, ngăn chặn từ gốc sự chi viện của miền Bắc cho miền Nam. Chiến công của quân dân Hải Phòng trong chiến đấu chống chiến tranh phá hoại lần thứ nhất đã góp phần đẩy mạnh cuộc đấu tranh giải phóng miền Nam, xây dựng và bảo vệ hậu phương lớn miền Bắc, buộc đế quốc Mỹ phải chấm dứt cuộc chiến tranh phá hoại miền Bắc.

Trung ương Đảng, Chính phủ và Chủ tịch Hồ Chí Minh luôn dõi theo, chỉ đạo, động viên Đảng bộ, quân và dân thành phố Hải Phòng. Cùng việc gửi thư khen ngợi chung và ký các sắc lệnh tặng thưởng Huân chương Độc lập hạng Nhất, Cờ “*Quyết tâm đánh thắng giặc Mỹ xâm lược*” cho Đảng bộ, quân và dân Hải Phòng, nhiều tập thể, cá nhân cũng được Người cổ vũ, động viên kịp thời: Ngày 25/01/1966, Chủ tịch Hồ Chí Minh ký Lệnh số 16-LCT, tặng thưởng Huân chương Chiến công hạng Nhì cho Đơn vị 152 đảo Bạch Long Vĩ đã bắn rơi 1 máy bay Mỹ. Ngày 10/02/1966, Chủ tịch Hồ Chí Minh gửi điện mừng tới Đại hội Phụ nữ “*Ba đảm đang*” Hải Phòng, khen ngợi chị em đạt nhiều thành tích trong phong trào “*Ba đảm đang*”. Nhân dịp này, Người tặng Huy hiệu của Người cho 7 phụ nữ Hải Phòng lập nhiều thành tích xuất sắc trong sản xuất, chiến đấu. Ngày 01/01/1967, Chủ tịch Hồ Chí Minh ký Sắc lệnh tặng danh hiệu Anh hùng cho 45 đơn vị và 111 cá nhân, trong đó có 4 Anh hùng Lao động, gồm: Nguyễn Đức Kiểu (Công ty Vận tải đường sông Hải Phòng), Nguyễn Khả Kính (Cảng Hải Phòng), Nguyễn Hiền Việt (Tổ trưởng Tổ Đá nhỏ Ca A - Nhà máy Xi măng Hải Phòng), Lương Thị Mái (Đội trưởng chăn nuôi, hợp tác xã Đông Phong,

huyện An Hải (nay là phường Nam Hải, quận Hải An)). Ngày 10/01/1967, Chủ tịch Hồ Chí Minh ký Lệnh số 12-LCT, thưởng 13 Huân chương Lao động hạng Ba cho phụ nữ các tỉnh, trong đó có phụ nữ thành phố Hải Phòng. Ngày 17/01/1967, Chủ tịch Hồ Chí Minh ký Lệnh số 13/LCT, truy tặng Huân chương Chiến công hạng Ba cho liệt sĩ Vũ Hữu Thán, hạ sĩ công an vũ trang thành phố Hải Phòng, đã anh dũng hy sinh trong khi làm nhiệm vụ. Năm 1968, Đảng, Chính phủ và Chủ tịch Hồ Chí Minh đã tặng thưởng quân dân Hải Phòng Huân chương Kháng chiến hạng Nhất, Huân chương Chiến công hạng Nhất. Cả 12 khu phố, huyện, thị xã và 136 xã được tặng thưởng Huân chương Kháng chiến hạng Nhất, hạng Nhì, hạng Ba. Có 7 xã được tặng thưởng Huân chương Kháng chiến hai lần là: Phục Lễ (Thủy Nguyên), Vinh Quang, Hùng Thắng, Cấp Tiến (Tiên Lãng), Cổ Am (Vĩnh Bảo), An Hồng (An Hải), Hòa Nghĩa (Kiến Thụy).

Truyền thống “*Trung dũng*” của quân và dân Hải Phòng trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp được kế thừa, phát huy và phát triển thành “*Trung dũng - Quyết thắng*”. Thắng lợi của cuộc chiến đấu chống chiến tranh phá hoại lần thứ nhất của đế quốc Mỹ, bảo vệ thành phố cảng - Khu công nghiệp Hải Phòng có ý nghĩa hết sức quan trọng. Quân dân Hải Phòng đã trực tiếp góp phần làm phá sản mục tiêu chiến lược chủ yếu của địch trong cuộc chiến tranh phá hoại là cắt đứt nguồn viện trợ quốc tế cho Việt Nam, ngăn chặn từ gốc sự chi viện của miền Bắc cho miền Nam. Chiến công của quân dân Hải Phòng trong chiến đấu chống chiến tranh phá hoại lần thứ nhất đã góp phần đẩy mạnh cuộc chiến tranh cách mạng giải phóng miền Nam, xây dựng và bảo vệ hậu phương lớn miền Bắc, buộc đế quốc Mỹ phải chấm dứt cuộc chiến tranh phá hoại miền Bắc, phải ngồi vào bàn đàm phán với ta ở Pari.

II- KHÔI PHỤC, PHÁT TRIỂN KINH TẾ - XÃ HỘI, CỨNG CỐ QUỐC PHÒNG, ĐẨY MẠNH CHI VIỆN TIỀN TUYẾN (1968 - 1971)

1. Khôi phục và phát triển kinh tế - xã hội

Ngày 31/3/1968, Tổng thống Mỹ Giôn-xơn tuyên bố ngừng ném bom từ vĩ tuyến 20 trở ra. Ngày 04/4/1968, Đại hội đại biểu Đảng bộ thành phố Hải Phòng lần thứ II khai mạc. Đại hội đã phân tích tình hình, xác định nhiệm vụ trước mắt của quân và dân Hải Phòng: Đi đôi với việc khôi phục, đẩy mạnh sản xuất, phải cảnh giác, đề phòng địch đánh phá trở lại; thông qua phương hướng, nhiệm vụ những năm tiếp theo: Chỉ đạo công tác phòng không nhân dân, chống chiến tranh phá hoại, tiêu diệt địch, bảo vệ mục tiêu. Tiếp tục thực hiện chuyển hướng kinh tế, đẩy mạnh sản xuất, tiến hành cách mạng khoa học kỹ thuật, xây dựng kinh tế phù hợp với tình hình và yêu cầu thời chiến. Giáo dục tinh thần hy sinh, chịu đựng gian khổ đi đôi với việc chăm lo đúng mức đời sống của các tầng lớp nhân dân. Tích cực chuẩn bị cho công cuộc xây dựng thành phố sau khi chiến tranh chấm dứt. Chăm lo hơn nữa đến công tác quần chúng, cải tiến sự lãnh đạo của các cấp ủy.

Thực hiện Nghị quyết Đại hội, toàn thành phố tập trung thực hiện các nhiệm vụ cấp thiết trước mắt là khắc phục hậu quả chiến tranh, phục hồi sản xuất, khôi phục lại hệ thống cầu, đường, phà; rà, phá bom mìn, tập trung giải tỏa hàng hóa ở cảng và ổn định sản xuất ở các nhà máy trọng điểm. Từ giữa năm 1968, các ngành, cơ sở sản xuất của thành phố từng bước chuyển hướng hoạt động từ thời chiến sang trạng thái tạm thời có hòa bình. Xí nghiệp cảng khôi phục cầu cảng, tiếp nhận, bốc xếp được khối lượng lớn hàng hóa viện trợ của Liên Xô và các nước anh em, phối hợp các lực lượng vận tải vận chuyển nhanh vào chiến trường miền Nam và nhiều tỉnh phía Bắc. Nhà máy Đóng tàu Bạch Đằng

đẩy mạnh phong trào thi đua, thực hiện tốt nhiệm vụ đột xuất là sửa chữa, đóng mới phương tiện vận tải phục vụ chiến dịch vận tải sắp diễn ra. Trên 400 cơ sở sản xuất thủ công nghiệp với 2 vạn lao động trở về nội thành, nội thị để tiếp tục sản xuất. Nhiều cơ quan, bệnh viện, trường học và 20 vạn nhân dân nội thành sơ tán về vùng nông thôn lần lượt trở về tiếp tục làm việc. Mọi hoạt động sản xuất, đời sống của thành phố trở lại bình thường.

Trên cơ sở phân tích, đánh giá thế lúng túng, bị động của đế quốc Mỹ, cuối tháng 9/1968, Ban Chấp hành Trung ương Đảng đã dự đoán: Nhất định không sớm thì muộn Mỹ phải chấm dứt hoàn toàn việc ném bom bắn phá miền Bắc. Trung ương Đảng, Chính phủ chỉ thị cho Bộ Giao thông vận tải, Bộ Quốc phòng cùng các bộ và các địa phương (trong đó có Hải Phòng) *“Tập trung mọi sức lực, trí tuệ và cố gắng cao nhất, tranh thủ thời cơ thuận lợi khi địch “xuống thang” chiến tranh, nhanh chóng tổ chức vận chuyển vật chất cho tiền tuyến toàn bộ kế hoạch năm 1969 và bảo đảm từ 50 đến 60% nhu cầu thiết yếu cho các tỉnh phía nam Khu 4”*¹.

Ngay sau khi Tổng thống Mỹ tuyên bố chấm dứt hoàn toàn việc ném bom bắn phá miền Bắc (20 giờ ngày 01/11/1968), Chính phủ phát lệnh thực hiện chiến dịch vận chuyển chi viện chiến trường với mật danh VT5. Cục Vận tải biển huy động tất cả 4 đội tàu tham gia vận chuyển và tảo bạo đưa các sà lan chở dầu vào Hòn Ngư để các phương tiện khác ra chuyển tải vào bờ. Sở Giao thông vận tải Hải Phòng huy động tối đa phương tiện vận tải của các nhà máy, xí nghiệp thuộc địa phương cùng 200 xã viên và hàng chục thuyền vận tải cỡ lớn của các hợp tác xã đánh cá Quyết Tiến, Duyên Hải (Đồ Sơn), Quần Mực, Nam Hải, Thủy Giang (Kiến Thụy) tham gia chiến dịch.

1. Ban Chấp hành Đảng bộ Hải Phòng: *Lịch sử Đảng bộ Hải Phòng, tập 2 (1955 - 1975)*, Sđd, tr.251.

Kết quả, trong chiến dịch VT5 (từ tháng 11/1968 đến tháng 02/1969), riêng trên các phương tiện thủy, đã chuyển được 324.000 tấn vũ khí, đạn dược và vật chất khác từ Hải Phòng vào các tỉnh nam Khu 4, kịp thời tạo chân hàng cho tuyến chi viện chiến lược 559 chuyển tới các chiến trường¹.

Sau khi địch chấm dứt hoàn toàn việc ném bom bắn phá miền Bắc, quân dân thành phố khẩn trương thực hiện các nhiệm vụ trọng yếu: “Đẩy mạnh sản xuất hàng tiêu dùng; khắc phục mặt yếu kém của Hải Phòng về sản xuất nông nghiệp, xây dựng cơ bản; đẩy mạnh sản xuất vật liệu xây dựng để đáp ứng yêu cầu hàn gắn vết thương chiến tranh, khôi phục kinh tế, cải thiện đời sống nhân dân”². Các tuyến đường bộ, các luồng sông ở khu vực Hải Phòng nhanh chóng được khơi thông. Hàng trăm bom từ trường, bom chờ nổ của địch nằm rải rác dưới lòng sông, bến phà, chân cầu được tháo gỡ, phá hủy. Số hàng tiếp nhận vào cảng Hải Phòng và từ đây vận chuyển đi các địa phương, vào chiến trường tăng lên nhanh chóng. Năm 1968, cảng Hải Phòng tiếp nhận 1.880.000 tấn hàng, so với năm 1967 tăng 315.000 tấn. Ngư dân bám biển, đánh bắt được 92.000 tấn cá biển. Nhà máy Đóng tàu Bạch Đằng đóng mới 76 tàu, 43 sà lan, 2 bộ cầu phao LPP. Trên cơ sở khôi phục, phát triển sản xuất, Hải Phòng đã bước đầu khắc phục được hậu quả nặng nề của chiến tranh, ổn định dần đời sống nhân dân.

Ngày 06/02/1969, tiếp tục thực hiện cuộc vận động “Ba cải tiến”, Ban Thường vụ Thành ủy ban hành Nghị quyết số 15-NQ/TU về thực hiện nguyên tắc tập trung dân chủ trong Đảng. Thành ủy

1. Xem Hội Khoa học Lịch sử, Chi hội lịch sử quân sự Hải Phòng: *Chống Mỹ phong tỏa vùng sông biển Hải Phòng*, Nxb. Hải Phòng, 1998, tr.148.

2. Nghị quyết Hội nghị Thường vụ Thành ủy Hải Phòng từ ngày 23 đến ngày 26/12/1968.

Hải Phòng nhấn mạnh: Phát huy khí thế cách mạng của quần chúng, thực hiện kế hoạch khôi phục kinh tế, làm chuyển biến mạnh mẽ xây dựng kinh tế địa phương, khai thác thế mạnh của thành phố cảng, đảm bảo chi viện đầy đủ, kịp thời cho tiền tuyến lớn, đồng thời tích cực chuẩn bị cho việc khôi phục và phát triển kinh tế sau khi chiến tranh đã kết thúc. Ủy ban hành chính thành phố đã phối hợp với Bộ Công nghiệp, Bộ Giao thông vận tải thống nhất kế hoạch phục hồi giao thông vận tải, công nghiệp địa phương. Cảng Hải Phòng và các ngành giao thông vận tải của Trung ương và địa phương đã bảo đảm giải tỏa nhanh hàng hóa, sửa chữa phương tiện vận tải, khôi phục các tuyến đường, cầu, phà, bến bãi, kể cả đường vòng, đường tránh. Các xí nghiệp, hợp tác xã vận tải thủy sửa chữa được hầu hết các phương tiện ca nô, sà lan, phà... đưa vào hoạt động. Năm 1969, cảng Hải Phòng tiếp nhận 2.074.000 tấn hàng hóa. Lập thành tích chúc Chủ tịch Hồ Chí Minh, đến ngày 19/5/1969, Nhà máy Xi măng Hải Phòng đã khôi phục được 3 lò nung số 3, 4, 5, sau đó tiếp tục phục hồi tiếp lò nung số 1, số 2, đưa sản lượng xi măng lên 355.534 tấn/năm. Nhận được báo cáo của Thành ủy, Chủ tịch Hồ Chí Minh đã gửi tặng cán bộ, công nhân Nhà máy Xi măng bức chân dung có chữ ký của Người. Thời gian này, Nhà máy Đóng tàu Bạch Đằng tập trung thực hiện tốt “*nội quy xí nghiệp*” và nội quy “*quản lý, bảo vệ tài sản, thực hành tiết kiệm*”, được Chủ tịch Hồ Chí Minh gửi lẵng hoa chúc mừng¹. Tháng 6/1969, Hội đồng Chính phủ ra Quyết định số 42 mở đợt kiểm tra công tác quản lý vật tư, kỹ thuật. Thành phố Hải Phòng đã triển khai thực hiện kịp thời, chấn chỉnh công tác quản lý, đẩy mạnh sản xuất và ổn định đời sống nhân dân.

1. Xem Thành ủy Hải Phòng: *Chủ tịch Hồ Chí Minh với Đảng bộ và nhân dân thành phố Hải Phòng, Sđd, tr.291.*

Ngày 02/9/1969, Chủ tịch Hồ Chí Minh, lãnh tụ kính yêu của Đảng, của dân tộc, người cha thân yêu của các lực lượng vũ trang nhân dân, từ trần. Trong những ngày đau thương vô hạn này, nhân dân và lực lượng vũ trang thành phố đã chấp hành nghiêm chỉnh lời kêu gọi của Ban Chấp hành Trung ương Đảng biến đau thương thành hành động cách mạng, quyết tâm sản xuất giỏi, chiến đấu giỏi, thực hiện *Di chúc* thiêng liêng của Người. Cùng với nhân dân cả nước, Đảng bộ và quân dân thành phố làm lễ truy điệu và để tang Chủ tịch Hồ Chí Minh từ ngày 04 đến ngày 10/9/1969 với nghi thức trọng thể nhất. Mỗi người dân, từ cụ già đến em nhỏ, đều mang băng tang trên ngực. Mỗi nhà, mỗi hợp tác xã, xí nghiệp, cơ quan, đơn vị quân đội, công an đều lập bàn thờ Bác, nguyện xứng đáng với tình cảm và công ơn của Người. Thành phố mở phòng trưng bày những hình ảnh, hiện vật 9 lần Chủ tịch Hồ Chí Minh về thăm Hải Phòng thu hút hàng chục vạn đồng bào, chiến sĩ đến xem, bày tỏ tình cảm và biết ơn vô hạn đối với công lao trời biển của Người. Nhiều nghệ sĩ tạo hình của thành phố đã hưởng ứng đợt sáng tác tranh, tượng theo chủ đề “*Đời đời ơn Bác*” do Chi hội Văn nghệ Hải Phòng phát động.

Ngày 07/9/1969, Ban Chấp hành Đảng bộ, Ủy ban hành chính, Ủy ban Mặt trận Tổ quốc thành phố tổ chức trọng thể lễ truy điệu Chủ tịch Hồ Chí Minh. Hơn 1 vạn người, đại diện cho Đảng bộ, chính quyền, đoàn thể, các tầng lớp nhân dân Hải Phòng cùng đại diện Lãnh sự quán Liên Xô, Trung Quốc, đại diện các cơ quan hàng hải thương mại và nhiều chuyên gia, thủy thủ công nhân nước ngoài đang làm việc tại Hải Phòng đã đến dự lễ truy điệu. Thành ủy Hải Phòng phát động toàn Đảng bộ, nhân dân và các lực lượng vũ trang phong trào thi đua lập công đền ơn Bác, học tập đạo đức, tác phong của Bác, phấn đấu thực hiện *Di chúc* của Người, xây dựng Hải Phòng trở thành một thành phố

gương mẫu như Người hằng mong mỏi. Ngày 09/9/1969, đoàn đại biểu Đảng bộ và nhân dân Hải Phòng gồm 25 người, do đồng chí Bí thư Thành ủy làm trưởng đoàn đã lên thủ đô Hà Nội dự lễ tang Chủ tịch Hồ Chí Minh. Nhân dân Hải Phòng hưởng ứng chủ trương của Bộ Chính trị về giữ gìn lâu dài thi hài Chủ tịch Hồ Chí Minh và xây dựng Lăng của Người. Toàn thành phố đã có 164.565 lượt người đến xem triển lãm các phương án xây dựng Lăng, trong đó có 6.036 người viết ý kiến gửi lên Trung ương Đảng. Công nhân cảng Hải Phòng không quản ngày đêm tiếp nhận vật tư, thiết bị xây dựng Lăng do Đảng Cộng sản, Chính phủ và nhân dân Liên Xô gửi sang. Công nhân Nhà máy Xi măng Hải Phòng đã vượt khó khăn, phức tạp, sản xuất được loại xi măng đặc biệt P.600, đáp ứng kịp thời công trình xây Lăng Chủ tịch Hồ Chí Minh¹.

Thành ủy chỉ đạo triển khai nhiệm vụ khôi phục kinh tế: Tiếp tục phát huy thế mạnh, ra sức khai thác tiềm lực của thành phố, phục vụ đắc lực sự nghiệp kháng chiến chống Mỹ, cứu nước; tập trung sức phát động phong trào lao động, sản xuất, quyết tâm khắc phục hậu quả chiến tranh, đẩy mạnh các hoạt động kinh tế cho phù hợp với tình hình mới, đưa kinh tế địa phương và kinh tế trung ương trên địa bàn Hải Phòng, nhất là cảng, tiến lên mạnh mẽ hơn nữa; tích cực ổn định đời sống nhân dân, chăm lo xây dựng nếp sống xã hội chủ nghĩa, bồi dưỡng người tốt, việc tốt, tăng cường giữ gìn trật tự trị an xã hội, củng cố quốc phòng; chuẩn bị khẩn trương hơn việc xây dựng các quy hoạch dài hạn, tạo điều kiện phát triển kinh tế nhanh, mạnh trong những năm tới, trước hết là kế hoạch 3 năm 1971 - 1973.

1. Xem Ban Chấp hành Đảng bộ Hải Phòng: *Lịch sử Đảng bộ Hải Phòng, tập 2 (1955 - 1975)*, Sđd, tr.257-258.

Về công nghiệp, thực hiện chỉ thị của Thường vụ Thành ủy về “*Lao động, vật tư, đời sống nhân dân*”, các ngành, các cấp đã hoàn thành tốt đợt kiểm tra vật tư ở cảng, hệ thống kho bãi ở nội, ngoại thành. Tháng 4/1970, Ban Thường vụ Thành ủy Hải Phòng đã tổ chức hội nghị cán bộ nghiên cứu chuyên đề về khắc phục tình trạng quan liêu, sự vụ, hành chính. Hội nghị đề ra các biện pháp cụ thể để quản lý kinh tế, tổ chức đời sống, tăng cường công tác xây dựng Đảng, đẩy mạnh phong trào thi đua “Ba mũi giáp công thắng Mỹ” trong các ngành, các cấp. Thực hiện chủ trương trên, ngành công nghiệp, giao thông vận tải tập trung thực hiện tốt đảm bảo lao động có kỷ luật, năng suất và hiệu quả kinh tế cao, xây dựng và thực hiện tốt các quy trình sản xuất, định mức kinh tế, kỹ thuật, phát huy sáng kiến, cải tiến quản lý kinh tế, bảo quản tốt tài sản, vật tư, thực hành tiết kiệm, tích cực chống tham ô, lãng phí. Ngành nông nghiệp thực hiện có hiệu quả mục tiêu năng suất cao, rau màu nhiều, chăn nuôi giỏi, đảm bảo diện tích. Thành ủy ra Nghị quyết số 33-NQ/TU về tăng cường công tác quản lý kinh tế, kết hợp với cuộc vận động nâng cao chất lượng đảng viên, kết nạp đảng viên “lớp Hồ Chí Minh”. Tháng 8/1970, Thành ủy Hải Phòng tổ chức hội nghị cán bộ thành phố triển khai cuộc vận động phát huy dân chủ, tăng cường chế độ làm chủ tập thể của quần chúng xã viên, đẩy mạnh sản xuất nông nghiệp phát triển toàn diện, mạnh mẽ và vững chắc. Với những chủ trương, biện pháp trên, năm 1970, các ngành kinh tế của thành phố đạt kết quả cao hơn năm 1969. Công nghiệp địa phương nhanh chóng phục hồi và phát triển. Đến tháng 12/1971, ngành cơ khí đã cơ bản đáp ứng được yêu cầu sửa chữa máy móc phục vụ nông nghiệp, công nghiệp nhẹ, giao thông vận tải. Các nhà máy, xí nghiệp sản xuất vật liệu chế biến thực phẩm, hàng tiêu dùng có nhiều tiến bộ về chất lượng, giá thành. Giá trị tổng sản lượng công nghiệp địa phương năm 1970 đạt 108.570.000 đồng;

năm 1971 đạt 137.200.000 đồng. Đến cuối năm 1971, hầu hết các nhà máy, xí nghiệp trung ương và địa phương đã được khôi phục. Một số cơ sở mới được xây dựng và đi vào sản xuất. Đặc biệt, cảng Hải Phòng đạt được kết quả toàn diện về sản xuất, quản lý kinh tế. Số lượng hàng qua cảng năm 1970 đạt 2.232.000 tấn; năm 1971 đạt 2.536.000 tấn.

Sau ba năm khôi phục, phát triển kinh tế - xã hội, công nghiệp Hải Phòng đã đạt được nhiều kết quả khá toàn diện: Giá trị tổng sản lượng điện năm 1970 đạt 2.944.000 kw/h, năm 1971 đạt 3.321.000 kw/h. Sản lượng xi măng năm 1970 đạt 238.000 tấn; năm 1971 đạt 335.000 tấn. Các nhà máy đóng tàu, tiêu biểu là Nhà máy Đóng tàu Bạch Đằng, đóng được hàng chục tàu, ca nô với tổng trọng tải 15.000 tấn; ngoài ra còn chế tạo được nhiều thiết bị, phụ tùng đáp ứng nhu cầu phục hồi máy tàu thủy và rôto cho Nhà máy Nhiệt điện Uông Bí. Nhà máy Cơ khí Duyên Hải lần đầu tiên đóng được tàu đánh cá có công suất 300 CV (năm 1971). Các nhà máy Ấc quy, Nhựa Tiên Phong, Thủy tinh, Sắt tráng men, Hóa chất đều vượt mức chỉ tiêu đề ra.

Về nông nghiệp, từ năm 1969 trở đi, các huyện ngoại thành đều quán triệt tư tưởng chỉ đạo của Thành ủy về xây dựng kinh tế địa phương trong nông nghiệp. Phương hướng lâu dài là lấy thực phẩm làm ngành sản xuất chủ yếu, coi trọng lương thực, cây công nghiệp, đồng thời phát triển các ngành nghề khác. Dưới sự lãnh đạo, chỉ đạo trực tiếp của các cấp ủy đảng, chính quyền, nông dân Hải Phòng hăng hái tham gia phong trào thi đua "*Sản xuất giỏi, chiến đấu giỏi*". Các địa phương đều chủ động xây dựng kế hoạch sản xuất, quản lý ruộng đất, khắc phục một phần tình trạng hợp tác xã yếu kém. Diện tích lúa xuân năm 1969 đạt 3.880ha, tăng 2 lần so với năm 1968, rau xanh tăng 15,5% so với năm 1968. Đặc biệt, Hải Phòng đã tổ chức 5 hợp tác xã, 55 đội chuyên canh rau. Năm 1969, diện tích lúa toàn thành phố đạt

84.400ha, năng suất bình quân đạt 16,7 tạ/ha/vụ, tổng sản lượng đạt 133.500 tấn (quy thóc). Năm 1970, các chỉ số tương ứng là 83.300ha, 22,5 tạ/ha/vụ, 182.200 tấn. Năm 1971, thành phố tập trung đối phó với trận lũ lụt lớn xảy ra. Vùng nông thôn Hải Phòng bị ảnh hưởng lớn. Nước sông lên to làm ngập nhiều nơi, gây tổn thất không nhỏ tới sản xuất nông nghiệp và tài sản của nhân dân. Tại huyện Vĩnh Bảo, nước lũ dâng cao uy hiếp 40km về phía bắc huyện. Từ ngày 19 đến ngày 23/9/1971, Thành ủy và Ủy ban hành chính thành phố đã huy động các lực lượng bộ đội, cán bộ, học sinh cùng dân quân, tự vệ, xã viên và phương tiện tham gia, giữ vững được tuyến đê, hạn chế được thiệt hại do lũ lụt gây ra. Với cố gắng lớn, diện tích trồng cấy, năng suất, sản lượng vẫn được giữ vững: năm 1971 là 82.800ha, 20,2 tạ/ha/vụ, 167.800 tấn; năm 1972 là 82.900ha, 21,9 tạ/ha/vụ, 181.900 tấn.

Các nghề đánh cá biển, làm muối, chế biến nước mắm, thủy sản cũng được phục hồi, sản lượng tăng hơn so với những năm chiến tranh phá hoại nhưng còn nhiều vướng mắc về chính sách nên tốc độ phát triển còn chậm.

Về văn hóa - xã hội, trong điều kiện thành phố tạm thời không bị máy bay Mỹ đánh phá, năm học 1968 - 1969, các trường học nhanh chóng ổn định việc dạy và học đạt kết quả tích cực. Mặc dù bệnh trọng, Chủ tịch Hồ Chí Minh vẫn quan tâm theo dõi, động viên kịp thời thành tích dạy và học của thầy, trò các trường. Tháng 5/1969, Chủ tịch Hồ Chí Minh đã khen thưởng 8 giáo viên và 58 học sinh trong các trường phổ thông Hải Phòng đã có thành tích xuất sắc trong giảng dạy và học tập. Ngày 01/6/1969, Chủ tịch Hồ Chí Minh gửi tặng một tấm ảnh của Người cho Trường phổ thông Vĩnh Niệm, một trong những trường tiên tiến của Hải Phòng. Người đã viết dưới tấm ảnh những lời dạy bảo ân cần: "*Bác mong các cô giáo thi đua ngày càng tốt hơn nữa.*

Các cháu học trò thi đua ngày càng giỏi hơn nữa. Bác mong các trường khác thi đua với trường Vĩnh Niệm”¹.

Thực hiện lời căn dặn của Chủ tịch Hồ Chí Minh, các năm học 1969 - 1970; 1970 - 1971, toàn ngành giáo dục thành phố tiếp tục đẩy mạnh phong trào thi đua “Hai tốt”. Tỷ lệ phát triển giáo dục phổ thông tăng 10,6%, vỡ lòng tăng 5,7%. Năm học 1968 - 1969, số học sinh phổ thông là 218.147 em, vỡ lòng - mẫu giáo là 60.396 cháu, 5 vạn người thường xuyên học bổ túc văn hóa. Năm học 1970 - 1971, thành phố được đào tạo và bổ sung 8.000 giáo viên. Năm học 1971 - 1972, số học sinh phổ thông là 273.744 em, vỡ lòng - mẫu giáo là 64.681 cháu. Ngày 23/7/1968, Trường Đại học tại chức Hải Phòng được thành lập. Khóa I (1968 - 1973), trường đã chiêu sinh được 500 học viên các ngành học kinh tế quốc dân, kinh tế công nghiệp và cơ khí chế tạo.

Các hoạt động văn hóa - thông tin tiếp tục được đẩy mạnh, kịp thời tuyên truyền, cổ vũ, động viên các phong trào thi đua yêu nước. Ngành y tế thành phố tập trung duy trì phong trào vệ sinh, phòng dịch, tiêm chủng phòng bệnh tả, đậu mùa, chăm sóc, khôi phục sức khỏe cho nhiều cán bộ miền Nam ra Bắc điều trị. Năm 1970, ngành y tế tổ chức đợt thao diễn chống bệnh dịch tả, thí điểm thành công việc tiêu diệt chuột ở tàu biển, mở ra hướng mới để phòng ngừa bệnh dịch hạch xâm nhập vào thành phố qua tàu biển. Bệnh viện Việt Tiệp, Bệnh viện Lao Vĩnh Niệm, các bệnh viện ở tuyến khu phố, huyện đã được khôi phục, tăng thêm phương tiện kỹ thuật, nâng cao trình độ chuyên môn, mở rộng khả năng tiếp nhận nhiều bệnh nhân hơn trước. Các đội y tế đã chiến tiếp tục được củng cố. Nhiều cán bộ y tế đã được tăng cường

1. Thành ủy Hải Phòng: *Chủ tịch Hồ Chí Minh với Đảng bộ và nhân dân thành phố Hải Phòng, Sdd, tr.292.*

cho chiến trường miền Nam. Sự nghiệp thể thao được khôi phục, đẩy mạnh hoạt động, tăng cường đào tạo vận động viên, cán bộ thể dục, thể thao cho các cơ sở, đẩy mạnh phong trào thể thao - quốc phòng và thể dục rèn luyện sức khỏe...

2. Củng cố quốc phòng, sẵn sàng đối phó chiến tranh phá hoại của đế quốc Mỹ, đẩy mạnh chi viện cho tiền tuyến lớn miền Nam

Những năm này, Thành ủy Hải Phòng xác định công tác tuyển quân là một trong những nhiệm vụ trọng tâm của toàn Đảng bộ, của nhân dân toàn thành phố. Hình thức “ba cử” và “hai nguyện” được thực hiện từ cơ sở, công khai và dân chủ. Cán bộ, đảng viên xung phong đi trước, cử con em mình đi trước, nêu gương và động viên quần chúng. Các đoàn thể phụ lão, Hội bảo trợ dân quân, Ban vận động tòng quân, Hội mẹ chiến sĩ, Ban bảo trợ gia đình quân nhân phối hợp cùng với gia đình trong công tác động viên thanh niên nhập ngũ và thực hiện các chủ trương, chính sách của Đảng, Nhà nước đối với gia đình quân nhân, gia đình thương binh, liệt sĩ.

Cuộc vận động “*Toàn Quân khu hướng ra tiền tuyến*” do Đảng ủy và Bộ Tư lệnh Quân khu phát động được các địa phương hưởng ứng, Thành ủy, Ủy ban hành chính Hải Phòng chủ trương động viên, khen thưởng những địa phương, đơn vị, gia đình đã góp nhiều người, nhiều của cho chiến trường; đồng thời kiểm tra việc chấp hành chế độ nghĩa vụ quân sự, thực hiện công bằng, hợp lý trong lĩnh vực công tác quan trọng này. Việc kiểm tra được thực hiện công khai, dân chủ, từ trên xuống dưới, từ trong Đảng ra ngoài quần chúng và thực hiện đối với từng cán bộ, đảng viên, từng người, từng nhà. Hội nghị “*Toàn dân bàn việc nước*” được tổ chức ở các thôn, xã, đội sản xuất, đường phố, cơ quan, xí nghiệp.

Công khai và dân chủ thảo luận, mỗi người dân đã nói lên sự cống hiến của gia đình mình, phê phán những hiện tượng thoái thác, bao che, những quân nhân bỏ đơn vị. Thực hiện quyền làm chủ và nghĩa vụ của người công dân đối với đất nước, nhân dân đã tham gia ý kiến xây dựng kế hoạch động viên của địa phương, công khai danh sách người đi bộ đội, người đi học, người vào làm việc ở các cơ quan, xí nghiệp, hợp tác xã, người tạm hoãn trong từng đợt. Những gia đình có con em trốn tránh nghĩa vụ quân sự ở địa phương bằng cách đưa đi lao động, học tập ở nơi khác, kể cả ở nước ngoài, được nêu rõ, được yêu cầu thuyết phục con em mình trở về đi bộ đội nhằm bảo đảm sự công bằng. Những cán bộ dung túng, bao che, chấp hành không đúng chính sách, chế độ nhà nước, được nhân dân phát hiện, phê phán và đề nghị cơ quan quản lý có hình thức kỷ luật thích đáng. Từng huyện, xã, khu phố, cơ quan, xí nghiệp nhận chỉ tiêu tuyển quân trong năm, trên cơ sở đó lên danh sách thanh niên nhập ngũ của từng đợt. Trước khi chính thức lên đường, số thanh niên này được tập trung thành các “phân đội dự bị” tại địa phương, do cấp ủy, chính quyền, cơ quan quân sự quản lý giáo dục, nhân dân góp gạo nuôi dưỡng. Nhân dân Hải Phòng gọi cách tổ chức “*phân đội dự bị*” trước khi cử thanh niên lên đường nhập ngũ là xây dựng bộ đội chủ lực tại xã. Hình thức xây dựng này tạo nên sự chủ động, bảo đảm chắc chắn về số lượng, chất lượng và thời gian theo chỉ tiêu trong mỗi đợt tuyển quân.

Thực hiện cuộc vận động “*Toàn Quân khu hướng ra tiền tuyến*”, với mục tiêu “*Ra quân, ra cửa, ra chiến thắng*”, khắc phục những biểu hiện tiêu cực trong thực hiện nghĩa vụ quân sự, Hải Phòng đã đẩy mạnh nhiệm vụ xây dựng, củng cố hậu phương làm tròn nhiệm vụ chi viện cho tiền tuyến. Trong năm 1968, lần lượt 7 tiểu đoàn bộ binh (507, 508, 509, 516, 517, 518, 525) xuất phát

từ thành phố cảng, hành quân vào chiến trường. Tiểu đoàn 508 có 99% số quân đi tới đích. Những năm 1969, 1970, 1971, năm nào Hải Phòng cũng vượt chỉ tiêu tuyển quân từ 3 đến 16%. Nhận rõ vinh dự, nghĩa vụ và trách nhiệm của mình, gần 5 vạn thanh niên con em nhân dân Hải Phòng đã tiếp bước lên đường theo tiếng gọi thiêng liêng của Tổ quốc. Toàn thành phố có 45.868 gia đình có con em đi bộ đội; 965 gia đình có từ 3 đến 4 con, 46 gia đình có 5 con, 4 gia đình có 6 con và 1 gia đình có 7 con tòng quân.

Ngày 17/02/1970, hội nghị tổng kết kinh nghiệm tiến hành chiến tranh nhân dân chống chiến tranh phá hoại của đế quốc Mỹ trên địa bàn Hải Phòng được tổ chức. Đại biểu các ngành của Trung ương, Bộ Quốc phòng, Bộ Tư lệnh Quân khu 3, đại diện các quân, binh chủng và một số tỉnh miền Bắc đã về dự hội nghị. Báo cáo tổng kết của Thành ủy khẳng định thắng lợi cơ bản và toàn diện mà quân dân Hải Phòng đạt được trong chiến đấu chống chiến tranh phá hoại, đồng thời chỉ rõ những thiếu sót, khuyết điểm trong lãnh đạo và chỉ đạo chiến tranh, rút ra một số kinh nghiệm thiết thực, có ý nghĩa chỉ đạo đối với công cuộc xây dựng và chuẩn bị sẵn sàng chiến đấu của quân dân thành phố. Phát biểu tại hội nghị, Đại tướng Võ Nguyên Giáp, Ủy viên Bộ Chính trị, Phó Thủ tướng Chính phủ kiêm Bộ trưởng Bộ Quốc phòng khen ngợi quân dân Hải Phòng: “Càng đánh càng giỏi, lập thành tích xuất sắc về nhiều mặt: chiến đấu, sản xuất, chuyển hướng kinh tế, bảo vệ và duy trì hoạt động bình thường của cảng”¹. Phân tích toàn diện và sâu sắc cuộc chiến tranh nhân dân của quân và dân thành phố Hải Phòng chống chiến tranh phá hoại bằng không quân và hải quân của đế quốc Mỹ, Đại tướng khẳng

1. Võ Nguyên Giáp: “Thành phố Cảng trung dũng quyết thắng, chiến thắng oanh liệt, càng đánh càng giỏi”, tạp chí *Quân đội nhân dân*, tháng 3, 1970.

định: “Chúng ta tổng kết đặc điểm, quy luật hành động của địch và kinh nghiệm đánh trả thắng lợi của ta là để góp phần nâng cao trình độ chỉ đạo chiến tranh sắp tới, nhằm đưa cuộc kháng chiến đến những thắng lợi to lớn hơn nữa... Chúng ta không thể cho rằng cuộc chiến tranh sau này cũng sẽ diễn ra như vừa qua. Trong những hoàn cảnh nhất định, có thể không nhất thiết quân địch sẽ leo thang dần từng bước ở miền Bắc trước khi đánh phá các thành phố lớn và khu công nghiệp lớn của ta. Do đó, cần hết sức cảnh giác và thực sự đề phòng trước những âm mưu thâm độc và tàn bạo mới của đế quốc Mỹ”.

Vận dụng những kinh nghiệm trong chiến đấu chống chiến tranh phá hoại lần thứ nhất, trong hai năm 1970 - 1971, đồng thời với việc chỉ đạo đẩy mạnh sản xuất, Thành ủy, Bộ Tư lệnh Sư đoàn 350 chỉ đạo các địa phương, các lực lượng vũ trang toàn thành phố đẩy mạnh công tác xây dựng lực lượng, củng cố thế trận chiến tranh nhân dân, sẵn sàng đánh bại địch nếu chúng gây lại chiến tranh phá hoại. Ngày 18/11/1971, dưới sự chỉ đạo của Bộ Tổng tham mưu và Bộ Tư lệnh Quân khu, Bộ Tư lệnh Sư đoàn 350 tổ chức cuộc diễn tập “*Tác chiến bảo vệ khu vực*” trên địa bàn toàn thành phố, nhằm kiểm tra khả năng sẵn sàng chiến đấu một cách toàn diện và có trọng điểm đối với các lực lượng vũ trang trên địa bàn. Qua diễn tập, Thành ủy, Ủy ban hành chính thành phố, Bộ Tư lệnh Sư đoàn 350 đã thực hiện được việc kiểm tra trên thực tế công tác chuẩn bị và trình độ sẵn sàng chiến đấu của các đơn vị bộ đội chủ lực, bộ đội địa phương, dân quân tự vệ; công tác phòng tránh, sơ tán, bảo vệ sản xuất, tham gia chiến đấu và phục vụ chiến đấu của các ngành, các cấp, các cơ quan, xí nghiệp và nhân dân. Sau cuộc diễn tập, Bộ Tư lệnh thành phố đã bổ sung, hoàn thiện thêm một bước phương án chống chiến tranh phá hoại trên tất cả các mặt: chiến đấu, phòng tránh, giữ vững và

đẩy mạnh sản xuất, bảo đảm giao thông vận tải, tổ chức đời sống nhân dân, thống nhất chỉ đạo, chỉ huy các lực lượng vũ trang và lực lượng phục vụ chiến đấu ở từng khu vực và toàn thành phố.

Trải qua thực tiễn lãnh đạo, Đảng bộ Hải Phòng có bước trưởng thành mới. Thực hiện cuộc vận động “*Nâng cao chất lượng đảng viên, kết nạp đảng viên lớp Hồ Chí Minh và đưa những người không đủ tư cách ra khỏi Đảng*” do Bộ Chính trị phát động, trong hai năm 1969 - 1970, toàn Đảng bộ bồi dưỡng được 39.121 đảng viên nâng cao trình độ tư tưởng chính trị, 6.996 đảng viên theo học các lớp tại chức về lý luận chính trị. Trong 4 đợt phát triển đảng viên “lớp Hồ Chí Minh” (từ năm 1969 đến năm 1972), toàn Đảng bộ kết nạp được 3.304 đảng viên¹. Toàn Đảng bộ xử lý kỷ luật 4.881 trường hợp (chiếm 9,8% tổng số đảng viên), đưa ra khỏi Đảng 2.433 người (chiếm khoảng 5,7% tổng số đảng viên)². Thực hiện Chỉ thị số 15-CT/TU của Thường vụ Thành ủy về củng cố cơ sở yếu kém ở nông thôn, trong hai năm 1969, 1970, các thị ủy, huyện ủy đưa 335 cán bộ, Thành ủy đưa 94 cán bộ các ban, ngành và 92 cán bộ quân đội xuống củng cố các cơ sở yếu kém ở nông thôn³. Cuộc vận động nâng cao chất lượng đảng viên được tiến hành gắn với cuộc vận động lao động sản xuất, đã góp phần động viên quân dân thành phố hoàn thành tốt nhiệm vụ chính trị của mình.

Những kết quả khôi phục kinh tế, phát triển sản xuất, văn hóa, xã hội, củng cố, nâng cao chất lượng các lực lượng vũ trang và sự trưởng thành của tổ chức đảng, chính quyền và các đoàn thể thành phố từ tháng 4/1968 đến năm 1971 là cơ sở để thành phố vững vàng bước vào cuộc chiến đấu mới vô cùng cam go, quyết liệt.

1, 2, 3. Xem Ban Chấp hành Đảng bộ Hải Phòng: *Lịch sử Đảng bộ Hải Phòng, tập 2 (1955 - 1975)*, Sđd, tr.263-264.

III- CHIẾN ĐẤU CHỐNG CHIẾN TRANH HỦY DIỆT VÀ PHONG TỎA CỦA ĐẾ QUỐC MỸ, DUY TRÌ SẢN XUẤT, CHI VIỆN TIỀN TUYẾN (1972)

1. Đánh thắng chiến tranh phá hoại và phong tỏa lần thứ hai của đế quốc Mỹ, duy trì sản xuất, tăng cường chi viện tiền tuyến

Sau những thắng lợi của cách mạng ba nước Đông Dương trong Xuân - Hè năm 1971, đặc biệt là thắng lợi có ý nghĩa chiến lược của chiến dịch phản công Đường 9 - Nam Lào, cục diện chiến trường Đông Dương đã có những chuyển biến quan trọng. Từ ngày 30/3/1972, quân và dân ta mở cuộc tiến công chiến lược Xuân - Hè năm 1972 trên ba hướng: Trị - Thiên, Tây Nguyên và Đông Nam Bộ. Hoàn toàn bị bất ngờ, chính quyền Mỹ họp bàn kế hoạch đối phó, quyết định huy động lực lượng quân sự vào cuộc chiến tranh xâm lược hòng cứu vãn nguy cơ đổ vỡ của quân đội Sài Gòn, xương sống của chiến lược “Việt Nam hóa chiến tranh” và tiến hành trở lại cuộc chiến tranh phá hoại miền Bắc.

Cũng như chiến tranh phá hoại lần thứ nhất, trong cuộc chiến tranh phá hoại lần thứ hai, đế quốc Mỹ tiếp tục dựa vào ưu thế của không quân và hải quân, nhưng do sự thúc ép của tình hình, lần này chúng huy động lực lượng lớn hơn, sử dụng những thủ đoạn xảo quyệt, những trang bị kỹ thuật, hiện đại, nguy hiểm hơn. Chúng đánh phá ồ ạt, với quy mô lớn ngay từ đầu, không “leo thang” như thời kỳ chiến tranh phá hoại lần trước. Bằng cách đó, Mỹ hy vọng nhanh chóng xoay chuyển cục diện chiến trường, ép ta phải chấp nhận những điều kiện của chúng ở Hội nghị Pari. Thực hiện mục đích trên, Hải Phòng được Mỹ coi là mục tiêu chủ yếu, là trọng điểm chiến lược trong cuộc chiến tranh phá hoại lần thứ hai.

Ngay từ đầu tháng 4/1972, tất cả các tỉnh, thành phố trên miền Bắc đã chuyển từ trạng thái tạm thời có hòa bình sang trạng thái thời chiến. Các lực lượng vũ trang, đặc biệt là bộ đội Phòng không - Không quân, nhanh chóng mở rộng lực lượng, đáp ứng yêu cầu chiến đấu bảo vệ miền Bắc và cửa các chiến trường. Theo chỉ thị của Trung ương Đảng và Hội đồng Chính phủ, các địa phương, các lực lượng vũ trang đều phải làm tốt nhiệm vụ chiến đấu, sản xuất; đồng thời tập trung sức thực hiện nhiệm vụ đột xuất số 1 là bảo đảm giao thông vận tải, sẵn sàng đáp ứng yêu cầu chi viện tiền tuyến. Ở Hải Phòng, ngày 01/4/1972, Thành ủy quyết định khôi phục lại Ban Quân sự Thành ủy. Ngay trong phiên họp đầu tiên (ngày 01/4), Ban Quân sự Thành ủy đã kiểm tra lại toàn bộ phương án tác chiến, kế hoạch phòng tránh và đề nghị Thành ủy, Ủy ban hành chính thành phố ra chỉ thị cho các cơ quan, xí nghiệp, công trường chuyển sang trạng thái thời chiến, sơ tán ngay một bộ phận hoặc toàn bộ tài sản, máy móc, hàng hóa ra khỏi nội thành. Các lực lượng vũ trang toàn thành phố chuyển vào trạng thái báo động chiến đấu cấp 1. Ngày 13/4, nhận được tin máy bay B.52 đánh Thanh Hóa, Ủy ban hành chính thành phố đã họp với lãnh đạo các khu phố nội thành, các cơ quan, xí nghiệp kiểm tra việc thực hiện chỉ thị của Ban Quân sự Thành ủy về công tác phòng không nhân dân, giải quyết những khó khăn, vướng mắc cụ thể của từng ngành, từng đơn vị, tiến hành sơ tán ngay những người không liên quan đến sản xuất, công tác và chiến đấu ra khỏi nội thành. Các cơ quan, xí nghiệp ở khu vực trọng điểm phải khẩn trương phân tán máy móc, vật tư, hàng hóa.

Hệ thống chỉ huy, quan sát, báo động phòng không từ Sở Chỉ huy của thành phố, đến các quận, huyện được kiểm tra lại. Từng khu vực và toàn thành phố tổ chức thực tập báo động, thực tập chỉ huy các lực lượng chiến đấu và công tác phòng tránh, thực

tập quan sát số lượng bom địch ném xuống từng khu vực. 20 giờ 30 phút ngày 15/4, Bộ Tổng tham mưu, Bộ Tư lệnh Quân khu thông báo cho Hải Phòng những tin mới nhất về âm mưu, hoạt động của địch và nhận định địch có thể đánh lớn vào Hải Phòng đêm nay. Thường vụ Thành ủy và Thường trực Ủy ban hành chính thành phố họp khẩn cấp, quyết định ra lệnh sơ tán khẩn cấp các khu vực trọng điểm. Chấp hành mệnh lệnh, các cơ quan, xí nghiệp và các đơn vị vũ trang tập trung lực lượng, phương tiện giúp đồng bào, cán bộ, công nhân viên ở các khu vực trọng điểm như Nhà máy Xi măng, Sở Dầu, Thượng Lý, Hạ Lý... sơ tán ra khỏi nội thành trước 24 giờ ngày 15/4. Ở các khu vực khác, từng cơ quan, xí nghiệp, tiểu khu phải tự lực sơ tán trước khi trời sáng. Các xe vận tải, xe chở khách được huy động đến từng ngõ phố đón đồng bào đưa ra khỏi nội thành. Ga Hải Phòng điều gấp một đoàn tàu hỏa đưa dân ra ngoại thành. Tại khu phố Hồng Bàng, đến 24 giờ, đã có trên 15.000 người ở khu vực Thượng Lý, Hạ Lý được sơ tán. Nhà máy Đóng tàu Bạch Đằng, Nhà máy Xay đã đưa hết công nhân tạm lánh ra ngoại thành. Riêng ở công trường H.27 thuộc Bộ Xây dựng, mặc dù khu phố đã ra sức thuyết phục, cán bộ chỉ huy công trường vẫn không chấp hành lệnh. Họ ký vào biên bản không đi sơ tán với lý do chưa có lệnh của ngành chủ quản. Tại khu phố Ngô Quyền, tối 15/4, lệnh sơ tán triển khai chậm, đặc biệt là ở khu vực ven sông Cấm, khu tập thể Cầu Tre, Thái Phiên. Tối gần nửa đêm, các cơ quan, xí nghiệp và nhân dân mới cấp tốc sơ tán.

1 giờ 30 phút ngày 16/4, máy bay địch bay vào thành phố từ nhiều hướng. Đã từng hơn 1.000 ngày đêm đương đầu với cuộc chiến tranh phá hoại lần thứ nhất của giặc Mỹ, nhưng chưa đêm nào quân và dân thành phố phải đánh trả địch ác liệt như lần này. Đạn tên lửa, đạn pháo cao xạ, đạn súng bộ binh các cỡ nổ liên tục sáng rực bầu trời đêm. Tiếng bom nổ rền, chấn động mặt

đất. Kho dầu Thượng Lý bị trúng bom, bốc cháy tạo nên một quầng lửa đỏ rực một góc trời. Hai máy bay địch trúng đạn bùng lên như bó đuốc lao đầu ra biển.

Đợt đánh phá của địch kéo dài khoảng 30 phút. Sở chỉ huy phòng không thành phố chuẩn bị phát lệnh báo yên. Nhưng Bộ Tư lệnh Phòng không - Không quân thông báo, sau đợt hoạt động của máy bay cường kích chiến thuật, có thể máy bay chiến lược B.52 sẽ đánh thành phố. Lệnh báo động chiến đấu tiếp tục được duy trì. Các lực lượng vũ trang thường trực ở trận địa, củng cố công sự, bổ sung đạn sẵn sàng chiến đấu. 2 giờ 15 phút, nhiều tốp máy bay cường kích của địch lại lao vào đánh phá thành phố, chế áp các trận địa tên lửa, pháo cao xạ. Cùng lúc đó, Sở chỉ huy phòng không thông báo B.52 đã vào đánh thành phố. Những loạt bom nổ liên hồi rung chuyển mặt đất ở khắp các hướng. Khu vực Thượng Lý, Hạ Lý, Sở Dầu, Nhà máy Xi măng, thôn Phúc Lộc và một số xã thuộc huyện An Thủy (hai huyện An Lão và Kiến Thủy hợp nhất từ năm 1969) bị máy bay chiến lược B.52 ném bom rải thảm. Hố bom chồng chất, kéo thành những vệt dài. Nhiều khu vực dân cư bị san phẳng, tan hoang như sau một trận bão lớn.

Sáng ngày 16/4, giữa lúc nhân dân và các lực lượng vũ trang đang tập trung lực lượng, phương tiện khắc phục hậu quả trận đánh đêm của địch, hàng chục tốp máy bay cường kích của địch lại kéo đến. Chúng vẫn nhằm các mục tiêu đã đánh ban đêm, đặc biệt là các cơ sở công nghiệp ven sông Cẩm. Tàu chở hàng của Liên Xô và Cộng hòa Dân chủ Đức đang đậu ở cầu tàu số 6 và số 7 trúng đạn rốc két, một số thủy thủ bị thương. Đợt đánh phá này kéo dài hơn 1 giờ (từ 9 giờ 03 phút đến 10 giờ 10 phút). Cùng thời gian đó, 4 tàu chiến Mỹ gồm 1 tàu tuần dương, 3 tàu khu trục tiến vào vùng biển Đồ Sơn. Các tàu này đều mang cờ đỏ, sao vàng như những tàu vận tải của nước ngoài đang trên đường vào cảng nhằm nghi binh đánh lừa các trạm quan sát của ta.

Đến gần Hòn Dấu, tàu địch bắn đại bác cỡ 127, 152 và 230 ly vào một số xã ven biển huyện An Thụy, An Hải, chế áp các trận địa pháo bờ biển của ta ở bán đảo Đồ Sơn. 15 giờ 10 phút, địch huy động máy bay chiến thuật đánh đợt thứ tư trong ngày. Đợt đánh này kéo dài 20 phút nhằm vào một số mục tiêu như các Nhà máy Đóng tàu, Nhà máy Xi măng, kho dầu Thượng Lý và các cầu lớn ra vào thành phố.

Lần đầu tiên trong cuộc chiến tranh phá hoại miền Bắc, giặc Mỹ dùng máy bay chiến lược B.52 ném bom hủy diệt một thành phố lớn, đông dân, tập trung các cơ sở công nghiệp. Kết hợp với B.52 và sau trận đánh của B.52, địch sử dụng máy bay chiến thuật và pháo hạm đánh bổ sung nhằm triệt phá các mục tiêu, không cho ta khắc phục hậu quả. Chúng đã gây những tội ác vô cùng man rợ đối với nhân dân thành phố Hải Phòng. Hơn 1.100 người bị bom Mỹ sát hại. Hàng trăm ngôi nhà của nhân dân ở khu vực Thượng Lý, Hạ Lý, Nhà máy Xi măng, Sở Dầu... bị tàn phá. Nhân dân ở các khu vực này nhận lệnh sơ tán khẩn cấp từ lúc 9 giờ tối, phần lớn đã ra đi, nhưng cũng còn một số khá đông chưa kịp rời khỏi khu vực. Ở khu phố Ngô Quyền, do việc sơ tán chậm nên nhiều cơ quan, xí nghiệp bị thiệt hại nặng. Hàng trăm người ở khu Cầu Tre chết và bị thương. Đau thương nhất là ở Công trường H.27. Những người lãnh đạo ở đây không chấp hành lệnh sơ tán, đã dẫn đến hậu quả là toàn bộ cán bộ, công nhân công trường bị thương vong. Loạt bom B.52 rải thảm xuống thôn Phúc Lộc giữa lúc dân làng đang ngủ. Nghe tiếng máy bay địch, nhiều người đang chạy xuống hầm thì hàng trăm quả bom đã ập xuống. 120 người, tức gần 1/3 số dân trong làng chết và bị thương. Hầu hết nhà ở của dân, nhà kho của hợp tác xã, trường học, bệnh xá bị phá sập hoặc thiêu hủy.

Bộ đội phòng không Hải Phòng lần đầu đối mặt với máy bay B.52 địch. Trước đó, hàng chục máy bay cường kích chiến thuật

đã đánh phá ác liệt các trận địa tên lửa - đối thủ chính của B.52. Chúng gây nhiều “tích cực” và nhiều “tiêu cực” với mật độ dày đặc làm cho ta không phát hiện được mục tiêu B.52 và không thể phóng đạn tên lửa có điều khiển trúng đích. Các chiến sĩ tên lửa bảo vệ Hải Phòng vừa phải khắc phục hậu quả các trận đánh của địch vào trận địa, theo dõi phân biệt B.52 thật và B.52 giả, phóng đạn đúng thời cơ, điều khiển đạn đến mục tiêu, vừa phải tránh tên lửa địch phóng trả. Các trận địa pháo cao xạ cũng bị địch đánh phá ác liệt. Một số súng pháo bị hư hại, một số cán bộ, chiến sĩ bị thương vong, nhưng không một ai rời bỏ trận địa, vẫn liên tục nổ súng đánh trả địch. Các tiểu đoàn pháo cao xạ của tự vệ Nhà máy Đóng tàu Bạch Đằng, cảng Hải Phòng, các đại đội súng máy cao xạ của tự vệ Xí nghiệp Đóng tàu 1, Đóng tàu 3, Nhà máy Xi măng, Nhà máy Cơ khí Hải Phòng, Nhà máy Thủy tinh, Xưởng cơ khí 69 và tự vệ các khu phố bắt chấp bom, đạn tên lửa của địch, anh dũng đánh trả. Nhiều gương chiến sĩ tự vệ đã chiến đấu kiên cường và hy sinh anh dũng.

Trong khi đó, ở vùng biển Đồ Sơn, cuộc chiến đấu của bộ đội pháo bờ biển và dân quân các xã ven biển đánh trả tàu chiến địch cũng rất quyết liệt. Đường dây thông tin từ Ban chỉ huy Đại đội 53 đến các khẩu đội bị đạn pháo địch cắt đứt. Chính trị viên đại đội cùng các chiến sĩ thông tin bằng mình trong làn pháo địch, truyền đạt “phần tử bắn” cho các khẩu đội. Theo lệnh của Ban chỉ huy, toàn bộ hỏa lực của đại đội bắn tập trung vào chiếc tàu gần bờ nhất. Tàu khu trục Wordel CLG-18 trúng đạn bốc cháy phải tháo chạy. Chiếc tàu tuần dương và hai tàu khu trục khác cũng phải lùi ra khơi xa. Đây là lần đầu tiên, tàu khu trục Mỹ bị bắn cháy trên vùng biển Hải Phòng.

Giữa và sau các đợt đánh phá của địch, các đồng chí lãnh đạo Đảng, chính quyền, ban chỉ huy quân sự các khu phố, cùng các tổ cứu thương, cứu sập hầm đến ngay những nơi bom địch vừa nổ.

Khu phố Hồng Bàng đã thành lập sở chỉ huy tại chỗ do đồng chí chủ tịch khu phố làm chỉ huy trưởng, trực tiếp điều hành các lực lượng làm nhiệm vụ khắc phục hậu quả. Ở khu vực bị đánh phá, các chiến sĩ công an và tự vệ làm nhiệm vụ giữ gìn trật tự, bảo vệ vòng ngoài. Đại diện của tiểu khu và cảnh sát khu vực cùng các tổ cứu thương, cứu sập hầm đến từng ngõ phố, từng hộ gia đình xem xét cụ thể: ai còn sống, ai chết, ai bị thương, ai đang bị vùi lấp để xử lý kịp thời. Các đội cấp cứu cơ động và hội viên Hội Chữ thập đỏ của thành phố hoạt động khẩn trương, băng bó, sơ cứu người bị thương rồi nhanh chóng đưa đến các bệnh viện, chỉ sau 90 phút đã đưa được hết những người bị thương vào các bệnh viện thành phố và bệnh viện các tỉnh bạn. Các đội cứu sập, cùng với tự vệ, dân phòng của các đường phố có mặt ở từng ngôi nhà, từng căn hầm bị sập, ra sức đào bới, tìm kiếm người bị nạn mặc cho máy bay địch vẫn gầm rít trên đầu, bom vẫn nổ. Khói bom, đất đá cát bụi mù mịt, xác người bị bom địch giết hại, bị đốt cháy, làm cho bầu không khí càng thêm ngột ngạt nhưng không một ai nghĩ đến thân mình, tất cả lăn xả vào cứu người bị nạn. Mối căm hờn quân xâm lược man rợ, tình nghĩa với đồng bào, đồng chí, với tính mạng của từng con người đang chờ được cứu thoát, đã thúc đẩy mọi người vượt qua sợ hãi, không quản hiểm nguy.

Ở thôn Phúc Lộc (xã Hưng Đạo, huyện An Thủy), ngay sau loạt bom rải thảm của máy bay B.52, bà con các thôn khác trong xã và các xã lân cận, dẫn đầu là cán bộ đảng, chính quyền và các chiến sĩ dân quân, đã có mặt, cứu chữa người bị thương, mai táng người bị chết, thu vén tài sản giúp các gia đình bị nạn. Nhiều người đưa các em nhỏ mà bố mẹ vừa bị giặc Mỹ giết hại về nuôi dưỡng. Người giúp bơ gạo, manh áo, người giúp tấm gianh lợp nhà. Các cơ quan lương thực, thương nghiệp, vật tư của huyện đưa gạo, thực phẩm, chăn màn, vật liệu xây dựng giúp các gia đình ổn định đời sống. Năm ngày sau trận đánh phá dã man của

địch, cuộc sống đã trở lại với thôn Phúc Lộc. Toàn huyện tham gia phong trào ủng hộ Phúc Lộc xây dựng lại bệnh xá, trường học và hàng trăm gian nhà của nhân dân.

Ở khu vực các xí nghiệp bên bờ sông Cấm, sông Tam Bạc, do lệnh sơ tán được chấp hành nghiêm chỉnh nên đã hạn chế được nhiều thiệt hại. Cảng Hải Phòng bị máy bay địch đánh phá 2 lần trong lúc có 1.500 công nhân đang làm việc và hơn 8 vạn tấn hàng còn tồn đọng chưa kịp phân tán. Cán bộ, công nhân, tự vệ cảng vừa tổ chức đánh trả địch, vừa xông pha trong lửa đạn cứu hàng. Nhờ vậy, số hàng hóa bị tổn thất chỉ có 309 tấn (chiếm 0,04%). Đặc biệt, do hệ thống hầm hố được củng cố, bảo vệ tốt nên chỉ có 3 công nhân hy sinh, 9 người bị thương. Cảng Vật Cách bị 200 quả bom phá, 300 quả bom xuyên, 20 quả bom nổ chậm, nhưng chỉ có 2 người hy sinh. Ngày 16/4 là một ngày đau thương nhưng cũng thật vô cùng anh dũng trong những năm tháng kháng chiến chống Mỹ, cứu nước của quân dân Hải Phòng.

Lần đầu đánh trả máy bay chiến lược B.52, tàu tuần dương và tàu khu trục, đồng thời phải đánh trả hàng trăm lượt máy bay cường kích chiến thuật trong những trận đánh kéo dài, nhiều đợt, cả ban ngày lẫn ban đêm, phải đối phó với những thủ đoạn đánh phá mới cùng những khí tài điện tử và bom đạn được cải tiến nhiều lần của giặc Mỹ, nhân dân và các lực lượng vũ trang Hải Phòng xứng đáng với danh hiệu thành phố “Trung dũng - Quyết thắng”. Trong một ngày đêm chiến đấu cực kỳ anh dũng, quân và dân Hải Phòng đã bắn rơi 10 máy bay, bắn cháy 1 tàu khu trục, đập tan âm mưu đánh phá hủy diệt, đánh tập trung, ô ạt ngay từ đầu của giặc Mỹ.

Trận chiến đấu ngày 16/4 để lại nhiều bài học kinh nghiệm xương máu cho cấp ủy, chính quyền các cấp và cho các lực lượng phòng không, lực lượng bảo vệ bờ biển Hải Phòng. Lần đầu tiên tàu chiến Mỹ vượt quá vĩ tuyến 20, bắn tên lửa và đạn pháo cỡ

152 ly, 203 ly vào các khu dân cư ven biển của Hải Phòng. Các đơn vị pháo bờ biển của ta bị bất ngờ, đối phó lúng túng, chậm bắn trả. Sư đoàn Phòng không 363, từ 23 giờ đêm 15/4 đã được cấp trên thông báo sẽ có B.52 đánh phá Hải Phòng. Thời điểm này Sư đoàn đang ở trong tình huống diễn tập theo phương án đánh B.52. Các phái viên của Quân chủng đang có mặt ở Sở chỉ huy và các trận địa. Đó là những điều kiện rất thuận lợi để đơn vị đánh thắng. Nhưng các trung đoàn tên lửa 285, 238, do bị địch sử dụng thủ đoạn tác chiến điện tử, bị nhiễu dày đặc nên không phát hiện được B.52 thật và giả, phóng tới 93 quả đạn - kỷ lục lớn nhất trong một trận đánh của binh chủng tên lửa, song hiệu suất chiến đấu rất thấp. Đây là một trận đánh không thành công cả về chiến thuật và kỹ thuật của bộ đội tên lửa bảo vệ Hải Phòng cũng như của Quân chủng Phòng không - Không quân.

Đối với các lực lượng vũ trang của Quân khu và thành phố, tuy đã có những điều chỉnh về tổ chức, thể trận và trang bị nhưng cũng chưa đáp ứng được những yêu cầu mới của cuộc chiến đấu trong điều kiện địch áp dụng thủ đoạn tác chiến điện tử, sử dụng vũ khí công nghệ cao. Song chính từ những bài học không thành công của trận chiến đấu ngày 16/4 ở Hải Phòng đã giúp cho bộ đội radar, tên lửa, cao xạ và các cơ quan khoa học, các nhà khoa học có thêm cơ sở thực tiễn, thêm các dữ liệu quý giá để đối phó với thủ đoạn tác chiến điện tử, sử dụng vũ khí công nghệ cao của địch, tìm cách diệt bằng được máy bay B.52, chuẩn bị tiền đề cho chiến thắng lớn 12 ngày đêm cuối năm 1972, đánh bại cuộc tập kích chiến lược bằng máy bay B.52 vào Hà Nội, Hải Phòng của đế quốc Mỹ. Về phía Mỹ, sự khá “suôn sẻ” trong trận đánh ngày 16/4 vào Hải Phòng khiến chúng càng thêm chủ quan tin rằng có thể dùng B.52 đánh vào bất kỳ mục tiêu nào trên miền Bắc, kể cả thủ đô Hà Nội. Sự chủ quan đó là một nguyên nhân thất bại của chúng trong cuộc tập kích chiến lược đầy tội ác sau này.

Sau hơn một tháng tập trung lực lượng không quân, hải quân đánh tập trung, ô ạt nhằm mục tiêu hủy diệt đối với miền Bắc mà không đạt kết quả, tập đoàn cầm quyền nước Mỹ ráo riết tính toán một bước leo thang chiến tranh mới đối với miền Bắc. Ngày 08/5/1972, Tổng thống Mỹ Níchxơn tuyên bố “thả mìn phong tỏa các cảng Bắc Việt Nam và tăng cường ném bom”. Ý đồ của địch là đánh một đòn hiểm độc, có tính chất quyết định, kết hợp với các hoạt động ngoại giao để ngăn chặn nguồn viện trợ vũ khí và vật chất - kỹ thuật cần thiết cung cấp cho cuộc chiến đấu trên cả hai miền Nam, Bắc, buộc ta phải thay đổi quyết tâm, chịu thương lượng theo những điều kiện do chúng đưa ra. Nhằm đạt mục tiêu đó, Níchxơn ra lệnh thực hiện bốn biện pháp:

- Thả mìn tất cả các đường vào các cảng Bắc Việt Nam, ngăn chặn việc ra vào các cảng và ngăn chặn hoạt động của hải quân Bắc Việt Nam xuất phát từ các cảng đó.

- Các lực lượng Mỹ sẽ tiến hành những biện pháp thích hợp trong vùng nội thủy và trong vùng biển Bắc Việt Nam để ngăn chặn việc giao bất cứ đồ tiếp tế gì.

- Cắt đứt tối đa đường xe lửa và tất cả các đường giao thông khác.

- Tiếp tục các cuộc đánh phá bằng không quân và hải quân vào các mục tiêu quân sự của miền Bắc.

7 giờ 27 phút ngày 09/5, máy bay Mỹ bắt đầu thả thủy lôi phong tỏa cảng Hải Phòng. Những ngày sau đó, chúng tiếp tục phong tỏa cảng Hồng Gai, Cẩm Phả, Cửa Hội (ngày 11/5), cảng Gianh (ngày 12/5), các cửa sông thuộc các tỉnh Thái Bình, Nam Hà, Thanh Hóa (từ ngày 12 đến ngày 14/5), các cửa sông thuộc các tỉnh Nghệ An, Hà Tĩnh, Quảng Bình, Vĩnh Linh và Cửa Việt (mới giải phóng, từ ngày 17 đến ngày 19/5). Ngoài việc ngăn chặn vận chuyển ở nội địa, địch còn thả thủy lôi xuống tất cả các luồng mà tàu nước ngoài ra vào các cảng miền Bắc, phạm vi phong tỏa

là 10 tỉnh, gồm 43 khu vực. Tổng số thủy lôi, bom từ trường trong đợt này lên tới 13.000 quả. Các khu vực bị phong tỏa nặng nhất là Hải Phòng (1.733 quả), Cửa Hội (1.352 quả), Hòn La (1.162 quả) và cảng Gianh (610 quả).

Đồng thời với việc thả thủy lôi phong tỏa vùng biển và tất cả các cảng, Mỹ thường xuyên cho từ 4 đến 5 tàu khu trục, có trận tới 17 tàu, như ngày 28/6/1972, bắn phá vùng ven biển từ nam Quân khu 4 đến Hải Phòng, nhằm tăng cường và bổ sung cho các cuộc oanh tạc và thả thủy lôi phong tỏa của không quân, ngăn chặn việc vận chuyển bằng đường biển của quân và dân ta. Hàng trăm lần chiếc máy bay chiến thuật hoạt động ngày và đêm, đánh phá tất cả các cầu lớn, nhỏ, các đầu mối giao thông, nhà ga trên các tuyến đường sắt và đường bộ từ Lạng Sơn, Lào Cai và Hải Phòng về Hà Nội, từ Hà Nội đi các tỉnh phía Nam, “không loại trừ bất cứ mục tiêu công nghiệp nào”¹.

Sử dụng những thành tựu mới nhất của khoa học kỹ thuật quân sự, đế quốc Mỹ đã đưa cuộc chiến tranh phá hoại và phong tỏa miền Bắc lên một quy mô mới và thực sự tiến hành một cuộc chiến tranh điện tử nhằm đạt hiệu suất đánh phá cao mà ít tổn thất. Chúng đặc biệt chú trọng gây nhiễu, dùng thủ đoạn kết hợp nhiễu tích cực với nhiễu tiêu cực, nhiễu ngoài và nhiễu trong đội hình, nhiễu radar và nhiễu thông tin, nhiễu cả radar cảnh giới, dẫn đường và radar xạ kích của ta. Đi đôi với gây nhiễu, địch sử dụng các loại vũ khí điều khiển có tầm bắn xa, độ chính xác cao như tên lửa Shrike, Standard đánh vào các trận địa radar, tên lửa. Dùng bom vô tuyến truyền hình Walleye 1 (512kg), Walleye 2 (907kg), bom điều khiển và tự dẫn bằng tia laser có xác suất trúng đích cao hơn bom thường để đánh các mục tiêu quan trọng được phòng thủ mạnh mà chỉ cần huy động số

1. Tuyên bố của Bộ Quốc phòng Mỹ ngày 23/5/1972.

lượng ít máy bay¹. Riêng thủy lôi phong tỏa các cảng và vùng biển, địch sử dụng các loại MK52, MK42 và MK36 với 4 loại ngòi nổ (Mod 1,2,3 là từ trường và Mod 4 là âm thanh). Ở Hải Phòng, địch thả xen kẽ MK52, MK42 và MK36 với các ngòi nổ có tính năng gây nổ khác nhau, định thời gian tự hủy khác nhau. Từ cửa sông Văn Úc trở vào phía Nam, chủ yếu địch thả MK36 và MK42.

Chỉ trong một thời gian ngắn, đế quốc Mỹ đã thực hiện được việc phong tỏa vùng biển, các cửa sông, cảng biển miền Bắc. Tháng 5/1972, tuyến vận tải ven biển bị tắc hoàn toàn. Nhiều tuyến đường sông cũng bị ngừng trệ. Đường sắt, đường bộ bị cắt thành nhiều đoạn. Đường sắt từ Thanh Hóa vào Vinh bị tê liệt. Các tuyến khác chỉ sử dụng được từng đoạn và trong từng thời gian. Tốc độ và khối lượng vận tải giảm sút. Trước tháng 4/1972, hàng quân sự vận tải bằng đường sắt từ Hà Nội vào Vinh trung bình đạt từ 500 đến 600 tấn/ngày. Từ sau ngày 20/4, chỉ còn 100 tấn/ngày. Tuyến vận tải ven biển từ Bến Thủy vào cảng Gianh từ tháng 4 về trước mỗi tháng thực hiện được khoảng 4.000 tấn, từ giữa tháng 5/1972 phải ngừng hẳn. Cuộc chiến đấu của quân và dân miền Bắc, đặc biệt là trên mặt trận giao thông vận tải, trong những ngày này trở nên vô cùng ác liệt, gian khổ. Thành phố Hải Phòng là mục tiêu chính và là trọng điểm trong âm mưu phong tỏa miền Bắc của địch. Chúng thực hiện phong tỏa thành phố ngay từ đầu, với số lượng bom mìn lớn nhất, biện pháp triệt để nhất.

Ngay trong buổi sáng ngày 09/5/1972, khi Níchxơn lên đài truyền hình đưa ra những lời tuyên bố về “điều kiện hòa bình”,

1. Năm 1967, để phá cầu Long Biên, địch phải dùng từ 12 đến 24 máy bay F.105 ném bom thường. Năm 1972 chỉ dùng từ 4 đến 8 máy bay F.4 mang bom lade. Trong 4 năm (1965 - 1968), địch huy động hàng ngàn máy bay mà không phá được cầu Hàm Rồng. Năm 1972, địch phá được bằng số ít máy bay mang theo bom lade.

thì ở Hải Phòng, máy bay Mỹ bắt đầu chiến dịch thả thủy lôi xuống vùng biển Cát Bà, Đồ Sơn, luồng Nam Triệu, cửa sông Văn Úc... Khu vực bị phong tỏa nặng nhất là luồng Nam Triệu, điểm tập trung là đoạn từ đèn Avan đến phao số 0. Số lượng thủy lôi địch thả xuống Hải Phòng trong ngày 09/5 lên tới trên 1.000 quả. Mấy ngày sau, chúng thả bổ sung ở các điểm nói trên và một số luồng sông trong thành phố. Ngày 05/7/1972, địch thả thủy lôi đợt hai, phong tỏa, ngăn chặn tất cả các luồng sông ở nội địa, tập trung ở một số điểm xung yếu, đồng thời, thả bổ sung xuống các khu vực đã phong tỏa đợt đầu. Tháng 10 và tháng 12/1972, chúng phong tỏa đợt thứ ba và đợt thứ tư.

Tính chung cả bốn đợt, đế quốc Mỹ đã ném xuống khu vực Hải Phòng 3.216 quả thủy lôi, 40 quả bom nổ chậm hẹn giờ. Toàn bộ 20 luồng lạch biển, 12 cửa sông, 81 điểm trên các luồng sông thuộc địa bàn thành phố bị bom, mìn phong tỏa. Cửa Nam Triệu từ phao số 0 đến phao Dấm, phao Dấu; luồng qua đảo đèn Long Châu, Lạch Huyện, Lạch Tàu, cửa sông Văn Úc và cửa sông Thái Bình... dày đặc thủy lôi địch. Tàu vận tải của nước ngoài không vào được cảng Hải Phòng, 20 tàu đang đậu trong cảng bị kẹt lại không ra được. Đường vận tải ven biển từ Hải Phòng vào phía Nam bị tắc. Đường sông, đường bộ đi Hà Nội và các tỉnh bị ngăn chặn. Từ nội thành Hải Phòng lên thủ đô và các tỉnh đồng bằng Bắc Bộ có nhiều đường, nhưng đều phải qua 5 cầu và 1 bến phà lớn. Tháng 5/1972, 4 chiếc cầu trên đường đi Hà Nội, Thái Bình, Nam Định bị phá sập. Bến phà Bính chỉ đi lại được về đêm. Một số tàu, thuyền dũng cảm đi mở luồng bị trúng thủy lôi địch. Giữa nội thành với các huyện ngoại thành bị chia cắt. Lần đầu tiên trong cuộc kháng chiến chống Mỹ, cảng Hải Phòng phải tạm ngừng hoạt động.

Ngay từ khi mới bước vào cuộc chiến đấu chống chiến tranh phá hoại lần thứ hai, Thành ủy đã xác định: Bảo đảm cho cảng

hoạt động bình thường và giao thông vận tải thông suốt là công tác trọng tâm số 1 của Đảng bộ, quân dân thành phố. Dù khó khăn, ác liệt đến đâu cũng kiên quyết tổ chức tốt việc tiếp nhận và vận chuyển, bảo đảm kịp thời và đầy đủ những nhu cầu vật chất ngày càng lớn của chiến trường và phục vụ tốt nhiệm vụ sản xuất, chiến đấu của địa phương, của miền Bắc. Thành ủy giao nhiệm vụ cho các lực lượng vũ trang cùng nhân dân bám sông, bám biển, bám cầu đường, bám phương tiện vận tải, vừa chiến đấu phá tan vòng vây phong tỏa của địch, vừa trực tiếp làm công tác giao thông vận tải.

Ngày 09/5/1972, Bộ Chính trị Trung ương Đảng thông qua phương án chống địch phong tỏa cảng Hải Phòng của Thành ủy, Ủy ban hành chính thành phố, do đồng chí Phó Bí thư Thành ủy, Chủ tịch Ủy ban hành chính, trình bày. Phương án xác định rõ các biện pháp chống phong tỏa và quy định thứ tự ưu tiên bốc xếp, vận chuyển các loại hàng hóa quân sự, xăng dầu, lương thực, vật tư, thiết bị. Các đơn vị: cảng Hải Phòng, Ty Bảo đảm hàng hải, Cục Vận tải biển, Quân chủng Hải quân, Công binh Bộ Tư lệnh Sư đoàn 350, Sở Giao thông vận tải cùng phối hợp triển khai kế hoạch chống phong tỏa, tìm mọi cách tiếp nhận hàng hóa, vận chuyển kịp thời cho tiền tuyến. Đảng bộ, quân dân thành phố hứa với Bộ Chính trị trong bất kỳ tình huống nào, dù phải hy sinh, tổn thất đến đâu cũng quyết không để đường bộ bị tắc quá 24 giờ, đường thủy bị tắc quá 36 giờ¹. Trong ngày, Đảng ủy cùng Ban Giám đốc cảng Hải Phòng họp và quyết định triển khai ngay một số việc cần kíp. Đó là tổ chức kéo ngay ba tàu của Liên Xô và Vương quốc Anh ra khỏi bãi thủy lôi; phân công cán bộ lãnh đạo

1. Xem Sở Giao thông vận tải Hải Phòng: *Bảo đảm giao thông vận tải phục vụ kinh tế và quốc phòng (1963 - 1972)*, Tài liệu lưu tại Bộ Chỉ huy Quân sự thành phố Hải Phòng, tr.34.

trực tiếp chỉ đạo thủy đội cảng đi tìm luồng vận chuyển mới; đề nghị Đảng, Chính phủ liên hệ với Đảng, Chính phủ Trung Quốc cho phép các tàu nước ngoài neo đậu ở vùng lãnh hải giáp giới Việt Nam - Trung Quốc; tổ chức các khu vực sang mạn, chuyển tải để tiếp nhận những mặt hàng quan trọng do các nước anh em viện trợ; triệt để thực hiện quân sự hóa sản xuất ở các khâu, các tuyến¹.

Được sự chỉ đạo và chi viện hết lòng của Trung ương, sự giúp đỡ của các ngành, các cấp, các quân binh chủng, đặc biệt là của Quân chủng Hải quân - lực lượng chủ lực trong chiến đấu chống phong tỏa - thành phố đã nhanh chóng triển khai lực lượng, đồng thời áp dụng một loạt các biện pháp như tổ chức rà phá bom mìn; tổ chức chuyển tải, sang mạn trên vùng biển Đông Bắc; tìm các luồng vận chuyển mới trên các sông nội địa và ven biển; triệt để sử dụng các hình thức và phương tiện vận tải của Nhà nước, của địa phương và của nhân dân; tận dụng mọi khả năng của đường thủy, đường bộ, đường sắt, lấy vận tải đường thủy là phương thức chủ yếu.

Quân chủng Hải quân, Bộ Tư lệnh Sư đoàn 350 chỉ đạo lực lượng vũ trang địa phương, Sở Giao thông vận tải, Ty Bảo đảm hàng hải, dân quân tự vệ các xã ven biển tái tổ chức và lập thêm 373 đài quan sát, theo dõi đánh dấu điểm rơi của từng quả thủy lôi, bom mìn của địch ở các cửa sông ven biển và từng khu vực. Dựa vào kết quả quan sát, Quân chủng Hải quân, Bộ Tư lệnh Sư đoàn 350 lên sơ đồ các bãi thủy lôi, các điểm có thủy lôi ở các dòng sông và vùng biển của toàn thành phố với số lượng khá cụ

1. Xem Đảng bộ Cảng Hải Phòng: *Đảng bộ Cảng Hải Phòng lãnh đạo chiến đấu chống bao vây phong tỏa Cảng của giặc Mỹ trong chiến tranh phá hoại (1965 - 1972)*, Tài liệu lưu tại Bộ Chỉ huy Quân sự thành phố Hải Phòng, 1973, tr.104.

thể, chính xác. Trên cơ sở đó tìm ra những lối đi an toàn cho tàu thuyền vận tải và đánh cá.

Tiểu đoàn tự vệ của Ty Bảo đảm hàng hải được giao nhiệm vụ phối hợp với bộ đội hải quân rà phá bom mìn, mở đường vòng tránh thủy lôi địch trên biển, kiểm tra hướng dẫn tàu thuyền của ta đi lại trên những luồng lạch mới mở. Ngày 16/5/1972, một tổ trinh sát cảm tử, sử dụng tàu Vạn Hoa 1 đi khảo sát tìm lối mở luồng ven biển từ Hải Phòng đến Cẩm Phả, Vạn Hoa. Luồng này đã được Cục Đường biển khảo sát từ năm 1965. Theo chỉ dẫn của Ban Giám đốc Cảng và lãnh đạo Ty Bảo đảm hàng hải, những người cảm tử đưa tàu Vạn Hoa 1 luôn lách qua hàng trăm hòn đảo lớn nhỏ trên các vịnh Lan Hạ, Hạ Long và Bái Tử Long, tìm những lối đi mới, an toàn, đăng ký hành trình và tìm điểm trú đậu, tạo vật chuẩn và các cột tiêu, biển báo trên biển, đánh dấu chính xác trên hải đồ. Sau ba ngày đêm liên tục, tổ trinh sát đã hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ. Một luồng vận tải mới ven biển từ Hải Phòng ra vùng biển Đông Bắc đã được xác định và ngay lập tức được đưa vào hoạt động. Như vậy là, chỉ sau 10 ngày, chúng ta đã phá vỡ thế bị phong tỏa của cảng Hải Phòng. Phạm vi hoạt động của Cảng giờ đây không chỉ giới hạn ở cửa sông Cẩm ra luồng Nam Triệu mà đã vươn ra vùng biển Đông Bắc qua luồng mới mở.

Việc tìm được luồng vận chuyển mới này là một sự kiện có ý nghĩa lịch sử trong cuộc chiến chống phong tỏa ở Hải Phòng. Nhưng luồng vận chuyển mới có hạn chế là nhiều đoạn quá hẹp và nông, chỉ những phương tiện có trọng tải dưới 50 tấn mới qua lại an toàn. Yêu cầu đặt ra là phải tìm được các lối đi mới cho các tàu thuyền lớn hơn. Ty Bảo đảm hàng hải lại được nhận nhiệm vụ khảo sát, mở luồng mới trên vùng biển Đông Bắc, vươn xa tới các đảo Cái Lân, Cái Chiên, Vĩnh Thực... trên vịnh Hạ Long, sang tới Bắc Hải (Trung Quốc).

Ngày 07/6/1972, một đoàn cán bộ kỹ thuật hàng hải, kỹ thuật công trình, do hai đồng chí Trưởng, Phó Ty Bảo đảm hàng hải, đồng thời là tiểu đoàn trưởng, tiểu đoàn phó tự vệ trực tiếp phụ trách, lên đường khảo sát, mở tuyến hàng hải mới. Qua một thời gian khảo sát, các tuyến hàng hải mới mang tên VT1, VT2, VT3 (Việt Trung 1, 2, 3, còn có mật danh H1, H2, H3) đã hình thành. Những Hòn Nghiên, Hòn Bút, Hòn Cóc, Hòn Cò... trở thành các vị trí quan sát, trận địa phòng không bảo vệ các tuyến vận tải trên biển. Các hang Bà Dốc, Vũng Đục, hang Ma, hang Con Gái... trở thành các trạm bảo đảm giao thông dã chiến, nơi trú đậu của các tàu thuyền và thành các kho chứa hàng. Những vách núi trên luồng vận tải mới được tự vệ công nhân Ty Bảo đảm hàng hải quét vôi thay cho đèn báo hiệu, dẫn dắt các đoàn tàu đi đúng tuyến, đúng luồng, qua những nơi không bị bom mìn, thủy lôi địch ngăn chặn. Riêng trên tuyến VT1 (đi vào hoạt động từ cuối tháng 6/1972), tự vệ của Ty đã lập 15 đài quan sát. Xa đất liền, xa người thân, nhiều khi phải nhịn đói, nhịn khát vì không kịp tiếp tế, song các chiến sĩ tự vệ Ty Bảo đảm hàng hải, Sở Bưu điện Hải Phòng vẫn kiên cường bám trụ, theo dõi chặt chẽ các hoạt động phong tỏa của máy bay, tàu chiến địch, đánh dấu chính xác trên hải đồ điểm rơi của từng quả thủy lôi địch, báo cáo kịp thời về Ban chỉ huy để nhanh chóng xử lý.

Tiếp sau tuyến VT1, ngày 10/7 và ngày 27/7/1972, các tuyến VT2, VT3 lần lượt được đưa vào sử dụng, có thể đưa đón những con tàu có trọng tải hàng trăm tấn. Toàn bộ hệ thống các tuyến tiếp chuyển hàng hóa từ vùng biển Đông Bắc về Hải Phòng, do Giám đốc cảng trực tiếp làm Chỉ huy trưởng, Phó Giám đốc làm Chỉ huy phó kiêm Giám đốc Phân cảng Quảng Ninh. Suốt ngày đêm, lực lượng vận tải của Cục Đường biển gồm 27 tàu Giải phóng, 54 tàu VS, 8 sà lan, 4 tàu kéo cùng hàng trăm phương tiện của các ngành khác và của nhân dân làm nhiệm vụ chuyển

tải hàng hóa từ các tàu lớn neo đậu ở vùng biển Đông Bắc đưa về Hải Phòng. Trung Quốc cũng huy động 35 tàu VS loại 50 tấn và 20 thuyền buồm tham gia vận chuyển giúp ta¹.

Tại khu vực cảng Hải Phòng, ngoài các cầu tàu của cảng, ta còn sử dụng cầu tàu của các nhà máy thuộc khu công nghiệp bên sông Cấm hoặc neo tàu dọc theo sông Cấm, sông Bạch Đằng. Được sự ủng hộ của Đảng, Chính phủ các nước anh em, trực tiếp là của các sĩ quan và thủy thủ trên các con tàu đang neo đậu ở cảng, hàng hóa sau khi chuyển về cảng được nhanh chóng chuyển lên các con tàu của Cuba, Liên Xô, Cộng hòa Dân chủ Đức... Tiếp đó, các bạn lại dùng thiết bị trên tàu bốc xếp hàng giúp khi các tàu nhỏ của ta áp mạn chuyển tải. Ta còn mua lại một tàu của Hy Lạp, trọng tải 1 vạn tấn (vẫn treo cờ Hy Lạp), thành kho nổi chứa dầu ở ngoài biển. Từ các tàu dầu của các nước anh em, dầu được bơm nhanh sang kho nổi để các phương tiện nhỏ ra tiếp nhận.

Trong khi mở luồng vận tải trên biển, duy trì hoạt động của cảng, thực hiện chủ trương của Chính phủ xây dựng phân cảng trên bộ ở Lạng Sơn để tiếp nhận hàng viện trợ quá cảnh qua tuyến đường sắt liên vận quốc tế, 1.500 cán bộ, công nhân giàu kinh nghiệm bốc xếp của cảng Hải Phòng, do đồng chí Phó Giám đốc phụ trách, đã cấp tốc lên Lạng Sơn làm nhiệm vụ. Đây là lực lượng nòng cốt, chủ lực trong bốc xếp của Phân cảng Lạng Sơn (có mật danh là A41, còn gọi là “Cảng cạn”). Như vậy phạm vi hoạt động của cảng Hải Phòng từ 50km trước tháng 5/1972 nay đã vươn xa tới 300km, gồm cảng chính và các phân cảng Lạng Sơn, Quảng Ninh. Đồng thời với việc tìm luồng xây dựng phân cảng đã chiến trên vùng biển Đông Bắc và phân cảng trên bộ ở Lạng Sơn, quân dân Hải Phòng tìm mọi cách rà phá bom mìn thủy lôi của

1. Xem Hội Khoa học Lịch sử, Chi hội Lịch sử quân sự Hải Phòng: *Chống Mỹ phong tỏa vùng sông biển Hải Phòng, Sđd*, tr.124, 150, 152.

địch, quyết bảo đảm cho cảng hoạt động bình thường, bảo đảm giao thông vận tải thông suốt trong mọi tình huống. Đây là cuộc đối đầu về trí tuệ vô cùng căng thẳng, quyết liệt giữa ta và địch.

Những năm 1967 - 1968, nhân dân và các lực lượng vũ trang Hải Phòng đã từng tháo gỡ được hàng chục quả thủy lôi, bom chờ nổ, phá hủy hàng trăm quả khác, phá được ba vòng vây phong tỏa thành phố bằng bom mìn, thủy lôi của địch. Trong cuộc chiến tranh phá hoại phong tỏa Hải Phòng lần thứ hai, đế quốc Mỹ sử dụng nhiều loại bom, mìn mới, với nhiều loại đầu nổ đã được cải tiến, tinh vi, nguy hiểm hơn, khó tháo gỡ, phá nổ hơn. Do đó, việc tìm hiểu nguyên lý cấu tạo và cơ chế hoạt động của đầu nổ các loại bom mìn này có ý nghĩa đặc biệt quan trọng, quyết định phương hướng chế tạo các loại khí tài rà phá và biện pháp tháo gỡ.

Ngay sau đợt thả thủy lôi của địch ở luồng Nam Triệu (ngày 09/5), Tàu 150 thuộc Trung đoàn 171 Hải quân được lệnh đi khảo sát nhưng chưa “bắt” được quả thủy lôi nào. Ngày 12/5, xã viên hợp tác xã đánh cá Tràng Cát, trong khi đưa thuyền đi đánh bắt cá phát hiện được một quả thủy lôi ở Tây Bắc đền Nôm, trên luồng Nam Triệu. Nhận được tin, các chiến sĩ công binh, thợ lặn, người nhái của Hải quân, Bộ Tư lệnh Sư đoàn 350 và Công an nhân dân vũ trang đến mò tìm và đã “bắt sống” được quả thủy lôi đầu tiên. Quả thủy lôi được đưa vào bờ, được đưa vào một lô cốt bằng bê tông cốt thép do thực dân Pháp xây dựng trước đây để các cán bộ kỹ thuật tìm cách tháo gỡ, lấy đầu nổ. Đây là loại thủy lôi MK52, có đầu nổ cải tiến, hiện đại hơn so với tất cả các loại thủy lôi đã được Mỹ thả xuống miền Bắc trong cuộc chiến tranh phá hoại lần thứ nhất. Nhìn bề ngoài, thủy lôi MK52 giống như thùng phuy xăng 200 lít, nặng 544kg, được máy bay địch thả từ độ cao từ 200 đến 800m vào lúc thủy triều xuống. Ra khỏi máy bay, thủy lôi có

dù giảm tốc và định hướng. Thủy lôi MK52 có sức công phá rất mạnh, chủ yếu dùng để phá hủy các tàu có trọng tải từ 400 tấn trở lên. Tháo được đầu nổ của quả thủy lôi MK52, các cán bộ, chiến sĩ chuyển ngay về Xưởng 46 Hải quân - nơi các cán bộ kỹ thuật Quân chủng Hải quân, Viện Kỹ thuật quân sự, Bộ Tư lệnh Công binh, Trường Đại học Bách khoa, Cục Công nghiệp Hải Phòng... đặt trạm nghiên cứu để nhanh chóng tìm ra nguyên lý nổ và thiết kế chế tạo khí tài rà phá. Qua nghiên cứu, đã xác định được MK52 có nhiều loại, nhiều chế độ nổ khác nhau (từ tính, âm thanh, áp suất...), có thể nổ ngay, cũng có thể nổ theo chế độ định lần từ 1 ngày đến 90 ngày kể từ khi ném xuống.

Ngoài MK52, ở Hải Phòng, đế quốc Mỹ còn sử dụng các loại thủy lôi MK36, MK42, là những loại đã được sử dụng trong chiến tranh phá hoại lần thứ nhất nhưng đã được cải tiến nhiều lần và nhiều loại bom, mìn từ trường, điện tử có tác dụng như thủy lôi, thả xen kẽ với MK52. Thủ đoạn này của địch đã gây cho ta rất nhiều khó khăn trong rà phá và tháo gỡ. Trong khi chờ đợi nghiên cứu chế tạo bộ khí tài rà phá mới, do nhu cầu cấp bách của việc thông luồng vận chuyển, Bộ Tư lệnh Hải quân, Bộ Tư lệnh Quân khu Tả Ngạn phối hợp với Cục Vận tải biển và quân dân Hải Phòng đã chủ động tìm cách phá thủy lôi địch bằng những loại khí tài đã được sử dụng trong những năm chống chiến tranh phá hoại lần thứ nhất. Ngày 16/5, ta phá nổ được 3 quả thủy lôi. Từ ngày 24 đến ngày 31/5, phá nổ thêm 10 quả nữa. Tất cả đều là loại thủy lôi MK42 có đầu nổ được cải tiến từ Mod2 đến Mod5. Riêng MK52, ta chưa phá được quả nào.

Cuối tháng 5/1972, bộ khí tài rà phá thủy lôi mới đã được đội ngũ các nhà khoa học, cán bộ, công nhân kỹ thuật của Bộ Tư lệnh Hải quân, Viện Kỹ thuật quân sự, Bộ Tư lệnh Công binh, Trường Đại học Tổng hợp, Trường Đại học Bách khoa, Bộ Tư lệnh Sư đoàn 350, Cảng Hải Phòng, Ty Bảo đảm hàng hải phối hợp

ngiên cứu, chế tạo thành công và được nhanh chóng sản xuất hàng loạt, kịp thời trang bị cho các đơn vị. Các xưởng cơ khí của cảng Hải Phòng, Ty Bảo đảm hàng hải, Đóng tàu Bạch Đằng, Cá hộp Hạ Long, v.v. cũng chế tạo được nhiều cuộn phóng từ đủ các kiểu loại, trang bị cho các đơn vị công binh và dân quân tự vệ. Đêm 27/5, tại khu vực Quả Xoài - Bến Gót, Tàu 150 và Ca nô C50 của Trung đoàn 171 Hải quân sử dụng bộ khí tài mới phá nổ 5 quả thủy lôi MK42. Đêm 06/6, tiểu đội dân quân Hợp tác xã đánh cá Quyết Tiến (Đồ Sơn) sử dụng thuyền gỗ 12 tấn, mang bộ khí tài mới tổ chức rà quét ở khu vực Lạch Họng, phá nổ 5 quả. Một phương pháp rà phá có hiệu quả khác được nhiều đơn vị bộ đội và dân quân tự vệ sử dụng là dùng thuyền nan, bè tre, bè chuối kéo các cuộn phóng từ bằng khung dây gây biến thiên từ trường lớn. Bằng cách này, tiểu đội công binh dân quân Hợp tác xã Quyết Tiến (Đồ Sơn) đã phá nổ một quả. Ngày 12/6, Tàu 150 Hải quân sử dụng khung dây lần đầu tiên phá nổ được một quả MK52 ở luồng Nam Triệu.

Quân chủng Hải quân còn nghiên cứu cải tạo một số tàu vận tải và đổ bộ thành tàu phá lôi. Quân chủng Phòng không - Không quân, Binh chủng Pháo binh, theo kinh nghiệm của Liên Xô, Trung Quốc, cũng tham gia rà phá bằng cách dùng máy bay AN.2 thả bom, bộc phá, bắn đạn pháo vào các bãi lôi. Tuy nhiên, các phương pháp này hiệu quả rất thấp. Nhiều đơn vị và các nhà máy, xí nghiệp ở Hải Phòng cũng chủ động tìm tòi, sáng tạo ra một số cách rà phá bằng khí tài hoặc bằng phương tiện thô sơ, đơn giản. Như vậy, ngay từ cuối tháng 5, bằng những biện pháp, phương tiện và khí tài khác nhau, quân dân Hải Phòng đã khám phá ra bí mật của loại vũ khí nguy hiểm mới của địch và bắt đầu rà phá được các loại thủy lôi, kể cả loại hiện đại nhất là MK52. Đây là những kết quả bước đầu, nhưng rất quan trọng,

mở ra khả năng và tạo cơ sở cho quân dân thành phố rà quét, phá gỡ được hàng loạt thủy lôi của địch những ngày tiếp sau, đánh bại hoàn toàn âm mưu và thủ đoạn ngăn chặn phong tỏa của kẻ thù.

Tháng 7/1972, Thành ủy, Bộ Tư lệnh Sư đoàn 350 phát động một chiến dịch rà phá bom mìn, thủy lôi, quyết phá tan vòng vây phong tỏa của địch. Là nòng cốt và là lực lượng xung kích trong chiến dịch, Quân chủng Hải quân đã huy động 352 lượt tàu rà đi quét lại các luồng Nam Triệu, Lạch Huyện, Cát Bà, Cửa Cấm, Đồ Sơn. Diện tích rà quét trong đợt này lên tới 3 triệu mét vuông, tập trung vào khu vực từ Đèn Kính đến Phao số 0 trên luồng Nam Triệu. Nhiều bãi thủy lôi của địch bị ta phá sạch trong một ngày bằng đủ loại khí tài thô sơ và hiện đại. Phát hiện ta tập trung lực lượng, phương tiện rà phá, địch cho máy bay, tàu chiến bắn phá liên tục ở các khu vực trọng điểm, ngăn cản lực lượng rà quét của ta. Mặt khác, chúng tiếp tục cải tiến đầu nổ của các loại bom mìn, thủy lôi để hạn chế ta phá nổ và tháo gỡ. Chúng còn gài bẫy chống tháo gỡ để sát hại những người rà phá.

Mặc cho địch dùng nhiều thủ đoạn, lực lượng chống phong tỏa của ba thứ quân ở Hải Phòng vẫn kiên cường, dũng cảm chiến đấu. Tại tất cả các trọng điểm đều có hàng chục cán bộ, chiến sĩ tự vệ, dân quân, thanh niên, phụ nữ, xã viên hợp tác xã đủ các lứa tuổi xung phong làm nhiệm vụ cảm tử, sử dụng ca nô, thuyền gỗ, bè tre... lao vào các bãi bom mìn, thủy lôi của địch kích cho bom nổ để mở luồng, thông tuyến. Mỗi lần ra đi làm nhiệm vụ rà quét bom mìn, thủy lôi là một lần đi vào cõi chết, nên tất cả những người cảm tử đều được đơn vị làm lễ truy điệu sống. Không ít người được làm lễ truy điệu sống tới hàng chục lần. Nhiều loại khí tài, phương tiện rà phá mới được nhanh chóng chế tạo và đưa vào sử dụng. Các loại mìn, thủy lôi mới của địch lần lượt bị quân dân Hải Phòng rà phá, tháo gỡ. Cuộc chiến đấu mỗi ngày thêm quyết liệt. Có nơi địch vừa rải buổi sáng, đến tối ta

đã phá ngay. Nhiều ngày ta vừa mới thông luồng, địch lại tới rải tiếp. Luồng tắc nhưng rồi lại thông ngay. Cứ như thế, cuộc chiến đấu diễn ra liên tục ngày đêm. Riêng luồng vận chuyển từ Quảng Ninh về Hải Phòng ba lần bị tắc, ba lần lại được khai thông. Khối lượng hàng vận chuyển trên tuyến này từ 2.600 tấn trong tháng 7 tăng lên hơn 10.000 tấn trong tháng 9.

Ở vùng biển Đồ Sơn, đội công binh nhân dân của hợp tác xã đánh cá Quyết Tiến tiếp tục nghiên cứu cải tiến khí tài và kiên trì rà quét khu vực Lạch Họng. Ngày 05/8, anh chị em dùng hai thuyền gỗ kéo “bè nam châm” lúc đẩy vào gần bờ, lúc kéo trở ra, gây biến thiên từ trường lớn, phá nổ một quả. Đây là quả thủy lôi thứ 12 đội phá được kể từ ngày giặc Mỹ phong tỏa khu vực. Quả thủy lôi nổ đã gây áp lực lớn kích nổ quả bên cạnh, và liền sau đó quả này lại kích nổ quả khác. Cứ như vậy, chỉ trong vài phút, 48 quả thủy lôi nổ liên hồi như một trận pháo lớn bắn cấp tập. Luồng vận chuyển khu vực Đồ Sơn hoàn toàn được khai thông.

Ngày 04/10, địch thả bổ sung 400 quả thủy lôi, mìn từ trường xuống luồng vận chuyển từ Quảng Ninh về Hải Phòng. Ngay lập tức, Quân chủng Hải quân tổ chức 23 tàu và ca nô, có sự phối hợp của Ty Bảo đảm hàng hải, tiến hành một chiến dịch rà quét suốt ngày đêm. 14 giờ ngày 24/10, luồng Hải Phòng - Quảng Ninh lại được khai thông. Ngay buổi chiều và đêm hôm đó đã có 182 tàu thuyền, trọng tải từ 400 tấn trở xuống, đi từ Quảng Ninh về Hải Phòng và ngược lại an toàn¹. Chiến dịch rà quét bom mìn thủy lôi trên luồng vận chuyển này còn được các lực lượng rà phá bom mìn của ba thứ quân tiếp tục triển khai suốt 24 ngày sau đó. Đầu tháng 11/1972, các loại tàu có trọng tải từ 2.000 đến 5.000 tấn đã vào Cửa Vạn an toàn².

1, 2. Xem Ban Chỉ huy Quân sự quận Ngô Quyền: *Lịch sử kháng chiến chống thực dân Pháp và đế quốc Mỹ xâm lược*, Sđd, tr.186-187.

Ở các khu vực khác, từ tháng 8 đến tháng 10, các đơn vị công binh của Bộ Tư lệnh Sư đoàn 350 phối hợp với dân quân tự vệ các huyện An Hải, Cát Bà, Cát Hải, An Thụy, Tiên Lãng, Vĩnh Bảo... cũng phá nổ hơn 300 quả thủy lôi và bom chò nổ của địch, giải tỏa tất cả các luồng lạch, cửa sông, ven biển Hải Phòng.

Cuộc chiến đấu của quân dân Hải Phòng, tính từ ngày 16/4 đến cuối tháng 12/1972 diễn ra trong gần 300 ngày đêm. Đây là những ngày vô cùng căng thẳng, nhiều hy sinh, tổn thất nhưng cũng đầy sự tích anh hùng. Bằng cuộc chiến đấu anh dũng của mình, quân dân Hải Phòng đã đánh bại hoàn toàn mọi âm mưu, thủ đoạn của đế quốc Mỹ. Hàng chi viện vẫn được Hải Phòng tiếp nhận, từ Hải Phòng hàng vẫn liên tục được chuyển vào miền Nam. Tổng khối lượng hàng hóa tiếp nhận của các nước anh em trên cả đường bộ và đường biển năm 1972 so với năm 1971 vẫn tăng 1,7 lần. Vận chuyển chi viện chiến trường miền Nam cũng tăng 1,7 lần so với năm 1971. Tổng số hàng nhập quý II năm 1972 (ba tháng khó khăn, ác liệt nhất) lớn hơn tổng số hàng nhập tại cảng Hải Phòng cả năm 1964. Kết quả trên đã khẳng định tầm vóc thắng lợi của cuộc chiến đấu chống chiến tranh phá hoại và phong tỏa ở Hải Phòng và miền Bắc trong năm 1972 lịch sử.

Do tính chất ác liệt và tầm quan trọng của địa bàn trọng điểm Hải Phòng, đến cuối tháng 5/1972, Bộ Tổng tư lệnh đã tăng cường thêm lực lượng phòng không chủ lực để bảo vệ thành phố. Riêng lực lượng bắn máy bay của dân quân tự vệ tăng gấp 8 lần, hỏa lực tăng gấp 2 lần so với trước ngày 16/4, một số đơn vị được trang bị pháo cao xạ 37 ly. Tiểu đoàn tự vệ cảng và tiểu đoàn tự vệ Nhà máy Đóng tàu Bạch Đằng được trang bị pháo cao xạ 100 ly.

Trong cuộc chiến tranh phá hoại lần thứ hai, trên địa bàn Hải Phòng, địch áp dụng nhiều thủ đoạn đánh phá hết sức xảo quyệt. Chúng thường dùng tốp máy bay nhỏ hoặc chiếc lẻ, từ ngoài biển ập vào đánh nhanh, rút nhanh, đánh ngày kết hợp với bay thấp

đánh đêm. Đặc biệt, chúng tích cực áp dụng thủ đoạn tác chiến điện tử và dùng tên lửa Soraï đánh phá các trận địa phòng không của ta. Có trận địa, từ ngày 16/4 đến cuối tháng 5/1972, bị địch dùng tên lửa Soraï đánh hơn 20 lần, như trận địa của Tiểu đoàn tên lửa 71 ở Minh Kha, Tiểu đoàn tên lửa 73 ở Trinh Hưởng... Mặc dù các lực lượng phòng không bảo vệ Hải Phòng đã chiến đấu hết sức dũng cảm, chịu nhiều hy sinh, tổn thất nhưng hiệu suất chiến đấu rất thấp. Sư đoàn Phòng không 363, trong hai tháng 6 và 7/1972, chỉ bắn rơi 9 máy bay địch, không có chiếc nào rơi tại chỗ. Vấn đề cấp bách đặt ra đối với các lực lượng phòng không Hải Phòng là phải có cách đánh phù hợp để vừa bảo vệ được mục tiêu, vừa tiêu diệt được địch. Chưa bao giờ phương châm, tư tưởng chỉ đạo tác chiến phòng không ở Hải Phòng bị thử thách gay gắt như thời gian này.

Cuối tháng 7/1972, Ban Quân sự Thành ủy cùng Thường vụ Đảng ủy Sư đoàn 363 họp phiên bất thường bàn về cách đánh. Hội nghị quyết định thành lập một tổ nghiên cứu địch, tìm cách đánh mới, do đồng chí Bùi Đăng Tự - Tư lệnh Sư đoàn, làm Tổ trưởng. Sau khi nghiên cứu tình hình mọi mặt, căn cứ vào phương hướng chỉ đạo do Ban Quân sự Thành ủy và Thường vụ Đảng ủy Sư đoàn 363 đề ra, tổ nghiên cứu đã đề nghị một phương án táo bạo. Đó là rút một phần lớn lực lượng của Sư đoàn ra khỏi các cụm chốt, tổ chức các trận phục kích đánh tập trung trên từng hướng máy bay thường bay qua nhằm tiêu diệt địch, bảo vệ Hải Phòng từ xa. Lực lượng còn lại của Sư đoàn, cùng lưới lửa phòng không của bộ đội địa phương và dân quân tự vệ, có nhiệm vụ chiến đấu tại chỗ và đón đánh các máy bay rải thủy lôi của địch. Quảng Ninh là địa bàn được Sư đoàn chọn để tổ chức trận đầu tiên theo cách đánh mới. Lực lượng gồm 3 tiểu đoàn tên lửa số 81, 84, 73 và 2 đại đội pháo cao xạ số 512, 174.

11 giờ 30 phút ngày 06/8/1972, một tốp máy bay Mỹ từ ngoài biển vượt lên hướng bắc, rồi vòng trở lại theo đường 18 lao xuống đánh Hải Phòng, qua đúng khu vực phục kích của cụm tác chiến tập trung. Một máy bay địch bị bắn rơi tại chỗ. Đây cũng là chiếc máy bay thứ 3.800 bị bắn rơi trên miền Bắc. Sau chiến thắng trên, Sư đoàn liên tiếp tổ chức nhiều trận đánh ở các địa bàn khác nhau. Khi cơ động lên phía bắc, khi bố trí ở phía tây, gần Hải Dương, khi thì co sát về thành phố, trận nào cũng bắn rơi máy bay địch tại chỗ.

Cùng phối hợp với lực lượng phòng không chủ lực, các trận địa phòng không của bộ đội địa phương và dân quân tự vệ cũng liên tục chiến đấu. Đặc biệt, lưới lửa phòng không tầm thấp của ta đã ngăn chặn có hiệu quả các máy bay làm nhiệm vụ thả thủy lôi của địch. Do đặc điểm địa hình, các luồng vận tải ven biển ở Hải Phòng đều khá hẹp, lại quanh co, uốn lượn, biên độ thủy triều lớn, gió mạnh. Nếu máy bay địch bay cao, với tốc độ lớn sẽ không thể bay đúng theo chiều của các luồng lạch, không thể thả thủy lôi đúng luồng. Vì vậy, mỗi khi tiến hành rải thủy lôi, chúng buộc phải bay tầm thấp. Lợi dụng đặc điểm địa hình và hạn chế nói trên của địch, ở Hải Phòng, ta tập trung bố trí các tổ đội săn máy bay bay tầm thấp dọc theo các luồng lạch. Mỗi khi máy bay địch xuất hiện là nổ súng mãnh liệt khiến chúng phải hốt hoảng đối phó, khó có thể thực hiện các thao tác kỹ thuật tiến hành rải thủy lôi chính xác. Theo số liệu ta quan sát, phát hiện, kết hợp với tài liệu phía Mỹ cung cấp khi đưa Biên đội đặc nhiệm 78 vào Hải Phòng tổ chức rà quét thủy lôi để “kéo cày trả nợ”, thì tỷ lệ thủy lôi địch thả đúng vị trí mong muốn rất thấp, chỉ đạt 1,4%¹.

1. Xem Hội Khoa học Lịch sử, Chi hội Lịch sử quân sự Hải Phòng: *Chống Mỹ phong tỏa vùng sông biển Hải Phòng, Sđd*, tr.85.

Trên vùng biển, sau chiến thắng mở đầu bắn cháy tàu khu trục Wordel CLG-18 (ngày 16/4), lực lượng bảo vệ vùng biển của thành phố được tăng cường gấp 2 lần, gồm các tiểu đoàn pháo trực thuộc Bộ Tư lệnh Sư đoàn 350, các phân đội pháo bờ biển của Trung đoàn 50 và của dân quân các xã Vinh Quang (Tiền Lãng), Đại Hợp (An Thụy). Ngày 09/5/1972, 6 tàu chiến (gồm 1 tàu tuần dương, 5 tàu khu trục) của địch tiến vào vùng biển Hải Phòng, bắn tên lửa và đạn pháo tăng tầm cỡ 152 ly, 203 ly vào các thôn, xã ven biển, hỗ trợ cho máy bay thả thủy lôi. Các trận địa pháo bờ biển của bộ đội, dân quân đánh trả mãnh liệt. Cuộc đấu pháo kéo dài 19 phút, 2 tàu địch bị bắn cháy. Ngày hôm sau, lợi dụng lúc nước triều cường, địch lại cho 6 tàu chiến áp sát hơn vào vùng biển của thành phố, bắn phá các làng xã ven biển và các trận địa pháo bờ biển của ta. Bộ đội và dân quân ta kịp thời nổ súng, bắn cháy 2 tàu địch. Ngày 27/8, quân và dân thành phố lại bắn cháy 2 chiếc nữa, trong đó có tàu tuần dương Newport - News - CA148.

Vận dụng kinh nghiệm chiến đấu trong bốn năm chống chiến tranh phá hoại lần thứ nhất và với lực lượng đông hơn, hỏa lực mạnh hơn, lực lượng phòng không ba thứ quân cùng các đơn vị pháo bờ biển bảo vệ Hải Phòng đã anh dũng đánh trả máy bay, tàu chiến địch, sáng tạo nhiều cách đánh mới, đối phó ngày càng có hiệu quả với những thủ đoạn đánh phá mới, với những vũ khí công nghệ cao, liên tục được cải tiến của đế quốc Mỹ. Tính từ ngày 16/4 đến ngày 22/10/1972, quân dân thành phố đã bắn rơi 38 máy bay địch (có 1 máy bay B.52), bắn cháy 7 tàu chiến, diệt và bắt sống một số giặc lái¹. Đây là những tháng ngày vô cùng căng thẳng, nhiều hy sinh, tổn thất nhưng cũng đầy hào

1. Xem Hội Khoa học Lịch sử, Chi hội Lịch sử quân sự Hải Phòng: *Hai lần đánh thắng chiến tranh phá hoại của đế quốc Mỹ tại Hải Phòng*, Sđd, tr.172.

hùng của quân dân thành phố. Vượt qua mưa bom, bão đạn và vòng vây phong tỏa dày đặc bằng thủy lôi của địch, quân dân Hải Phòng vẫn thực hiện được việc tiếp nhận hàng viện trợ của các nước anh em, nhanh chóng chuyển đi các địa phương và vào chiến trường, góp phần đẩy mạnh sự nghiệp kháng chiến chống Mỹ, cứu nước trên cả hai miền Nam - Bắc.

Trong điều kiện chiến tranh ác liệt, ngành công nghiệp phấn đấu giải quyết dứt điểm các vấn đề về địa điểm sản xuất, nguồn điện, nguyên vật liệu và các mặt hàng khác. Những cơ sở ở khu trọng điểm không di chuyển được thì tìm mọi cách bám trụ chiến đấu và sản xuất. Ngành cơ khí chuyển hướng sang sản xuất mặt hàng phục vụ quốc phòng và giao thông vận tải. Ngành công nghiệp địa phương sản xuất đạt 81% kế hoạch năm 1972 và bằng 94,6% năm 1971. Ngành giao thông vận tải trung ương và địa phương tập trung mọi lực lượng, phương tiện bảo đảm cho hoạt động của cảng và các tuyến giao thông vận tải. Ngành thương nghiệp triển khai rộng rãi mạng lưới phục vụ đồng bào, công nhân, học sinh ở nơi sơ tán. Ngành y tế tăng cường thêm các tổ cứu thương, các trạm cấp cứu, bệnh viện dã chiến để khám, chữa bệnh, cấp cứu cho bộ đội, tự vệ và nhân dân. Các trường học nhanh chóng chuyển ra khỏi nội thành, xây dựng thêm 1.000 phòng học, bảo đảm khai giảng năm học mới đúng thời gian quy định (ngày 15/8/1972). Các hoạt động thông tin, văn hóa - văn nghệ, thể dục, thể thao cũng kịp thời chuyển hướng phục vụ đời sống nhân dân.

Nhiều người nước ngoài, trong đó có nhà báo Mỹ Risót Đốtman, có mặt trong những ngày Hải Phòng bị đánh phá phong tỏa ác liệt nhất, gât gao nhất. Từ Việt Nam trở về Mỹ, trong bài viết cho báo *Diễn đàn thông tin quốc tế*, ngày 03/10/1972, R. Đốtman đã nhận xét: “Cảm tưởng bao trùm của tôi sau hai tuần quan sát ở Hà Nội, Hải Phòng và đi suốt 1.200 kilômét khắp

Bắc Việt Nam là Bắc Việt Nam sẵn sàng và có thể chiến đấu hầu như không có giới hạn. Chắc chắn là việc ném bom nặng nề và liên tiếp Bắc Việt Nam của Chính phủ Níchxơn bắt đầu từ tháng 4/1972 đã không ngăn cản được sự sản xuất và phân phối những hàng cần thiết và rõ ràng không làm suy yếu tinh thần của Bắc Việt Nam. Ném bom đã đủ để gây ra đau khổ chết chóc cho hàng ngàn dân thường, nhưng còn xa mới đạt được mục đích quân sự và làm tan vỡ khả năng chiến đấu, tàn phá nền kinh tế hoặc thủ tiêu ý chí tiếp tục chiến đấu của Bắc Việt Nam”¹.

2. Góp phần đánh bại cuộc tập kích đường không bằng máy bay chiến lược B.52 của đế quốc Mỹ

Sau thất bại trong phong tỏa cảng Hải Phòng và vùng biển miền Bắc, từ ngày 18 đến rạng sáng ngày 30/12/1972, đế quốc Mỹ đã huy động đến mức cao nhất sức mạnh của không quân chiến lược và không quân chiến thuật thuộc hai Quân chủng Không quân và Hải quân, mở cuộc tập kích chiến lược vào thủ đô Hà Nội, thành phố Hải Phòng và một số địa phương trên miền Bắc.

Trong 12 ngày đêm, chúng đã sử dụng 729 lần chiếc B.52, 3.920 lần chiếc máy bay cường kích chiến thuật², trút hàng vạn tấn bom đạn xuống các bệnh viện, trường học, khu phố đông dân nhằm hủy diệt tiềm lực kinh tế và quốc phòng, buộc nhân dân ta phải khuất phục. “Đây là bước phiêu lưu quân sự mới của đế quốc Mỹ trong cuộc chiến tranh xâm lược nước ta, một cuộc tập kích bằng máy bay chiến lược quy mô lớn chưa từng có trong lịch sử chiến tranh của nhân loại”. B.52 là loại máy bay ném bom chiến

1. Văn Tập: *Chiến tranh Việt Nam và kinh tế Mỹ*, Nxb. Khoa học xã hội, Hà Nội, 1973, tr.233.

2. Thành ủy - Ủy ban nhân dân thành phố Hà Nội, Viện Lịch sử quân sự Việt Nam: *Chiến thắng B.52*, Nxb. Quân đội nhân dân, Hà Nội, 1997, tr.362.

lược, được sản xuất từ năm 1952, cùng với tên lửa đạn đạo, tàu ngầm hạt nhân, là bộ ba vũ khí chiến lược của Mỹ. Qua nhiều lần cải tiến, đến cuối năm 1972, mỗi máy bay B.52 đã trở thành một trung tâm tác chiến điện tử với 19 máy gây nhiễu tích cực và tiêu cực. Mỗi chiếc B.52 được ví như “một kho bom lưu động trên không”, có thể mang tới 30 tấn bom. Mỗi tốp B.52 (3 chiếc) có thể rải thảm từ 60 đến 90 tấn bom trên một diện rộng, có thể thay thế cho từ 120 đến 200 máy bay ném bom chiến thuật đánh phá vào một khu vực, hiệu quả lại cao hơn. Với sức mạnh tàn phá to lớn của nó, đế quốc Mỹ cho rằng chỉ cần mở chiến dịch tập kích trong 3 ngày cũng đủ phá hủy Hà Nội, Hải Phòng và một số trung tâm công nghiệp của miền Bắc¹.

Lực lượng phòng không chủ lực bảo vệ Hải Phòng có Sư đoàn phòng không 363, gồm 2 trung đoàn tên lửa, 2 trung đoàn pháo cao xạ. Ngoài ra, còn có lực lượng phòng không của Quân chủng Hải quân, Quân khu Tả ngạn, Bộ Tư lệnh Sư đoàn 350, Công an nhân dân vũ trang và dân quân tự vệ. Đêm 18/12/1972, đế quốc Mỹ huy động 90 lần chiếc B.52 cùng hàng trăm lần chiếc máy bay chiến thuật mở đầu cuộc tập kích chiến lược bằng đường không vào Hà Nội, Hải Phòng. 19 giờ 01 phút, 7 tốp cường kích gồm 26 chiếc A6, A7, F4H thay nhau đánh phá ở nhiều điểm cả ở nội và ngoại thành Hải Phòng. Máy bay địch đều bay tầm thấp dưới 1.000m dọc theo các dòng sông Văn Úc, Cửa Cấm, Lạch Tray, vào hướng này, ra hướng khác trong màn nhiễu dày đặc. Thời gian giãn cách giữa 2 tốp chừng từ 5 đến 7 phút, đánh cùng lúc vào nhiều mục tiêu. Hoạt động của địch lặp đi lặp lại 6 đợt trong một đêm. Cả thành phố thức trắng, căng thẳng kéo dài.

1. Xem Thành ủy - Ủy ban nhân dân thành phố Hà Nội, Viện Lịch sử quân sự Việt Nam: *Chiến thắng B.52*, *Sđd*, tr.66.

Do địch đánh đêm, lại tăng cường gây nhiễu nên các đài radar của ta gặp nhiều khó khăn trong phát hiện mục tiêu. Các trạm quan sát bằng mắt của quân dân tự vệ chưa kịp định hướng, máy bay địch đã vọt qua đầu. Các cỡ súng phòng không chỉ bắn ước lượng vì không nhận rõ máy bay địch. Đạn phòng không rực sáng cả bầu trời song không có chiếc máy bay nào bị bắn rơi. Chỉ có trung đội du kích tập trung của huyện Vĩnh Bảo tổ chức phục kích đón lõng trên hướng máy bay địch bay ra biển, bắn rơi được 1 chiếc.

Trước tình hình địch thay đổi thủ đoạn đánh phá, đặc biệt là tăng cường khí tài điện tử gây nhiễu, Bộ Tư lệnh Sư đoàn Phòng không 363 và Bộ Tư lệnh Sư đoàn 350 đã kịp thời chỉ đạo các đơn vị nhanh chóng điều chỉnh, bố trí lại lực lượng, xây dựng phương án bắn máy bay địch bay thấp ban đêm. Lực lượng phòng không của bộ đội địa phương và dân quân tự vệ được tập trung thành từng cụm hỏa lực mạnh. Mỗi cụm hỏa lực có nhiều loại vũ khí khác nhau nhưng cùng hướng theo làn đạn vạch đường của bộ đội phòng không chủ lực, đồng loạt nổ súng theo cự ly và hướng bay của mục tiêu đã xác định.

Từ đêm 19 đến ngày 21/12, phối hợp chiến đấu với quân dân thủ đô, quân dân Hải Phòng bắn rơi 12 máy bay Mỹ, diệt và bắt sống một số giặc lái. Trước khả năng Mỹ sẽ dùng B.52 bắn phá thành phố, Thành ủy, Ủy ban hành chính thành phố quyết định tạm ngừng sản xuất ở nội thành. Tất cả công nhân, viên chức không có nhiệm vụ chiến đấu và phục vụ chiến đấu được nghỉ từ 3 đến 5 ngày để sơ tán. Nhân dân ở vùng gần sân bay, kho tàng, trận địa tên lửa, cao xạ và một số xã ven đường 5 cũng phải sơ tán triệt để. Riêng trong nội thành, đến chiều ngày 22/12, hơn 3 vạn người đã được sơ tán, đưa tổng số người sơ tán ra khỏi thành phố lên tới hơn 25 vạn người. Chỉ còn lại gần 2 vạn người làm nhiệm vụ phục vụ chiến đấu và chiến đấu. Ngày và đêm 22/12,

nhiều tốp máy bay Mỹ hoạt động ngoài biển chủ yếu rải thủy lôi và uy hiếp, đánh phá các tàu thuyền. Trong đất liền hầu như yên tĩnh. Bộ Tư lệnh Sư đoàn Phòng không 363 và Bộ Tư lệnh Sư đoàn 350 nhận định: đây có thể là hoạt động nghi binh của địch chuẩn bị cho những trận đánh phá mới ác liệt hơn.

4 giờ sáng ngày 23/12, Sở chỉ huy Phòng không thành phố phát tín hiệu B1 báo động máy bay B.52 đang bay vào vùng trời Hải Phòng. Chỉ mấy phút sau, tiếng gầm rít của máy bay địch đã xé tan màn đêm. Sau khi kiểm tra, bằng nhiều biện pháp, Bộ Tư lệnh Sư đoàn Phòng không 363 khẳng định đây là những tốp B.52 “giả”. Các trận địa đều không phóng đạn. Cuộc đấu trí diễn ra căng thẳng. Trong vòng 30 phút, 9 tốp B.52 “giả” lần lượt bay vào vùng trời Hải Phòng rồi lại vòng ra biển. Không một quả bom nổ. Không một tiếng súng bắn. Thủ đoạn nham hiểm của địch, dựa vào kỹ thuật điện tử nhằm đánh lừa mạng radar của ta, làm cho bộ đội tên lửa của ta tiêu phí đạn, bộc lộ trận địa để B.52 “thật” vào đánh đã bị thất bại. 4 giờ 30 phút, nhiều tốp máy bay chiến thuật của địch lao vào bắn phá các trận địa tên lửa, cao xạ, sân bay của ta. Đến 4 giờ 45 phút, 24 lần chiếc B.52 cùng 30 máy bay chiến thuật lao vào đánh phá Hải Phòng. Các khu vực Thượng Lý, chợ Sắt, cầu Quay, cầu Treo, các cơ sở công nghiệp và khu dân cư từ cầu Hạ Lý qua Nhà máy Xi măng đến Sở Dầu và xã Lâm Động, cảng Vật Cách bị hàng trăm tấn bom B.52 tàn phá. Từ cầu Hạ Lý đến xã Hùng Vương, vệt bom của địch kéo dài 4km. Từ cầu Niệm tới cầu Xe Lửa, vệt bom dài hơn 2km. Do chủ động phòng tránh tốt nên ta đã hạn chế được tổn thất. Riêng khu dân cư trọng điểm Hạ Lý bị trúng tới 250 quả bom của địch, nhưng không có thương vong lớn. Mặc dù bị nhiều rất nặng, các đài radar, các trận địa tên lửa, pháo cao xạ tầm cao bảo vệ thành phố đã “nhận diện” đúng B.52, phóng đạn chính xác. Bằng 18 quả đạn, các đơn vị tên lửa của Sư đoàn phòng không 363 đã tiêu

diệt 2 máy bay B.52. Đây là hai chiếc máy bay thứ 313 và 314 bị bắn rơi trên vùng trời Hải Phòng và là hai chiếc thứ 800 và 801 bị bắn rơi ở Quân khu Tả ngạn.

Sau một tuần sử dụng máy bay chiến lược B.52 đánh phá Hà Nội, Hải Phòng và một số địa phương khác, đế quốc Mỹ bị thiệt hại nặng nề. Để củng cố, bổ sung lực lượng, ổn định tinh thần giặc lái và xoa dịu dư luận, nhân dịp lễ Nôen, Níchxơn ra lệnh tạm ngừng ném bom kể từ 24 giờ ngày 24/12/1972. Đêm 26/12/1972, chúng lại huy động 105 lần chiếc B.52 và hàng trăm lần chiếc máy bay chiến thuật đánh đồng loạt vào ba khu vực Hà Nội, Hải Phòng, Thái Nguyên. Đây là trận đánh then chốt trong chiến dịch tập kích chiến lược đường không của địch. Sở Chỉ huy Phòng không thành phố phát lệnh báo động B.52 lúc 22 giờ 10 phút. 20 phút sau, 24 lần chiếc B.52 nối nhau bay vào ném xuống thành phố hàng ngàn quả bom các loại. Xen giữa các đợt ném bom của B.52 là các đợt ném bom bắn phá của máy bay cường kích chiến thuật. Phố Cầu Đất, Nhà hát thành phố, 4 tiểu khu thuộc khu phố Hồng Bàng, 7 tiểu khu thuộc khu phố Lê Chân, Nhà máy Xi măng, Sở Dầu, Cảng mới, Nhà máy Đóng tàu Bạch Đằng... nằm trong vệt bom. Nhiều khu dân cư, nhà trẻ, trường học, bệnh viện bị san phẳng. Các xã Đồng Tiến, Hùng Vương (huyện An Hải), Lâm Động (Thủy Nguyên)... bị hàng trăm quả bom. Có nơi như thôn Cái Tắt, địa hình hoàn toàn thay đổi do bị trúng hơn 300 quả bom các loại.

Lực lượng phòng không ba thứ quân ở Hải Phòng, nòng cốt là các trung đoàn tên lửa thuộc Sư đoàn Phòng không 363, đã anh dũng, ngoan cường chiến đấu, bắn rơi 2 pháo đài bay B.52, góp phần cùng quân dân thủ đô Hà Nội và thành phố Thái Nguyên lập chiến công giòn giã trong trận đánh then chốt đêm 26/12, bắn rơi 18 máy bay các loại, trong đó có 8 chiếc B.52 (5 chiếc rơi tại chỗ) tiêu diệt và bắt sống nhiều giặc lái. Các đêm 27, 28, 29/12,

giặc Mỹ còn tiếp tục cho B.52 đánh phá Hà Nội, Thái Nguyên, Lạng Sơn, máy bay chiến thuật đánh phá Hải Phòng và nhiều địa phương khác. Đêm 27/12, Tiểu đoàn 72 tên lửa Hải Phòng, vừa mới được tăng cường lên bảo vệ Hà Nội, đã bắn rơi 1 máy bay B.52. Chiếc máy bay B.52 này rơi ngay bên đường Hoàng Hoa Thám, đầu làng hoa Ngọc Hà.

Bị tổn thất nặng nề, 7 giờ sáng ngày 30/12/1972, Tổng thống Mỹ Níchxơn buộc phải tuyên bố chấm dứt ném bom miền Bắc từ vĩ tuyến 20 trở ra, đề nghị họp lại Hội nghị Pari, chấp nhận ký kết Hiệp định về chấm dứt chiến tranh, lập lại hòa bình ở Việt Nam theo những nội dung cơ bản trong dự thảo hiệp định mà phía Việt Nam đưa ra ngày 08/10/1972... Sát cánh chiến đấu với quân dân thủ đô Hà Nội và các địa phương khác, trong suốt 12 ngày đêm cuối năm 1972, quân dân Hải Phòng đã dũng cảm chiến đấu, tổ chức phòng tránh tốt, đánh thắng oanh liệt cuộc tập kích đường không chiến lược của đế quốc Mỹ. Riêng ở Hải Phòng, quân và dân thành phố đã bắn rơi 17 máy bay các loại của địch, trong đó có 4 máy bay B.52, 1 chiếc F111, diệt và bắt nhiều giặc lái, góp phần cùng quân dân thủ đô Hà Nội làm nên *“trận Điện Biên Phủ trên không”* chưa từng có trong lịch sử. Chiến thắng đó đã đánh bại những cố gắng cuối cùng của đế quốc Mỹ, buộc chúng phải chấm dứt hoàn toàn cuộc chiến tranh phá hoại đối với miền Bắc.

Thắng lợi của quân dân Hải Phòng trong cuộc chiến tranh phá hoại và phong tỏa lần thứ hai của đế quốc Mỹ là hết sức to lớn và toàn diện, có ý nghĩa chiến lược, đã góp phần xứng đáng cùng quân dân cả nước giành thắng lợi có ý nghĩa quyết định, tạo nên sự chuyển biến mới của cuộc kháng chiến, buộc đế quốc Mỹ phải ký Hiệp định Pari về chấm dứt chiến tranh, lập lại hòa bình ở Việt Nam.

IV- KHÔI PHỤC KINH TẾ, ỔN ĐỊNH ĐỜI SỐNG NHÂN DÂN, DỐC SỨC CHI VIỆN CHIẾN TRƯỜNG, CÙNG QUÂN VÀ DÂN CẢ NƯỚC HOÀN THÀNH SỰ NGHIỆP GIẢI PHÓNG MIỀN NAM, THỐNG NHẤT ĐẤT NƯỚC (1973 - 1975)

1. Khôi phục kinh tế, ổn định đời sống nhân dân

Ngày 27/01/1973, Hiệp định Pari về chấm dứt chiến tranh, lập lại hòa bình ở Việt Nam được ký kết. Sau hơn 18 năm tiến hành chiến tranh xâm lược, trong đó có 8 năm huy động lực lượng lớn quân Mỹ, quân đồng minh tham chiến và hai lần gây chiến tranh phá hoại miền Bắc bằng không quân và hải quân, đế quốc Mỹ đã buộc phải ký Hiệp định, thừa nhận độc lập, chủ quyền và toàn vẹn lãnh thổ của Việt Nam, cam kết chấm dứt dính líu về quân sự, rút hết quân Mỹ và đồng minh ra khỏi miền Nam, chấm dứt hoàn toàn chiến tranh phá hoại miền Bắc.

Chiều ngày 28/01/1973, hơn 5 vạn nhân dân và các lực lượng vũ trang thành phố dự cuộc mít tinh trọng thể tổ chức tại quảng trường Nhà hát thành phố, nhiệt liệt chào mừng thắng lợi vĩ đại của dân tộc. Ngày 05/02/1973, Thành ủy, Ủy ban hành chính thành phố tổ chức Hội nghị tổng kết kinh nghiệm chiến đấu chống chiến tranh phá hoại lần thứ hai của đế quốc Mỹ. Hội nghị quyết định phát động phong trào thi đua yêu nước, động viên nhân dân và các lực lượng vũ trang toàn thành phố phát huy truyền thống “*Trung dũng - Quyết thắng*” của thành phố cảng, nhanh chóng khắc phục hậu quả chiến tranh, khôi phục kinh tế và phát triển văn hóa, tích cực chi viện sức người, sức của cho chiến trường, cùng cả nước hoàn thành sự nghiệp thống nhất đất nước.

Thời gian này, thành phố Hải Phòng trở nên sôi động vừa tập trung rà phá, tháo gỡ bom mìn, vừa nhanh chóng khôi phục sản xuất và ổn định đời sống nhân dân. Công tác rà phá thủy lôi, bom mìn trên các tuyến đường, luồng lạch nhằm giải tỏa cảng,

khôi phục mạng lưới giao thông thủy bộ được tập trung cao. Tại các luồng sông và vùng ven biển, từ cửa sông Thái Bình qua bến phà Quý Cao đến cống An Thổ (huyện Tứ Kỳ, tỉnh Hải Hưng); từ cửa sông Văn Úc đến bến phà Khuể, Tiên Cựu và vùng ven sông Mới (huyện Tiên Lãng); từ khu vực Thượng Lý, Nhà máy Xi măng đến khu Cầu Tre, cầu Rào, cầu Niệm... các đội rà phá bom mìn của bộ đội và dân quân tự vệ ngày đêm làm nhiệm vụ.

Tiểu đoàn 15 công binh được Bộ Tư lệnh Quân khu điều động đến vùng cửa sông Lục Đầu, từ cuối năm 1972. Sau khi hoàn thành nhiệm vụ rà quét bom mìn, giải tỏa giao thông ở khu vực này, tiểu đoàn trở về thành phố, tham gia phá thủy lôi ở vùng Quần Mọc, Đông Tác, Bàng La, đồi Độc (Đồ Sơn). Tiểu đoàn tự vệ Ty Bảo đảm hàng hải tham gia rà phá thủy lôi giải tỏa luồng vận chuyển ven biển từ Quảng Ninh về Hải Phòng và từ Hải Phòng đi các tỉnh Quân khu 4. Ngày 02/01/1973, chỉ ba ngày sau khi đế quốc Mỹ phải chấm dứt cuộc tập kích chiến lược đường không vào Hà Nội, Hải Phòng, tuyến Cẩm Phả - Hải Phòng đã được giải tỏa. Đây là tuyến chính vận tải than từ Quảng Ninh đi các địa phương miền Bắc. Luồng Vĩnh Thực - Hải Phòng cũng nhanh chóng được khai thông. Đội công binh của Lữ đoàn tự vệ cảng tích cực tham gia cùng các đơn vị công binh Hải quân và Cục Vận tải biển rà đi quét lại luồng vào cảng và khu vực cảng. Cho đến hết năm 1972, trên luồng Nam Triệu vẫn còn nhiều quả thủy lôi do bị chìm quá sâu và bị phù sa phủ ngày càng dày, chưa phá được. Ty Bảo đảm hàng hải phải dùng máy dò siêu âm của Viện Thiết kế máy - Cục Đường biển để phát hiện, tìm cách phá được 17 quả. Ngày 18/01/1973, các đơn vị rà quét lần cuối và thông luồng Nam Triệu. 10 giờ 15 phút ngày 05/02/1973, được các tàu Hải quân và tàu Việt Bảo của Công ty Đường biển Việt Nam đi trước dẫn đường, 5 tàu lớn của Liên Xô, Cuba, có tàu trọng tải trên 1 vạn tấn, đã theo luồng Nam Triệu vào cảng Hải Phòng an toàn.

Theo Nghị định thư được ký kết kèm theo văn bản Hiệp định Pari, phía Mỹ có trách nhiệm rà phá bom mìn đã thả xuống các cảng, vùng ven biển và các luồng sông của miền Bắc. Ngày 06/02/1973, Biên đội đặc nhiệm 78 của Mỹ, làm nhiệm vụ rà quét mìn thủy lôi, gồm 5.003 sĩ quan, binh lính, 44 tàu chiến và tàu quét mìn, 45 máy bay lên thẳng và nhiều phương tiện kỹ thuật khác, đến vùng biển Hải Phòng. Chính phủ thành lập Ban đại diện làm nhiệm vụ đấu tranh buộc phía Mỹ thực hiện nghiêm chỉnh Nghị định thư về vớt mìn. Thượng tá Hoàng Hữu Thái, Phó Tư lệnh Quân chủng Hải quân, được cử làm Trưởng đoàn đại diện của Chính phủ. Trung ương Đảng và Quân ủy Trung ương giao nhiệm vụ cho Bộ Tư lệnh Hải quân, Bộ Tư lệnh Quân khu 3, Bộ Tư lệnh Sư đoàn 350 kiểm tra, giám sát mọi hoạt động của lực lượng Mỹ ở khu vực Hải Phòng.

Ngày 18/7/1973, Mỹ tuyên bố hoàn thành việc rà quét mìn và rút Biên đội đặc nhiệm 78 ra khỏi vùng biển miền Bắc. Mấy ngày sau, phía Mỹ trao cho ta 10 bản thông cáo về kết quả rà phá mìn trên 10 luồng: Hải Phòng, Nam Triệu, Lạch Huyện, Hòn Gai, Cẩm Phả, Cửa Hội, Cửa Sốt, Sông Gianh, Hòn La, Quang Hưng. Huy động một lực lượng đặc nhiệm đông trên 5.000 người và những phương tiện rất hiện đại, đi thực hiện công việc mà báo chí phương Tây gọi là “kéo cày trả nợ”, trong 5 tháng liền, phía Mỹ chỉ phá nổ được 3 quả thủy lôi ngoài luồng Nam Triệu. Tổn thất của Mỹ khá nặng: 1 tàu vớt mìn bị cháy, 3 máy bay lên thẳng bị rơi, nhiều khí tài dụng cụ phá mìn bị hỏng, 1 lính chết, 9 lính bị thương. Mỹ không thực hiện được ý đồ phô trương thanh thế, khoe khoang kỹ thuật hiện đại mà còn bị bẽ mặt trước nhân dân Việt Nam và nhân dân thế giới. Sĩ quan, binh lính thuộc Biên đội đặc nhiệm 78, được tiếp xúc với nhân dân và lực lượng rà phá bom mìn của ta, đã biểu thị thái độ khâm phục tinh thần

anh dũng, mưu trí, kỹ thuật rà phá thủy lôi rất sáng tạo, có hiệu quả của nhân dân và quân đội Việt Nam.

Nhân dân và các lực lượng vũ trang Hải Phòng đã tỏ rõ bản lĩnh của một dân tộc chiến thắng trong cuộc đấu tranh với địch; đã trực tiếp tham gia cùng bộ đội Hải quân buộc địch phải thực hiện những điều đã cam kết. Kết thúc đợt công tác, Chủ tịch nước Tôn Đức Thắng gửi lẵng hoa tặng đội trinh sát của Công an thành phố. Đồng chí Bộ trưởng Bộ Nội vụ gửi điện khen “quân và dân Hải Phòng đã làm tốt công tác đấu tranh với phái đoàn quân sự Hoa Kỳ”.

Trên thực tế, không chờ Mỹ đưa lực lượng đến rà phá, nhân dân và các lực lượng vũ trang Hải Phòng đã hoàn toàn chủ động trong nhiệm vụ phá thủy lôi, tìm ra nhiều cách và sáng tạo nhiều phương tiện rà phá có hiệu quả. Giữa tháng 3/1973, được Bộ Quốc phòng ủy nhiệm, Bộ Tư lệnh Hải quân tổ chức hội nghị hiệp đồng các lực lượng tham gia rà quét thủy lôi. Hội nghị đề ra mục tiêu quét sạch, giải quyết triệt để, không để sót một quả thủy lôi, bom mìn chưa nổ nào trên các luồng vận chuyển. Mỗi đơn vị được phân công rà quét trên một khu vực, bảo đảm phá hết thủy lôi và thực hiện việc kiểm tra những khu vực nghi ngờ có thủy lôi chưa nổ, dẫn đường, hộ tống các tàu vận tải vào cảng. Đến cuối tháng 6/1973, việc rà phá thủy lôi địch trên các luồng sông và vùng ven biển miền Bắc cơ bản hoàn thành. Sau khi quét hết thủy lôi, luồng Nam Triệu đã được nạo vét, mở rộng. Các luồng lạch khác trên địa bàn thành phố cũng được khơi thông. Tàu thuyền qua lại an toàn. Đây là một thắng lợi lớn về chính trị, quân sự, ngoại giao, tạo điều kiện cho quân và dân Hải Phòng nhanh chóng hoàn thành khôi phục kinh tế, xây dựng lại thành phố.

Khôi phục sản xuất được triển khai khẩn trương. Cùng cố quan hệ sản xuất xã hội chủ nghĩa, thành phố chỉ đạo mở Đại hội công nhân, viên chức và ký kết hợp đồng tập thể giữa

giám đốc và công đoàn, dưới sự lãnh đạo của cấp ủy đảng trong các nhà máy, xí nghiệp. Nhà máy Điện Thượng Lý nhanh chóng hoàn thành việc sửa chữa mạng lưới điện, bảo đảm điện phục vụ sản xuất và đời sống nhân dân. Nhà máy Nước sửa chữa xong đường dẫn nước An - Kim - Hải và đường ống dẫn nước ngọt Ông Bí - Thủy Nguyên - Hải Phòng. Nhà máy Xi măng bị thiệt hại nặng nề trong các trận đánh phá của không quân Mỹ, nhưng với tinh thần lao động quên mình của cán bộ, công nhân, nên chỉ trong quý I năm 1973, 4 lò nung trong tổng số 7 lò nung đã hoạt động trở lại. Năm 1973, nhà máy sản xuất được 205.081 tấn xi măng chất lượng cao. Nhiều nhà máy, xí nghiệp của Trung ương cũng nhanh chóng phục hồi sản xuất trước thời hạn. Hai năm 1974 - 1975, công nghiệp trung ương trên địa bàn hoàn thành vượt mức kế hoạch. Nhiều cơ sở đạt kế hoạch khá cao. Năm 1975 so với năm 1971: Nhà máy Đóng tàu Bạch Đằng đạt sản lượng đóng mới tăng gấp 5 lần. Nhà máy Thủy tinh sản xuất 8.600 tấn sản phẩm tốt, tăng 18 lần. Nhà máy Len đạt 132 tấn, tăng 30%. Nhà máy Sắt tráng men đạt 3.600.000 sản phẩm, tăng gấp 2 lần. Nhà máy Xi măng năm 1974 sản xuất 132.090 tấn, năm 1975 đạt 339.090 tấn. Đặc biệt, năm 1975, nhà máy đã sản xuất được 6.000 tấn xi măng P600 phục vụ xây dựng Lăng Chủ tịch Hồ Chí Minh.

Các xí nghiệp công nghiệp địa phương và hợp tác xã tiểu thủ công nghiệp cũng nhanh chóng được phục hồi và đi vào sản xuất. Ngành cơ khí được thành phố chú trọng đầu tư để phục vụ kịp thời cho sản xuất nông nghiệp, xây dựng cơ bản, giao thông vận tải, tiêu dùng và hàng xuất khẩu. Những cơ sở bị thiệt hại nhiều như Xí nghiệp đúc Tân Long, gỗ Hiệp Hưng, 23-9... sớm ổn định sản xuất và đời sống. Xí nghiệp thảm len tổ chức Hội thi “*Bàn tay vàng*” khuyến khích thợ giỏi, sáng tạo nhiều mẫu hàng đẹp, thu hút nhiều bạn hàng nước ngoài đặt hàng. Xí nghiệp nhận thêm lao động và mở lớp dạy nghề cho công nhân mới. Nghề dệt thảm

len đã vươn tới một số huyện ngoại thành, tạo thêm việc làm cho hàng nghìn thanh niên nông thôn.

Cùng với việc phá mìn khơi thông các tuyến đường sông và luồng vận tải ven biển, hệ thống giao thông đường sắt, đường bộ cũng được khôi phục. Cầu xe lửa Tam Bạc thông xe ngày 04/3, trước thời hạn 7 ngày. Cầu Niệm, cầu Rào, cầu Xi Măng trên quốc lộ 5, quốc lộ 14, quốc lộ 10 và nhiều cầu trên các tuyến đường khác, bị địch đánh sập trong năm 1972, cũng nhanh chóng được sửa chữa. Thành phố xúc tiến làm đường xuyên đảo Cát Bà. Ngành vận tải tập trung vận chuyển than, lương thực, phân bón, nhiên liệu, vật liệu xây dựng... phục vụ khôi phục sản xuất và ổn định đời sống nhân dân. Năm 1973, toàn ngành vận tải địa phương đã vận chuyển 2.600.000 tấn hàng hóa. Năm 1975, thành phố khởi công xây dựng cầu Rào, cầu Rế (huyện An Hải), sửa chữa cầu Minh Đức (huyện Thủy Nguyên); hoàn thành các cầu Trung Lập, Trang Quán, Kiến Thiết, Hòa Nghĩa. Các tuyến đường liên xã, huyện tiếp tục được tu sửa, mở rộng. Tuyến đường thủy Hải Phòng - Cát Bà được khôi phục. Vận tải hành khách, hàng hóa đạt chỉ tiêu kế hoạch. Cảng Hải Phòng đón nhiều tàu nước ngoài, hoàn thành kế hoạch nhà nước được giao.

Sau chiến tranh, việc sửa chữa và xây dựng nhà ở, xí nghiệp, trường học, bệnh viện... trở thành nhu cầu cấp bách. Năm 1973, thành phố đầu tư 60.504.000 đồng cho các dự án xây dựng và sửa chữa công trình. Nhà máy Gạch Tiên Hội, công suất 20 triệu viên/năm, được khởi công xây dựng. Chỉ trong tháng 01/1973, thành phố đã đầu tư sửa chữa 23 trường học, làm tạm 57 trường học, sửa chữa 872 nhà, với tổng diện tích 61.800m², xây dựng 180 căn nhà lắp ghép ở các khu Đồng Quốc Bình, Cầu Tre, Cát Bi. Các gia đình bị nạn được thành phố trợ cấp gạo và vật liệu xây dựng. Đặc biệt, nhân dân ngoại thành, với tinh thần “lá lành đùm lá rách”, đã giúp đồng bào nội thành tre, nứa, gỗ và

hàng chục ngàn ngày công san lấp hố bom, dựng lại hơn 1.000 căn nhà bị bom Mỹ phá sập. Riêng tiểu khu Cầu Tre được nhân dân huyện An Thủy xây dựng giúp 249 căn nhà. Nhờ tình nghĩa đó, bà con tiểu khu đã kịp có nơi thờ cúng tổ tiên và đón tết cổ truyền của dân tộc.

Ngành nông nghiệp sau chiến tranh đẩy mạnh việc áp dụng các tiến bộ kỹ thuật. Thủy lợi vẫn được coi trọng hàng đầu. Các đội chuyên về thủy lợi được củng cố. Thành phố tích cực cải tạo những khu vực chua mặn mới khai phá, từng bước hình thành các vùng kinh tế mới như Gia Minh (Thủy Nguyên), Vinh Quang, Chấn Hưng (Tiên Lãng), Trấn Dương (Vĩnh Bảo), đường 14 (An Thủy - Đồ Sơn) và Phù Long (Cát Hải). Đảng bộ và chính quyền các cấp tập trung đầu tư nhằm từng bước đưa sản xuất nông nghiệp lên 3 vụ chính một năm. Nhưng vụ mùa năm 1973, nhiều trận bão lớn xảy ra làm đổ hàng nghìn ngôi nhà, hàng nghìn hecta lúa màu bị hỏng do úng lụt. Sau bão, Thành ủy, Ủy ban hành chính thành phố tập trung chỉ đạo khắc phục hậu quả và tăng cường công tác phòng, chống bão lụt. Trong ba tháng đầu năm 1973, toàn thành phố đắp được 523.550m³ đê. Huyện Thủy Nguyên đào 4 kênh lớn phục vụ tưới tiêu cho 475ha. Thành ủy chỉ đạo thực hiện Chỉ thị số 208-CT/TW và Chỉ thị số 209-CT/TW của Ban Bí thư Trung ương Đảng về “tổ chức lại sản xuất và cải tiến một bước về quản lý...” trong các hợp tác xã nông nghiệp. Trong hai năm 1974 - 1975, thành phố đầu tư cho nông nghiệp tăng 28,4% so với 2 năm trước, tập trung tiếp tục cải tiến quản lý, đưa 114 hợp tác xã lên thành 40 hợp tác xã bậc cao, quy mô toàn xã. Ban Thường vụ Thành ủy chỉ đạo triển khai phân vùng và quy hoạch sản xuất nông nghiệp trên địa bàn từng huyện, thực hiện chủ trương công nghiệp phục vụ nông nghiệp và đẩy mạnh công tác hoàn chỉnh thủy nông. Các vùng chuyên canh rau, màu, thực phẩm bước đầu hình thành. Công tác thủy nông đạt kết quả tích cực, được Chính phủ tặng Cờ luân lưu khá nhất miền Bắc.

Năm 1975, năng suất lúa toàn thành phố đạt 48 tạ/ha. Các huyện Vĩnh Bảo, Thủy Nguyên, thị xã Kiến An và 106 hợp tác xã của các huyện khác đạt chỉ tiêu 5 tấn thóc/ha. Thành phố hoàn thành nghĩa vụ lương thực, thực phẩm đối với Nhà nước.

Thực hiện chủ trương đưa chăn nuôi trở thành ngành sản xuất chính trong nông nghiệp là mục tiêu phấn đấu của các hợp tác xã nông nghiệp, trước hết là chăn nuôi lợn, tổng số lợn đầu năm 1973 của thành phố là 187.829 con. Thành phố mở hướng mới trong chăn nuôi: giao lương thực cho các hộ gia đình và thu mua lợn theo định lượng. 7 cơ sở thí điểm chế biến thức ăn gia súc tại các hợp tác xã Tú Đôi, Đông Nham, Nãi Sơn (huyện An Thụy), Phục Lễ (huyện Thủy Nguyên), Thống Nhất, Tri Yếu (huyện An Hải), Cổ Am (huyện Vĩnh Bảo) được xây dựng. Xí nghiệp chế biến thức ăn gia súc, trạm thụ tinh lợn lai ở Ninh Hải, An Tràng (An Thụy) được xây dựng và đi vào hoạt động. Ngành đánh cá biển bị thiệt hại lớn về tàu thuyền, ngư cụ do bom đạn Mỹ (1.450 tấn phương tiện bị phá hủy, chiếm 20% tổng số thuyền đánh cá). Thành ủy, Ủy ban hành chính thành phố chủ trương đưa nghề đánh bắt hải sản phát triển nhanh, đúng với khả năng và thế mạnh vốn có của Hải Phòng, quan tâm củng cố các hợp tác xã đánh cá, từng bước cơ giới hóa và điều chỉnh tiêu chuẩn lương thực nhằm động viên ngư dân bám biển dài ngày. Mặc dù năm 1973, nghề đánh bắt cá còn gặp nhiều khó khăn nhưng sản lượng vẫn đạt 14.000 tấn.

Các ngành thương nghiệp, tài chính, ngân hàng sau khi ổn định tổ chức cũng đi vào hoạt động ngay. Thương nghiệp quốc doanh tích cực thu mua, nắm chắc nguồn hàng, phấn đấu ổn định giá thị trường. Một số mặt hàng truyền thống của thành phố như cá, muối, nước mắm, công nghệ phẩm... được đưa tới các địa phương và các tỉnh bạn để trao đổi lấy lương thực, thực phẩm, lâm sản... cần thiết phục vụ nhu cầu cấp thiết hàng ngày của cán bộ, công nhân, viên chức và nhân dân nội thành, khắc phục tình trạng thiếu ăn của nhân dân các huyện ngoại thành.

Các hoạt động văn hóa, giáo dục, y tế nhanh chóng trở lại bình thường. Ngành văn hóa - thông tin, thể dục, thể thao được tăng cường, bám sát và phục vụ hiệu quả nhiệm vụ chính trị. Phong trào văn hóa, văn nghệ, thể dục, thể thao quần chúng phát triển sôi nổi. Hệ thống loa truyền thanh tới huyện, xã được phục hồi, đảm bảo thông tin nhanh tin tức hàng ngày tới mọi người dân. Năm 1974, đội bóng đá Công an thành phố đứng thứ Nhì giải A1 miền Bắc. Phong trào bơi lội của thành phố, mà điển hình là xã Minh Tân, huyện Thủy Nguyên luôn đạt thành tích cao và cung cấp nhiều vận động viên bơi lội cho quốc gia. Hệ thống trường, lớp được khôi phục hoàn chỉnh. Phong trào thi đua “Hai tốt” của ngành giáo dục tiếp tục phát triển. Chất lượng dạy và học được nâng lên. Các trường đạt tỷ lệ học sinh lên lớp khá cao: cấp I đạt 90%, cấp II đạt 79,3%, cấp III đạt 80%. Ngành y tế thành phố tập trung cao cứu chữa thương binh, bệnh binh và nhân dân bị tai nạn chiến tranh. Công tác vệ sinh phòng bệnh được triển khai tốt, đảm bảo không xảy ra dịch bệnh. Bệnh viện của một số ngành được sáp nhập vào bệnh viện của khu phố, tạo điều kiện thuận lợi cho nhân dân khám và chữa bệnh.

Tháng 10/1973, Ban Chấp hành Trung ương Đảng họp Hội nghị lần thứ 21 (lần 2) tại Thủ đô Hà Nội, quyết định đẩy mạnh công cuộc củng cố và xây dựng miền Bắc, động viên nỗ lực cao nhất của toàn Đảng, toàn quân và toàn dân, hoàn thành sự nghiệp giải phóng miền Nam, thống nhất Tổ quốc. Tháng 12/1973, Ban Chấp hành Trung ương Đảng họp Hội nghị lần thứ 22, quyết định phương hướng, nhiệm vụ khôi phục kinh tế miền Bắc 2 năm 1974 - 1975. Từ ngày 20 đến ngày 22/3/1974, Đại hội đại biểu Đảng bộ thành phố Hải Phòng lần thứ IV xác định phương hướng, nhiệm vụ của thành phố trong 2 năm 1974 - 1975 là: “Tăng cường sự lãnh đạo của Đảng và quyền lực của chính quyền, củng cố các tổ chức quần chúng, động viên toàn Đảng, toàn dân phát huy

tinh thần cách mạng tiến công, tinh thần làm chủ tập thể, thi đua lao động sản xuất, cần kiệm xây dựng chủ nghĩa xã hội, nhanh chóng hàn gắn vết thương chiến tranh, đẩy mạnh khôi phục, phát triển kinh tế và mở rộng sự nghiệp văn hóa, giáo dục, từng bước cải thiện điều kiện ăn, ở, bảo vệ sức khỏe cho cán bộ, công nhân và nhân dân, củng cố và hoàn thiện một bước quan hệ sản xuất xã hội chủ nghĩa, khắc phục những hiện tượng tiêu cực trong đời sống kinh tế - xã hội, đồng thời luôn đề cao cảnh giác, tiếp tục xây dựng lực lượng vũ trang địa phương vững mạnh, giữ gìn trật tự an ninh, chi viện kịp thời cho miền Nam, cho Đà Nẵng - Gò Công kết nghĩa, tích cực xúc tiến các công việc chuẩn bị phục vụ cho bước phát triển của thành phố trên quy mô lớn những năm sau". Ngay sau Đại hội, Thành ủy Hải Phòng tập trung cao triển khai thực hiện Nghị quyết số 228-NQ/TW của Bộ Chính trị về đấu tranh chống tiêu cực, Chỉ thị số 192-CT/TW của Ban Bí thư về tiến hành kiểm điểm, phân loại đảng viên, đưa những người không đủ tư cách đảng viên ra khỏi Đảng. Các tổ chức đoàn thể chính trị - xã hội được củng cố, làm nòng cốt cho các phong trào thi đua yêu nước. Thực hiện chủ trương của Trung ương Đảng, Thành ủy Hải Phòng tăng cường các mặt công tác xây dựng Đảng, chính quyền và vận động nhân dân. Công tác đào tạo đội ngũ cán bộ được chú trọng. Ngày 04/4/1973, cử tri toàn thành phố đã đi bỏ phiếu, bầu cử đại biểu Hội đồng nhân dân thành phố, khu phố, huyện và xã. Ủy ban hành chính các cấp được kiện toàn một bước.

Quốc phòng - an ninh thành phố được củng cố. Căn cứ vào nhiệm vụ xây dựng và bảo vệ thành phố trong tình hình mới, tháng 4/1973, Bộ Tư lệnh Sư đoàn 350 tiến hành điều chỉnh, củng cố một bước cơ cấu tổ chức và biên chế của từng đơn vị. Bộ đội thường trực có 3 trung đoàn, 8 tiểu đoàn và 3 đại đội, 14 đội công tác cơ sở. Cơ quan Bộ Tư lệnh và 13 ban chỉ huy quân sự

khu, huyện, thị xã, 12 ban chỉ huy quân sự xí nghiệp lớn được kiện toàn, đáp ứng nhiệm vụ chỉ đạo công tác quân sự địa phương trong tình hình mới. Ngày 17/5/1973, theo quyết định của Bộ Quốc phòng, Trường Quân sự Hải Phòng được thành lập. Các tiểu đoàn, trung đoàn và lữ đoàn tự vệ ở các xí nghiệp, khu phố được củng cố, được trang bị thêm súng bộ binh, pháo cao xạ 37 ly, 100 ly, súng cối 120 ly để đáp ứng nhiệm vụ sẵn sàng chiến đấu, bảo vệ địa bàn. Nhân dân các xã ven biển đã đóng góp hàng vạn ngày công, hàng vạn gốc tre, bụi mây cùng các lực lượng vũ trang xây dựng hệ thống phòng thủ chạy dài theo tuyến đê biển, trong đó những điểm chốt là các làng chiến đấu, cụm chiến đấu liên hoàn...

2. Đốc sức chi viện chiến trường, cùng quân dân cả nước hoàn thành sự nghiệp giải phóng miền Nam, thống nhất đất nước

Cùng với tập trung khôi phục kinh tế, hàn gắn vết thương chiến tranh, phát triển sản xuất, ổn định đời sống nhân dân, Đảng bộ, quân và dân Hải Phòng dồn sức cùng cả nước hoàn thành sự nghiệp giải phóng miền Nam, thống nhất đất nước.

Hậu phương miền Bắc được củng cố về kinh tế, quốc phòng, đã tạo ra những cơ sở vật chất cần thiết đẩy mạnh công cuộc chi viện sức người, sức của cho miền Nam. Từ tháng 01/1973 đến tháng 02/1975, miền Bắc đã động viên 264.000 cán bộ, chiến sĩ, trong đó có 68.000 quân bổ sung, 8.000 nhân viên kỹ thuật và các đơn vị thực binh vào chiến đấu ở chiến trường. Cũng trong thời gian đó, hậu phương lớn miền Bắc đã chuyển vào tiền tuyến miền Nam 260.000 tấn vật chất, trong đó có 46.000 tấn vũ khí đạn, 124.000 tấn gạo, 32.000 tấn xăng dầu. So với năm 1972, số hàng chi viện tăng gấp 9 lần, trong đó vũ khí đạn gấp 6 lần, gạo gấp 3 lần, xăng dầu gấp 27 lần.

Từ những năm đầu của cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước, khi bắt đầu có phong trào kết nghĩa giữa Hải Phòng với Đà Nẵng và Gò Công, nhiều cán bộ, chiến sĩ con em nhân dân Hải Phòng đã vào chiến đấu ở mặt trận Quảng Đà và miền Trung Nam Bộ. Hàng nghìn cán bộ và con em nhân dân Đà Nẵng, Gò Công và các tỉnh khác ở miền Nam đã học tập, tham gia xây dựng và chiến đấu bảo vệ thành phố cảng, coi Hải Phòng như quê hương thứ hai của mình. Nhiều người đã trở về miền Nam chiến đấu, góp phần tăng cường đội ngũ cán bộ cho cách mạng miền Nam. Quan hệ tiền tuyến - hậu phương ngày càng gắn bó trong cuộc chiến đấu bảo vệ miền Bắc, giải phóng miền Nam, thống nhất Tổ quốc.

Tháng 5/1973, Bộ Tư lệnh Sư đoàn 350 quyết định tổ chức thêm một tiểu đoàn ngoài chỉ tiêu kế hoạch tuyển quân trong năm 1973 để tăng cường cho chiến trường. Tiểu đoàn được vinh dự mang tên “*Hải - Đà*” (Hải Phòng - Đà Nẵng) gồm 672 cán bộ, chiến sĩ, là những công nhân, tự vệ các cơ quan, xí nghiệp tình nguyện gia nhập quân đội. Ngày 18/3/1974, Tiểu đoàn Hải - Đà lên đường hành quân vào chiến trường.

Sáng mùng 1 Tết Nguyên đán Ất Mão (ngày 11/02/1975), Đại tướng Võ Nguyên Giáp, Ủy viên Bộ Chính trị, Bí thư Quân ủy Trung ương, Phó Thủ tướng kiêm Bộ trưởng Bộ Quốc phòng về Hải Phòng cùng đón Xuân và chúc Tết đồng bào, chiến sĩ thành phố. Đến thăm và chúc tết Đại đội 18 (Tiểu đoàn 14 - Đơn vị Anh hùng) pháo cao xạ bảo vệ Hải Phòng, Đại tướng căn dặn cán bộ, chiến sĩ các lực lượng vũ trang Hải Phòng phải thực hiện tốt lời dạy của Bác Hồ, thường xuyên cảnh giác, sẵn sàng chiến đấu, làm tròn mọi nhiệm vụ ở hậu phương và đẩy mạnh chi viện tiền tuyến, tô thắm thêm truyền thống “*Trung dũng - Quyết thắng*” của thành phố cảng.

Ngày 14/02/1975, Thành ủy Hải Phòng triệu tập cán bộ lãnh đạo chủ chốt trong toàn thành phố, quán triệt chỉ thị của Ban Bí thư Trung ương Đảng và nghị quyết của Quân ủy Trung ương về

công tác quân sự địa phương trong tình hình mới. Thượng tướng Hoàng Văn Thái, Ủy viên Trung ương Đảng, Phó Tổng tham mưu trưởng, nêu rõ vai trò, vị trí của công tác quân sự địa phương trong toàn bộ công tác quân sự của Đảng. Khi đất nước có chiến tranh cũng như khi đã chuyển sang hòa bình, đây luôn là một mặt công tác quan trọng của các cấp ủy đảng. Do đó, cần nghiên cứu, quán triệt sâu sắc chỉ thị của Ban Bí thư và nghị quyết của Quân ủy Trung ương về công tác quân sự địa phương, gắn chặt việc thực hiện nhiệm vụ quân sự với nhiệm vụ phát triển kinh tế, văn hóa, phấn đấu xây dựng thành phố giàu về kinh tế, vững về chính trị, mạnh về quốc phòng và an ninh, làm tròn nghĩa vụ đối với đồng bào và chiến sĩ miền Nam ruột thịt. Đồng chí Bí thư Thành ủy một lần nữa khẳng định quyết tâm của nhân dân và các lực lượng vũ trang xây dựng Hải Phòng thành một thành phố giàu và mạnh. Thực hiện quyết tâm của Thành ủy, Hội đồng nghĩa vụ quân sự thành phố họp ngày 22/02/1975, đã quyết định chọn huyện An Thụy và thị xã Kiến An làm điểm chỉ đạo thực hiện công tác tuyển quân năm 1975.

Công tác vận động được thực hiện đồng thời với việc điều tra cơ bản bằng cách “đến từng nhà, hỏi từng người”, nắm số lượng, chất lượng, giải quyết tỷ lệ hợp lý giữa tuyển quân, tuyển sinh và tuyển lao động, bảo đảm đúng chính sách và công bằng trong thực hiện chế độ nghĩa vụ quân sự. Việc tổ chức khám tuyển cũng được cải tiến, tạo không khí phấn khởi, tự nguyện trong từng người, từng nhà, biến ngày lên đường tòng quân trở thành ngày hội của quần chúng ở các địa phương.

Ngày 18/3/1975, trong khi ở mặt trận Tây Nguyên, quân ta đang thắng lớn, huyện An Thụy đã tổ chức ngày hội giao quân. Số thanh niên trong toàn huyện tòng quân đợt này vượt 10,4% so với chỉ tiêu, trong đó xã Quang Hưng vượt 97%, xã Tân Trào vượt 32%. Từ kinh nghiệm của huyện An Thụy, thị xã Kiến An, thành phố tiếp tục triển khai công tác tuyển quân ở tất cả các

khu phố, huyện, thị. Kết quả, toàn thành phố đạt 102,8% chỉ tiêu tuyển quân cả năm 1975 ngay trong đợt đầu xuân, mặc dù số lượng động viên nhiều gấp ba lần năm trước. Để nhanh chóng tăng cường lực lượng vào chiến trường, ngoài Trung đoàn 5 là đơn vị chuyên trách huấn luyện quân đi B, Bộ Tư lệnh Sư đoàn 350 giao thêm nhiệm vụ huấn luyện quân cho Trung đoàn 50 và Tiểu đoàn 10. Do đã được huấn luyện kiến thức cơ bản về quân sự khi còn là lực lượng hậu bị, là học sinh ở các trường phổ thông và dạy nghề, nhiều người đã trải qua chiến đấu khi đứng trong lực lượng dân quân, tự vệ, nên các chiến sĩ mới đều nhanh chóng nắm được các kỹ thuật, chiến thuật cơ bản, khẩn trương lên đường vào chiến trường tham gia chiến đấu. Chỉ tính từ khi Hiệp định Pari được ký kết đến đầu xuân năm 1975, Hải Phòng đã có 33 tiểu đoàn được biên chế, trang bị đầy đủ, huấn luyện tốt, hành quân vào chiến trường. Một số đơn vị đã kịp tham gia chiến dịch giải phóng Tây Nguyên và chiến dịch giải phóng thành phố Đà Nẵng kết nghĩa.

Những ngày tháng 3/1975, cuộc chiến đấu của quân và dân ta trên chiến trường miền Nam diễn ra vô cùng khốc liệt, sôi nổi. Ngày 11/3/1975, thị xã Buôn Ma Thuột được giải phóng. Đây là trận đánh then chốt trong chiến dịch Tây Nguyên. Tiếp đó, quân và dân Tây Nguyên đánh tan cuộc phản kích lớn hòng chiếm lại Buôn Ma Thuột của địch và chuyển sang truy kích tiêu diệt toàn bộ quân địch rút chạy trên đường 7, giải phóng hoàn toàn Tây Nguyên. Chiến thắng Tây Nguyên đánh dấu mở đầu sự sụp đổ không thể cứu vãn nổi của chính quyền và quân đội Sài Gòn. Nhận định thời cơ chiến lược đã tới, trong cuộc họp ngày 25/3/1975, Bộ Chính trị Ban Chấp hành Trung ương Đảng hạ quyết tâm hoàn thành giải phóng miền Nam trước mùa mưa (tháng 5/1975). Trước mắt, phát triển tiến công, đánh chiếm căn cứ liên hợp quân sự Đà Nẵng của địch, giải phóng thành phố Đà Nẵng.

Trong 30 năm chiến tranh giải phóng, chưa lúc nào tinh thần “cả nước ra trận”, “tất cả cho tiền tuyến” lại náo nức, khẩn trương như những ngày này. Toàn bộ lực lượng và phương tiện vận tải đường bộ, đường thủy, đường không của Nhà nước và của quân đội được huy động chở quân, chở đạn, chở gạo cho chiến trường. Nhiều công trường, xí nghiệp, cơ quan của Hải Phòng huy động từ 30 đến 50% số người trong biên chế đi phục vụ các chiến dịch, các vùng mới giải phóng. Các đơn vị bộ đội thuộc Bộ Tư lệnh Sư đoàn 350 chuẩn bị biên chế theo phương án tách đôi. Một nửa quân số sẵn sàng lên đường tham gia chiến đấu ở chiến trường, một nửa ở lại bảo vệ hậu phương và huấn luyện quân bổ sung. Tiểu đoàn 5 pháo binh được lệnh vào chiến trường tham gia chiến đấu, đã hoàn thành mọi công tác chuẩn bị trong nửa ngày, lên đường với 100% số quân và trang bị. Tám tiểu đoàn bộ binh thuộc Trung đoàn 5 - Đoàn Dũng sĩ Cát Bi - cùng hành quân ra trận. Thành ủy Hải Phòng còn chọn lựa hàng nghìn cán bộ đảng, chính quyền, an ninh, cán bộ quản lý kinh tế, công nhân kỹ thuật, bác sĩ, nhân viên y tế, trong đó có 500 người quê ở Quảng Nam - Đà Nẵng, làm nhiệm vụ tiếp quản các tỉnh, thành phố miền Nam. Cán bộ, công nhân Cục Đường biển và Cảng Hải Phòng khẩn trương chuẩn bị người và phương tiện làm nhiệm vụ tiếp quản các thành phố, hải cảng mới giải phóng, góp phần ổn định tình hình, cùng nhân dân địa phương xây dựng cuộc sống mới. Hàng trăm xe vận tải, xe chở khách, hàng chục tàu, thuyền, sà lan biển được huy động vào chiến dịch vận tải, thần tốc tiến ra mặt trận.

Ngày 29/3/1975, sau khi giải phóng Huế ở phía Bắc; Tam Kỳ, Quảng Ngãi ở phía Nam, bộ đội ta từ bốn hướng tiến đánh khu liên hợp quân sự Đà Nẵng, đập tan sự kháng cự của gần 10 vạn quân địch, giải phóng Đà Nẵng, thành phố lớn thứ hai ở miền Nam. Tin thành phố kết nghĩa được giải phóng bay về thành phố cảng, nhanh chóng lan đến từng nhà, từng người, đến với các chiến sĩ ngoài hải đảo, đến với các tàu thuyền đánh cá trên

biển. Cả thành phố treo đèn kết hoa mừng Đà Nẵng giải phóng. Thành ủy, Ủy ban hành chính và Bộ Tư lệnh Sư đoàn 350 tổ chức mít tinh lớn và gửi điện chúc mừng đồng bào, chiến sĩ thành phố kết nghĩa. Ngay sau cuộc mít tinh, tàu Sông Đà trọng tải 4.000 tấn rời cảng Hải Phòng, vượt biển vào cảng Đà Nẵng, mang đến cho nhân dân thành phố kết nghĩa sự chi viện kịp thời của hậu phương. Ngay sau khi Đà Nẵng được giải phóng, Bộ Chính trị hạ quyết tâm giải phóng Sài Gòn, giải phóng hoàn toàn miền Nam ngay trong tháng 4/1975. Để đưa lực lượng và khối lượng vật chất binh khí, kỹ thuật rất lớn vào chiến trường trọng điểm, Bộ Chính trị quyết định huy động lực lượng của cả nước và thành lập Hội đồng chi viện tiên tuyến, do Thủ tướng Phạm Văn Đồng làm Chủ tịch.

Thành phố Hải Phòng trong những ngày tháng 4/1975 hết sức nhộn nhịp. Các tuyến đường bộ, đường sắt, đường sông, đường biển, đường ống dẫn xăng dầu và đường không đều hướng ra chiến trường. Vận chuyển bằng đường biển không bị ùn tắc, lại có thể tranh thủ thời gian và tận dụng được những tàu có trọng tải lớn. Hơn nữa, dọc miền duyên hải Trung Bộ đã có nhiều hải cảng lớn như Đà Nẵng, Quy Nhơn, Cam Ranh được giải phóng. Do đó, mặt hàng ưu tiên nhất chở bằng đường biển cho chiến trường lúc này là vũ khí, đạn dược với khối lượng lớn để đáp ứng cho trận quyết chiến chiến lược cuối cùng. Các loại đạn pháo lớn 130 ly, Đ74, H12, lựu pháo 122 ly, đạn ĐKB, B40, B41, đều phải lấy từ các kho dự trữ ở các tỉnh miền núi Tây Bắc, Việt Bắc, kể cả ở Thanh Hóa, Nghệ An... Hội đồng chi viện tiên tuyến và các Tổng cục Hậu cần, Tổng cục Kỹ thuật chỉ đạo các địa phương, các đơn vị tận dụng hết phương tiện hiện có, kể cả các xe vận tải, tàu thuyền của các cơ quan, xí nghiệp trong tỉnh, tranh thủ đưa hàng về tập kết ở Hải Phòng.

Từ Lạng Sơn, Tuyên Quang, Yên Bái ở phía Bắc, Tây Bắc, từ Thanh Hóa, Nghệ An ở phía Nam, các đoàn tàu hỏa, xe vận tải,

ca nô, sà lan dồn dập chở hàng về Hải Phòng. Xe ô tô chở thẳng đạn ra cảng. Ca nô, sà lan áp mạn đưa đạn lên tàu. Tàu hỏa chở đạn đến ga Dụ Nghĩa. Các xe chạy cung ngắn của cảng Hải Phòng, Sở Giao thông, Ty Kiến trúc, của các công trường xây dựng, nhà máy, làm nhiệm vụ vét hàng từ ga Dụ Nghĩa và từ các điểm tập kết ra cảng. Các tàu vận tải ven biển, tàu kéo, sà lan của Cục Vận tải đường biển, của bộ đội Hải quân, của Đoàn vận tải Hồng Hà (Cục Vận tải, Tổng cục Hậu cần) nhận các loại đạn ưu tiên ở cảng Hải Phòng, nhanh chóng nhỏ neo tiến vào các cảng phía Nam.

Tàu Sông Hương, trọng tải gần 1 vạn tấn, chuyên làm nhiệm vụ trên các tuyến hàng hải quốc tế, cũng được huy động vào nhiệm vụ chở đạn cho chiến dịch. Vừa từ Nhật Bản về đến cảng Chùa Vẽ, tàu Sông Hương còn trên 5.000 tấn than cốc và nhiều loại hàng khác chưa được bốc xếp. Để nhanh chóng giải tỏa số hàng này, Cục Vận tải biển và cán bộ, thủy thủ tàu Sông Hương đã liên hệ với các chủ hàng, tranh thủ bốc xếp ngày đêm, kể cả việc tạm đưa than lên bãi để hàng của cảng. Ban Giám đốc cảng Hải Phòng đưa đến những đội bốc xếp giỏi nhất và một số xe vận tải tham gia bốc xếp và giải tỏa hàng. Để tàu có thể rời cảng nhanh nhất, cán bộ, thủy thủ và công nhân xếp dỡ đã bốc hàng ở từng khoang, hết khoang nào tranh thủ chuyển ngay đạn xuống khoang ấy. Khu vực cảng hầu như không ngủ. Cả thành phố như một guồng máy lớn, hoạt động ngày đêm, tính toán từng giờ, từng phút cho kịp với cuộc tiến công thần tốc ở chiến trường. Theo chỉ thị của Quân ủy Trung ương và Bộ Quốc phòng, một bộ phận lực lượng của Trung đoàn 126 (đặc công Hải quân) và Trung đoàn 125 Hải quân xuất phát từ cảng Hải Phòng vào Đà Nẵng làm nhiệm vụ giải phóng quần đảo Trường Sa.

Ngày 26/4/1975, quân ta mở cuộc tổng công kích mang tên Chiến dịch Hồ Chí Minh đánh chiếm thành phố Sài Gòn. Những ngày trước đó cũng như trong quá trình diễn biến trận tổng công kích và cho đến khi Sài Gòn được giải phóng, nhiều đoàn tàu xuất

phát từ cảng Hải Phòng đã kịp chở đạn, vũ khí đến cho các cánh quân trong trận đánh cuối cùng. 11 giờ 30 phút ngày 30/4/1974, lá cờ cách mạng tung bay trên Dinh Độc Lập, báo hiệu giờ toàn thắng của chiến dịch Hồ Chí Minh lịch sử. Cùng ngày hôm đó, vào lúc 15 giờ 30 phút, nhân dân và các lực lượng vũ trang Gò Công, tỉnh kết nghĩa với Hải Phòng, đã kết hợp tiến công với nổi dậy, giải phóng toàn tỉnh. Miền Nam hoàn toàn giải phóng. Ngày 15/5/1975, cùng với thủ đô Hà Nội, thành phố Sài Gòn và các tỉnh, thành phố trong cả nước, Hải Phòng tổ chức mít tinh lớn, diễu hành mừng thắng lợi vĩ đại của dân tộc.

Những năm 1965 - 1975, kể từ khi lập chiến công đầu trên đảo Bạch Long Vĩ (ngày 26/3/1965) đến chiến thắng oanh liệt 12 ngày đêm cuối năm 1972, quân và dân Hải Phòng đã bắn rơi 317 máy bay Mỹ (trong đó có 5 máy bay chiến lược B.52, 1 chiếc F111), bắn cháy 8 tàu tuần dương, tàu khu trục, tiêu diệt và bắt sống nhiều giặc lái. Các đơn vị phòng không chủ lực, lực lượng nòng cốt của cuộc chiến tranh nhân dân đất trời không bảo vệ thành phố cảng - Khu công nghiệp Hải Phòng bắn rơi 257 chiếc, bộ đội địa phương và dân quân tự vệ bắn rơi 60 chiếc. Trong bom đạn ác liệt, trong vòng vây ngăn chặn, phong tỏa hết sức tàn bạo và hiểm độc của kẻ thù, Hải Phòng vẫn thể hiện sức sống mãnh liệt. Dưới sự lãnh đạo của Đảng bộ, chính quyền thành phố, quân và dân thành phố đã thể hiện cao độ tinh thần yêu nước, sáng tạo, ra sức thi đua lao động, chiến đấu. Tất cả làm nên bản anh hùng ca vượt lên bom đạn địch, vượt lên mọi mất mát, đau thương, chiến đấu giỏi, sản xuất giỏi, phòng tránh tốt, lập chiến công và thành tích xuất sắc góp phần đánh bại mọi âm mưu, thủ đoạn chiến tranh của đế quốc Mỹ, góp sức giải phóng miền Nam của Đảng bộ, quân và dân Hải Phòng.

Cuộc chiến tranh giải phóng đã kết thúc với thắng lợi trọn vẹn. Đất nước độc lập thống nhất. Cả nước bước vào kỷ nguyên xây dựng và bảo vệ Tổ quốc xã hội chủ nghĩa.